

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

KHẢO LUẬN
XÂY BÀN & CƠ BÚT
TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

ẤN BẢN NĂM ẤT DẬU – 2005
BIÊN SOẠN | HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của DAOCAODAL.INFO. Mọi góp ý, đề nghị thay đổi, sửa chữa những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi email vào địa chỉ: tamnguyen351@live.com

Thành thật tri ơn HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG, BAN PHỤ TRÁCH KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAL.INFO đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn ngõ hầu GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 27/11/2011

Tâm Nguyên

KHẢO LUẬN XÂY BÀN & CƠ BÚT

MỤC LỤC

1. LỜI TỰA	9
2. XÂY BÀN.....	15
1. Khởi sự Xây Bàn tại Sài Gòn:	15
2. Xây Bàn tại Nam Vang.	28
3. Nguồn gốc của Xây Bàn tại Việt Nam.....	32
3.1. Thân Linh Học ở nước Mỹ:	32
3.2. Thân Linh Học ở nước Pháp:.....	36
3. CƠ BÚT.....	45
1. Tổng quát về Cơ Bút.....	45
2. Thất Nương hướng dẫn cầu bằng Ngọc Cơ - Hội Yến DTC lần đầu tiên.....	49
3. Cách lập một Đàn Cầu Cơ:	56
4. Nguyên do làm cho Ngọc Cơ chuyển động.....	58
5. Nguồn gốc của Cơ Bút:	60
6. Cháp bút:	64
7. Sự huyền diệu của Cơ Bút:	66
8. Những trường hợp thử Cơ Bút:	82
9. Phân biệt Tà Chánh trong Cơ Bút.....	97
4. HUYỀN CƠ	101
1. Huyền cơ là gì?	101
2. Cách cầu Huyền cơ:	101
3. Một lối Huyền Cơ khác được gọi là Huyền Bút:	107
5. ĐỒNG TỬ.....	109
1. Đồng tử là gì?	109
2. Có mấy phẩm đồng tử phò loan?	110

3. Điều kiện trở thành một người phò loan:	111
4. Phò loan tiền định.	114
5. Các cặp Phò loan truyền Đạo:	115
6. THÁNH NGÔN	
DẠY VỀ CƠ BÚT	133
1. Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn dạy Cơ Bút.	133
1. Thủ cơ - Chắp bút.....	133
2. Thấy dạy Ngài Trương Hữu Đức chắp cơ:	134
3. Thấy dạy về Thập nhị Thời Quân và Cơ Bút.....	135
4. Các loại Cơ Bút – Cơ quan đồng tử:.....	135
II. Thánh Ngôn của Đức Lý dạy Cơ Bút.	143
III. Phán đoán thiệt giả trong Cơ Bút:	144
7. CƠ BÚT TIÊN TRI	147
1. Đức Chí Tôn tiên tri:	147
2. Đức Lý Thái Bạch tiên tri về các thành phố lớn của Việt Nam:.....	148
3. Thần Hoàng Mỹ Lộc tiên tri Tận Thế:	149
4. Tôn Sơn Chơn Nhơn tiên tri Nhứt – Hoa hiệp chủng tạo Tân thế giới, nước Nhứt sụp đổ.	150
5. Đức Chí Tôn ban cho vua Bảo Đại bài thi tiên tri:.....	151
6. Bài thi tiên tri của Đức Lý Giáo Tông.	151
7. Thi Vấn Đáp của Bát Nương và Đức Hộ Pháp:.....	152
8. Tiên tri của Liễu Nhứt Chơn Nhơn (Tôn Tân):.....	152
9. Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ tiên tri:.....	154
10. Ông Trương Định giáng cơ tiên tri: Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu sẽ bị chết thảm.....	154
8. CÁC LUẬT ĐỊNH	
VỀ CƠ BÚT	157
1. Cấm Cơ Bút Phổ Độ:.....	157

II. Hội Thánh qui định về Cơ Bút của HTĐ.Chương trình hành sự:.....	159
III. Văn thư và Thánh Lệnh của Đức Hộ Pháp:.....	162
IV. Thông tri về Cơ Bút của Ngài Hiến Pháp Quyển Chương Quân HTĐ:	167
9. KẾT LUẬN	171

LỜI TỰA

Đạo Cao Đài được Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế lập ra là nhờ Cơ Bút.

Kỳ lập Đạo thứ ba này, Đức Chí Tôn không giáng sanh xuống cõi trần mang xác phàm mà lập Đạo như các Đấng Giáo Chủ trong hai thời kỳ Phổ Độ trước: Nhất Kỳ Phổ Độ và Nhị Kỳ Phổ Độ, mà Đức Chí Tôn chỉ dùng điển quang tối diệu của Ngài phóng xuống cõi trần, điều khiển cây Ngọc Cơ chuyển động, để viết ra văn tự truyền đạt tư tưởng của Ngài, qui tụ các linh căn đã vãng lịnh Ngọc Hư Cung đầu kiếp xuống trần làm tướng soái cho Đức Chí Tôn lập Đạo.

Nếu Đức Chí Tôn không dùng Cơ Bút thì Đức Chí Tôn chưa thể lập Đạo kỳ này. Do đó, Cơ Bút là vấn đề cốt yếu của Đạo Cao Đài.

Quý Vương đã biết được yếu điểm này, nên tìm cách khuấy phá Cơ Bút để làm mất đức tin, hầu tiêu diệt nền Đạo. Nhưng Đức Chí Tôn đã ngăn ngừa trước bằng cách “Cấm Cơ Bút Phổ Độ” vào cuối tháng 6 năm Đinh Mão (1927) sau khi Đức Chí Tôn đã lập xong Pháp Chánh Truyền và Hội Thánh đã lập xong Tân Luật.

Lúc đó chỉ còn có Cơ Bút tại Cung Đạo Tòa Thánh Tây Ninh, để Đức Chí Tôn ban thêm Thánh Ngôn, Thánh giáo, hoàn thành Giáo Lý và Triết lý của Đạo Cao Đài, đồng thời Đức Lý Giáo Tông lập ra các Đạo Nghị Định tạo thành luật pháp căn bản điều hành nền Đạo, và cũng để các Đấng ban cho Tân Kinh và các chi tiết về Nghi lễ.

Đức Chí Tôn đã nói trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển:

“Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lôi Âm Tự lập pháp Tam Kỳ Phổ Độ, Quý Vương đã khởi phá khuấy, đến danh ta nó còn mượn, duy Ngai Ta nó chẳng dám ngồi mà thôi”.

Đức Chí Tôn nói “Cái Ngai của Ta” là ý nói Đàn cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh Tây Ninh, được lập ra để cầu Đức Chí Tôn hay các Đấng thiêng liêng giảng dạy, do Đức Quyền Giáo Tông hay Đức Hộ Pháp làm Chủ đàn, hai vị Thời Quân Hiệp Thiên Đài làm Phò loan, Độc giả và Điển ký là Chức sắc Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài.

Đàn cơ tại Cung Đạo được xem là Tòa ngự của Chí Tôn, để Đức Chí Tôn giảng cơ dạy Đạo, chỉ tại nơi đây, Quý Vương không dám đến khuấy phá; còn các Đàn cơ khác tại các nơi khác thì có thể bị các chơn linh Quý vị của Quý Vương nhập vào phá khuấy để thử thách đức tin của người mới nhập môn vào Đạo.

Quý Vương đã biết chỗ yếu điểm của Đạo Cao Đài là Cơ Bút nên nó đánh ngay vào chỗ hệ trọng này để mưu toan phá tan cơ Đạo và tiêu diệt nền Đạo.

Tuy nhiên, Đức Chí Tôn đã dự bị trước tất cả để bảo toàn nền Đạo, cho nên khi Ngự Mã Thiên Quân vâng lệnh Đức Chí Tôn giảng trần làm Hộ Pháp Phạm Công Tắc, Đức Chí Tôn hỏi:

– Con phục lệnh xuống thế mở Đạo, con mở Bí Pháp hay Thế Pháp trước?

Đức Hộ Pháp trả lời: *– Xin mở Bí Pháp trước.*

Đức Chí Tôn nói: *– Nếu con mở Bí Pháp trước thì phải chịu khổ đa. Đang lúc Đời cạnh tranh tàn bạo, nếu mở Bí Pháp trước thì cả sự bí mật huyền vi của Đạo, Đời thấy rõ rồi xúm nhau tranh giành phá hoại thì mỗi Đạo mới ra*

thế nào? Vì thế, con nên mở Thế Pháp trước, dẫu Đời quá dữ, tranh giành phá hoại cả cơ thể hữu vi hư hỏng đi nữa thì cũng vô hại, miễn là mặt Bí Pháp còn là Đạo còn.

Đức Chí Tôn để cho Quý Vương phá khuấy đủ cách, thử xem có tiêu diệt được Đạo Cao Đài hay không, lúc đó mới thấy rõ Cao Đài là Chánh Đạo, đủ năng lực cứu rỗi nhơn sanh trong thời Hạ ngươn mạt kiếp. Quý Vương trở lại kính phục Đạo và được Đức Chí Tôn giao cho làm giám khảo thử thách người tu để người tu đoạt vị xứng đáng.

Cơ Bút là phần thiết yếu của Đạo Cao Đài, nhưng Cơ Bút không phải là Bí Pháp của Đạo, nên khi tất cả Cơ Bút bị cấm chỉ, Đạo Cao Đài phải chịu nhiều điều khó khăn bất tiện vì hai Đấng nơi cõi Thiêng liêng là: Đức Lý Giáo Tông và Đức Phạm Hộ Pháp không thể trực tiếp điều hành nền Đạo bằng Cơ Bút. Hội Thánh chỉ hành đạo theo Pháp Chánh Truyền, Tân Luật, các Đạo Nghị Định và các Đạo Luật của Hội Thánh ban hành trước mà thôi.

Nếu người cầm quyền Đạo lúc này có cải sửa luật pháp của Đạo thì chỉ có thể cải sửa phần Thế Pháp, còn phần Bí Pháp vẫn do các Đấng thiêng liêng gìn giữ y nguyên. Thế là nền Đại Đạo của Đức Chí Tôn không bao giờ bị biến thái hay bị tiêu diệt đặng, mà lại có một điều rất ngộ nghĩnh gần như nghịch lý là: *Càng gây khó khăn để chặn đứng nền Đạo bao nhiêu thì nền Đạo lại càng phát triển rộng ra bấy nhiêu.*

Chúng ta đọc đoạn Thánh Ngôn sau đây của Đức Chí Tôn giảng cơ ngày 5-11- Bính Dần (dl 9-12-1926) [Xem Thánh Ngôn Sưu Tập], rồi chúng ta chiêm nghiệm lại các giai đoạn thăng trầm của nền Đạo trong 80 năm qua:

“Thầy vì Tam Kỳ Phổ Độ, từng như nguyên, cho nên muốn khuấy rối bao nhiêu, Đạo lại càng phát triển bấy nhiêu.

“Trước Thiên ý chẳng đồng như trí, nên không thể nào chuyển đặng. Đạo cao nay như tâm đồng hiệp, cảm thấu Thiên đình, Thiên từng như nguyên, cũng như đồng tình vậy, nên Đạo mới dễ chuyển hơn. Các con hiểu à!

“Ấy vậy, hề biết đến nguồn Đạo thì phải nhứt tâm đợi ngày thành tựu thì các con sẽ thấy sự tối cao tối trọng của nên Chánh giáo của Thầy đem ban cho các con mà lập thành Quốc Đạo”.

Do đó, chúng ta thấy ngày nay, các tín đồ của Đạo Cao Đài đều có mặt khắp nơi trên thế giới: từ Á Châu, Úc Châu, Mỹ Châu, Âu Châu cho đến Phi Châu. Tại các nước này, nơi nào có tín đồ Cao Đài cư ngụ, đều có xây dựng các Thánh Thất thờ Đức Chí Tôn và các Điện Thờ Phật Mẫu. Còn trong nước Việt Nam thì các Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu đều được xây dựng lại rất đẹp đẽ, to lớn uy nghi, trong khắp các Tỉnh Thành từ Nam đến Bắc.

Tất cả những điều đó đã chứng minh lời nói của Đức Chí Tôn bao giờ cũng đúng cả.

Trước khi mở Đạo Cao Đài, Đức Chí Tôn dùng huyền diệu thiêng liêng khiến cho chư vị tiên khai khởi sự Xây Bàn thông công với các Đấng trong cõi vô hình, để tạo đức tin cho chư vị môn đệ đầu tiên. Sau đó mới nhờ Thất Nương Điều Trì Cung hướng dẫn tạo Ngọc Cơ cách Phò cơ viết ra chữ bóng, để việc thông công được mau lẹ, tiếp nhận các Thánh giáo mau hơn và đầy đủ hơn.

Do đó, trước tiên chúng ta nghiên cứu việc Xây Bàn, kế đó đến việc Cầu Cơ, Chấp Bút, vấn đề các Đồng tử, và sau cùng là việc cấm Cơ Bút Phổ Độ với những qui định nghiêm ngặt về Cơ Bút để tránh Cơ Bút giả.

Nay kính.

Hiền Tài **NGUYỄN VĂN HỒNG**.

XÂY BÀN

1. Khởi sự Xây Bàn tại Sài Gòn.
2. Xây Bàn tại Nam Vang.
3. Nguồn gốc của Xây Bàn tại VN.
 - o Thần Linh Học ở nước Mỹ.
 - o Thần Linh Học ở nước Pháp.
 - o Victor Hugo Xây Bàn tại đảo Jersey.

1. KHỞI SỰ XÂY BÀN TẠI SÀI GÒN:

Xây Bàn là gì? Xây Bàn là cầu các Chơn linh trong cõi giới vô hình giáng điển vào Bàn, làm cho cái Bàn lắc qua lắc lại, chơn Bàn gõ lên mặt gạch phát ra tiếng, rồi căn cứ vào tiếng gõ nấy mà qui định ra các chữ theo bảng mẫu tự: như Bàn gõ 1 tiếng là chữ A, gõ 2 tiếng là chữ Á, gõ 3 tiếng là chữ Â, gõ 4 tiếng là chữ B, gõ 5 tiếng là chữ C, gõ 6 tiếng là chữ D, gõ 7 tiếng là chữ Đ, gõ 8 tiếng là chữ E, 9 tiếng là Ê, vv... , sau đó ráp các chữ lại thành một từ, rồi thành câu, đó là câu nói hay câu trả lời của Chơn linh giáng bàn.

Theo Lịch sử của Đạo Cao Đài:

Vào năm 1924, ba ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, và Cao Hoài Sang, có quen biết Đại Úy Paul Monet, một Hội viên của Hội Thần Linh Học Pháp. Ba ông nhờ ông Monet ngồi đồng để thông công nói chuyện được với các Đấng Chơn linh vô hình. Việc nầy rất bất ngờ và thú vị đối với ba ông, nung chí ba ông muốn hiểu biết thêm về những gì của thế giới vô hình.

Trong giới nghiên cứu Thần Linh Học ở Việt Nam có đủ hạng người, nhưng ông Cư đã có một lần chứng

kiến cuộc thông công với các Đấng vô hình nên ông ước vọng liên lạc với thế giới vô hình bằng mọi cách. Điều này luôn luôn chiếm ngự tâm trí của ông và có một số người đồng chí hướng.

* Thứ bảy, đêm 5-6-Ất Sửu (dl 25-7-1925), khởi sự xây bàn tại nhà Ngài Cao Hoài Sang ở phố Hàng Dừa, gần chợ Thái Bình, Sài Gòn.



Chiều nay thứ bảy nên được nghỉ làm việc ở Sở, ông Cao Quỳnh Cư đến nhà ông Cao Hoài Sang thăm chơi để cùng ông Cao Hoài Sang và Phạm Công Tắc hàn huyên tình đời thế sự, vì ông Tắc cũng ở gần nhà ông Sang.

Hết hồi đàm đạo với chén trà câu thơ, giờ càngh khuya, ông Cao Quỳnh Cư dường như có Thần linh thúc giục hay vì linh tánh kích động, mới nghĩ ra việc Xây Bàn tiếp xúc với các vong linh khuất mặt.

Hai ông Tắc và Sang đều đồng tình hưởng ứng.

Lúc đó, ông Cao Quỳnh Diêu và hai người con của ông là Cao Quỳnh Đức và Nguyễn Văn Thân (con nuôi, hiệu Huệ Chương) cũng vừa đi xe kéo tới nhà ông Sang.

Quý ông xúm nhau khiêng một cái bàn tròn ra đặt nơi hàng ba nhà của ông Sang. Chiếc bàn tròn này có một trụ giữa và có ba chân, đường kính mặt tròn chừng hơn 5 tấc, cao khoảng 8 tấc, được chêm cái trụ giữa cao lên chừng vài phân để bàn có thể lắc qua lắc lại dễ dàng, gõ trên mặt nền gạch phát ra tiếng. Trên một cái bàn nhỏ đặt dựa vách kế bên có chưng bình hoa tươi tốt và có đốt nhang. Trên bàn tròn cũng đốt 3 cây nhang cắm vào cái lỗ nhỏ giữa mặt bàn.

Tất cả các ông bắt ghế ngồi vây quanh bàn tròn, đặt hai bàn tay úp lên mặt bàn cho hai ngón cái gác lên nhau, còn ngón út của người này thì gác lên ngón tay út của người kế bên. Quý ông ngồi lắng lặng tịnh thần. Lát sau, cái bàn bắt đầu nghiêng qua bên này rồi nghiêng qua bên kia như có ai đẩy qua đẩy lại vậy. Mấy ông hỏi kỹ với nhau thì không có ai xô đẩy gì cả, như vậy là có vong linh nhập vào bàn làm cho bàn nghiêng qua lại và gõ nhẹ lên mặt gạch.

Tiếp theo đó thì bàn bắt đầu nhịp chân gõ chữ. Bàn gõ 1 tiếng, các ông đọc A, gõ 2 tiếng đọc B, 3 tiếng đọc C, ... cứ như vậy đến khi bàn ngưng tại chữ nào thì lấy chữ đó và cứ như vậy ráp lại thành chữ, rồi thành câu có ý nghĩa.

Đêm ấy có nhiều vong linh nhập bàn, gõ ra tiếng Pháp, cũng có vong linh là học sinh Hà Nội gõ ra tiếng Việt.

Đây là buổi xây bàn lần đầu tiên, có lẽ có nhiều vong linh muốn nhập bàn và tranh nhau nói chuyện, nên làm xáo trộn, cái bàn gõ khi chững chạc, khi lựng khựng, làm cho các ông ngạc nhiên, lại thêm chán nản vì không thành từ thành câu gì cả. Khi đã quá khuya, ông Cư hồ nghi có hồn ma hay ngạ quỷ nhập bàn phá phách, nên ông đề nghị ngưng xây bàn và hẹn đêm mai thử lại.

*** Chúa nhật, đêm 6-6-Ất Sửu (dl 26-7-1925), Chơn linh Cao Quỳnh Lương và Ngài Cao Quỳnh Tuân nhập bàn.**

Qua đêm mai, Chúa nhật ngày 26-7-1925 (âl 6-6-Ất Sửu), lúc đó khoảng 8 giờ tối, quý ông đã có mặt tại nhà ông Cao Hoài Sang để thí nghiệm xây bàn lần nữa, nhưng bữa nay quý ông khiêng cái bàn tròn ra đặt ngoài sân và xúm nhau ngồi vây quanh bàn, đặt hai bàn tay úp lên mặt bàn y như hôm qua.

Ngồi tịnh thần một lát thì bàn chuyển động bắt đầu gõ. Ông Cư liền dặn quý ông đừng ai rút tay ra khỏi bàn, làm xao động e vong xuất ngoại, rồi ông lật đặt nói với vong rằng:

– Xin khoan đi, để tôi hỏi ít lời. Bây giờ chưa kiếm được cách nào cho hiểu nhau thì duy cứ gõ 2 tiếng là: ừ, chịu; còn gõ 1 tiếng là: không, chẳng phải.

Vong liền gõ 2 tiếng, tỏ ra: Chịu theo lời dặn.

Đoạn ông Cư ngụ ý nói với vong:

– Ta hiểu theo đây thì có thể nói chuyện với nhau tiện hơn: Nếu tôi hỏi chi, muốn trả lời thì cứ gõ theo vần quốc ngữ, mỗi chữ mỗi gõ, đến chữ nào dùng thì ngưng lại, nghĩa là lấy chữ chót; rồi bắt đầu gõ trở lại mà nói chữ khác, xong rồi sẽ ráp chữ lại mà đọc, giống như đánh giầy thếp vậy.

Vong liền gõ 2 tiếng tức là: Ừ, chịu.

Hiểu nhau rồi, bàn gõ, ông Cư khởi đọc, nhưng sự chi cũng vậy, lúc đầu thế nào cũng lộn xộn, rồi sau thì quen dần.

Ông Cư khởi đọc trở lại lần nữa: A, Ẫ, Ầ, B, C, D, Đ, E, Ê, G, H, I, K, L, tới chữ L thì bàn ngưng gõ, nghĩa là lấy chữ L. Ông Cư dặn ông Sang nhớ chữ đó để sau ráp lại.

Ông Cư khởi đọc lại theo tiếng gõ của bàn, đến chữ Ừ thì bàn ngưng gõ, lấy chữ Ừ, vv.....

Lần lượt được các chữ: L, Ừ, Ỡ, N, G, C, A, O, Q, U, Y, N, H, ráp lại thì được 3 chữ: Lương Cao Quỳnh.

Khi tiếp được 3 chữ ấy rồi thì mấy ông mới hơn hờ vui mừng. Ông Cư nói:

– Như phải là Cao Quỳnh Lương thì chắc biết mấy người ngồi đây, vậy cứ gõ tên mỗi người xem có trúng không.

Ông Cư nói dứt lời thì bàn gõ, ông Cư đọc vẫn như trước, chững xong ráp lại thành các tên: Diêu, Cư, Tắc, Sang, Đức, Thân. Mọi người hiện diện đều cười rộ lên vì vong linh chỉ trúng tên tất cả, lúc đó cái bàn đỡ hồng lên một chân lắc qua lắc lại dường như cũng cười theo vậy.

(Cao Quỳnh Lương là con của Ngài Cao Quỳnh

Diêu, đã chết cách đây vài năm, nên biết rõ tên của tất cả người xây bàn.)

Sau đó ông Diêu hỏi Cao Quỳnh Lượng:

– Con có ở hầu ông nội không? Đáp: – Có.

– Mời ông nội đến đây tiện không? Đáp: – Đặng.

Trả lời xong thì bàn dở lên rồi để nhẹ xuống không còn dao động nữa. Ông Tắc nói: Bộ khi nó đi rồi.

Nghe vậy, mấy ông dang tay ra nghỉ hết..

Bốn ông: Diêu, Cự, Tắc, Sang đều cảm thấy rất lạ lùng, hình như thế giới vô hình vừa hé ra cho mấy ông thấy một điều bí mật.

Nghỉ được nửa giờ, tất cả đều trở lại ngôi xây bàn như lúc nãy. Kỳ này, mấy ông có màu kiêng dè, không dám cười giỡn nữa. Tịnh tâm một chút thì bàn gõ. Ông Cự đọc vần: A, Ầ, Ẫ, B, C, D, Đ, E, Ê, G, H, I, K,... giống như lúc nãy, lần lượt tiếp đặng 3 chữ: CAO QUỲNH TUÂN.

Ấy là tên thân phụ của hai Ngài: Cao Quỳnh Diêu và Cao Quỳnh Cự. Hai ông Diêu và Cự đứng dậy chấp tay xá rồi ngồi trở xuống. Ông Cự nói:

– Vì buổi Thấy quá vắng, anh em con vẫn còn nhỏ dại, cho đến nỗi anh của con đã trọng mà còn không nhớ đặng hình ảnh của thầy, hướng chỉ là con còn nhỏ quá, duy buổi lớn khôn, nghe người truyền ngôn lại cái hạnh đức của thầy mà thôi, nếu tiện, xin thầy dùng dịp này cho anh em con một bài thi tự thuật hầu để roi truyền ngày sau cho con cháu thờ làm kỷ niệm. (Ông Cự gọi thân phụ là thầy)

Ngài Cao Quỳnh Tuân bằng lòng, rồi gõ bàn cho bài thi:

*Ly trần tuổi đã quá năm mươi,
Mi mới vừa lên ước đặng mười.
Tổng mển lời khuyên bên mộ chếp,
Tình thương câu dặn gắng tâm đời.
Bên màn đời lúc trên hôn phách,
Cõi thọ nhiều phen đặng thành thời.
Xót nỗi vợ hiền còn lụm cùm,
Gặp nhau nhẩn nhủ một đôi lời.*

CAO QUỲNH TUÂN

Khi viết đến câu chuyện thì cả thầy đều nao lòng rưng rưng nước mắt, chùng qua câu kết thì 3 ông Diêu, Cự, Tắc vùng khóc lớn lên, ông Sang cũng mũi lòng khóc theo.

Bàn gõ tiếp: Thầy xin kiếu.

Ông Cự vội nói: – Thưa thầy, ngày mai con nấu mâm cơm cúng thầy, kính thỉnh thầy về chứng lòng thảo của chúng con. [Ngài Cao Quỳnh Tuân (1844-1896) qui vị ngày 14-11-Bính Thân (dl 8-12-1896). Ngài là Xuất Bộ Tinh Quân giáng trần. Ngài mất sớm, hưởng đặng 53 tuổi.]

Vong linh liền chuyển cái bàn gõ 2 tiếng, ngỏ ý chấp thuận lời mời, kể đó vong xuất.

Sau khi tiếp đặng bài thi Đường luật ý nghĩa thâm thúy và quá hiển hích với lời của một người cha hiền nhẩn nhủ lại cùng vợ và các con, làm cho bốn ông: Diêu, Cự, Tắc, Sang cảm kích và tin tưởng có linh hồn nơi thế giới vô hình, không còn xem thường việc xây bàn là trò chơi giải trí nữa.

* Đêm 10-6-Ất Sửu (dl 30-7-1925), Chơn linh Cô Đoàn Ngọc Quế giáng bàn.

Cách 4 hôm sau, quí ông hẹn nhau vào lúc 8 giờ

tối tại nhà ông Cao Hoài Sang để xây bàn nữa. Kỳ này sắp đặt chỉnh tề hơn, có một bàn nhỏ kê bên đặt hương, đăng, hoa, trà, quả.

Đúng 9 giờ tối, cuộc xây bàn bắt đầu, bốn ông: Diêu, Cư, Tắc, Sang và hai người con của ông Diêu là Đức và Thân cũng ngồi vào, đặt hai bàn tay úp xuống mặt bàn như đêm xây bàn hôm trước.

Tịnh thần một lát thì bàn lay chuyển một cách uyển chuyển nhẹ nhàng, bàn liền gỗ, ráp lại thành mấy chữ: “Thác vì tình”. Nghe đến đó, các ông đều rợn tóc.

Ông Cư hỏi: – Đàn ông hay đàn bà?

Vong gỗ trả lời: – Đoàn Ngọc Quế, con gái.

Ông Cư bèn xin một bài thi tự thuật.

Vong liền gõ bàn cho một bài thi như sau:

TỰ THUẬT

*Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai?
Mạng bạc còn xuân uống sắc tài.
Những ngõ trao duyên vào ngọc các,
Nào dè phũ nợ xuống tuyến đài.
Dương sinh cam lộ tình sông núi,
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trúc mai.
Đồn dập tương tư ỏn một gánh,
Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai?*

ĐOÀN NGỌC QUẾ

Các ông tiếp được bài thi Đường luật rồi thì rất phục thi tài của người khuất mặt nhưng nghe như có điều bí ẩn gì, không lẽ một vong linh thường mà làm được bài thi kiệt tác như vậy, nên ông Cư hỏi: – Cô bị bệnh gì mà thác?

Bàn gỗ trả lời: – Sanh trưởng tại Chợ Lớn, con một, thác vì tình năm 19 tuổi.

Ông Cư thấy Cô làm thi hay quá nên mời Cô thường đến để xướng họa thi văn. Cô Đoàn Ngọc Quế gõ bàn trả lời bằng lòng và sau đó chơn linh Cô xuất.

Buổi xây bàn này kết quả rất tốt đẹp. Bốn ông: Diêu, Cư, Tắc, Sang hết nghi ngờ, tin tưởng rõ rệt là có các chơn linh nơi thế giới vô hình.

Bài thi của Cô Đoàn Ngọc Quế quá hay, bốn ông trầm trồ mãi, rồi quý ông đem đờn ra, một ông ngâm bài thi, ba ông đờn hòa theo, rồi cùng nhau mượn chung rượu đầy vơi trong lúc tàn canh để gợi hứng niềm hoài cảm.

*** Thứ sáu, đêm 11-6-Ất Sửu (dl 31-7-1925). Có 3 người khách đến thử xây bàn.**

Đêm hôm sau, 11-6-Ất Sửu (dl 31-7-1925), 3 ông Diêu, Cư, Tắc cũng hẹn nhau tới nhà ông Sang để tiếp tục xây bàn. Bốn ông vừa ngồi vào chuẩn bị xây bàn thì có 3 ông khách quen thân vào tới, tên là: Vương Hồng Sển, Đoàn Ngọc Quế, Nguyễn Văn Xuân. Ông Sển và Xuân làm thơ ký tập sự chung một sở trường máy, đường Đỗ Hữu Vị, nay là trường Kỹ Thuật Cao Thắng, ông Quế thì lớn tuổi hơn, làm Thông Phán ở Phòng Nhì dinh Thượng Thơ. Ba ông đi xe kéo tới nơi liền xin vào thí nghiệm Xây Bàn, nên bắt ghế ngồi quanh bàn chung với bốn ông.

Bảy người ngồi giáp chung quanh bàn, các bàn tay úp xuống bàn đặt khít nhau, giáp chu vi mặt bàn.

Ngồi tịnh thần chừng 10 phút, bàn bắt đầu chuyển động, 3 cây nhang cắm giữa bàn rung rung như báo cho biết có vong linh nhập bàn. Trong nhà lúc đó đồng hồ

gỗ 9 tiếng.

Bàn bắt đầu gõ, xưng tên là: Đoàn Ngọc Quế, tiểu thơ.

Tên cô tiểu thơ vong linh trùng tên với ông Đoàn Ngọc Quế đang ngồi xây bàn, ông Quế liền hỏi:

– Chẳng hay trong nhóm hôm nay có người nào trùng danh tánh trùng tự với tiểu thơ chăng?

Lập tức cái bàn nghiêng nghiêng qua phía ông Đoàn Ngọc Quế rồi gõ mạnh một tiếng “cộp”.

Ông Sễn liền hỏi:

– Nội trong bọn có người nào mới lạ chăng?

Cái bàn liền gõ là “c” và gõ tên người lạ đó là “SỄN”.

Bàn gõ khoan thai yếu điệu quả là tánh nét của một tiểu thơ khuê các. Khi nào không muốn trả lời câu hỏi quá tọc mạch thì bàn nghiêng nghiêng qua một bên nhưng không gõ, ba cây nhang rung rung như bất bình. Lần lần hỏi đến gia đạo của Cô và Cô đau bệnh chi mà thác?

Cô gõ bàn cho bài thi như sau:

*Trời già đành đoạn nợ ba sinh,
Bèo nước xẻ hai một gánh tình.
Mấy bữa nhãn mày làm chức quý,
Khiến ôm mối thâm lại Diêm đình.*

Xây bàn đến đây cũng đã khá khuya, ba ông khách: Vương Hồng Sễn, Nguyễn Văn Xuân, Đoàn Ngọc Quế xin kiếu từ ra về. Ba ông này chính mắt thấy, chính tay xây bàn nên không còn điều gì để nghi ngờ là chuyện huyền hoặc hay do bàn tay con người sắp đặt ra để lừa bịp thiên hạ. Các ông tin chắc có linh hồn nơi cõi giới vô hình và người hữu hình có thể thông công được với người vô hình.

Sau khi 3 vị khách ra về, 4 ông: Diêu, Cư, Tắc, Sang tiếp tục xây bàn để cầu hỏi vong linh Cô Đoàn Ngọc Quế.

Bàn tiếp tục gõ, Cô Quế cho thi tiếp:

*Người thì ngọc mã với kim đàn,
Quên kẻ dạ dài nỗi thảm mang.
Mình dặn lấy mình, mình lại biết,
Mặc ai chung hưởng phận cao sang.*

ĐOÀN NGỌC QUẾ

Ông Cư hỏi Cô Quế: – Hỏi còn tại thế, Cô ở đâu?

Cô Quế gõ bàn trả lời: – Ở Chợ Lớn.

– Học trường nào? - Học trường đằm (Sainte Enfance).

Câu chuyện xây bàn kể từ đây, bốn ông lấy làm quan tâm hào hứng và làm cho các giới văn nhân tài tử nghe đến đều thích thú việc xây bàn.

Từ bữa có bài thi Tự thuật của Cụ Cao Quỳnh Tuân và sự xuất hiện của vong linh Cô Đoàn Ngọc Quế rất giỏi thi văn, cho bài thi “Thác vì tình” làm cho các ông rất phấn khởi muốn hiểu biết thêm những bí mật của thế giới vô hình.

Vì thế, ban ngày quý ông đi làm việc ở Sở, nhưng lòng rất băn khoăn, không mấy thiết tha với công việc ở Sở nữa, trông cho mau hết giờ để trở về nhà, rồi trông trời mau tối để xúm nhau xây bàn tiếp chuyện với các vong linh.

Ông Cư nhận thấy đã xây bàn nơi nhà ông Sang 4 đêm rồi, làm phiền gia chủ không ít, nên mời quý ông đêm sau đến nhà ông tiếp tục xây bàn mời Cô Đoàn Ngọc Quế về làm thi.

* Thứ bảy, đêm 12-6-Ất Sửu (dl 1-8-1925), xây bàn tại nhà Ngài Cao Quỳnh Cư.

Theo lời mời của ông Cư, đêm nay xây bàn tại hiên nhà ông Cư, ở số 134 đường Bourdais Sài Gòn, nay là đường Calmette Quận I.

Tại đây, ông Cư dùng chiếc bàn mặt vuông có 4 chân, chêm lên một chân để cho bàn lắc qua lắc lại dễ dàng, gõ nhẹ lên mặt gạch phát ra tiếng.



Đêm nay, ông Diêu bận việc nên vắng mặt, chỉ có 3 ông: Cư, Tắc, Sang ngồi xây bàn. Cô Quế nhập bàn chào mừng ba ông, đàm luận một hồi rồi ba ông xin kết làm

anh em thi hữu với Cô. Cô gõ bàn bằng lòng và gọi:

Ông Cư là Trưởng ca,

Ông Tắc là Nhị ca,

Ông Sang là Tam ca,

Còn Cô xưng là Tứ muội.

Kết nghĩa anh em như vậy rồi, ba ông gạn hỏi tên thiệt của Tứ muội là chi, mấy anh em Qua muốn Tứ muội đừng giấu giếm. Nài nỉ mãi, cuối cùng Cô gõ bàn để 3 chữ: V T L.

Ba ông phăng hỏi đến mồ mã của Cô ở đâu? Cô cũng chỉ rõ cho ba ông hết điều ngờ vực, hiện ngôi mộ của Cô ở khu vườn Bà Lớn. (Bà Lớn là Bà Tổng Đốc Đỗ Hữu Phương)

* Chúa nhật, ngày 13-6-Ất Sửu (dl 2-8-1925), đi viếng mộ của Cô Vương Thị Lễ.

Sáng hôm nay nhằm ngày Chúa nhật nghỉ làm ở Sở, ba ông (Cư, Tắc, Sang) sắm sửa nhang đèn quả phẩm đi tìm viếng mộ của Cô Quế trong Vườn Bà Lớn, ở Ngã Bảy, gần Phú Thọ. Quả nhiên, đúng theo lời chỉ dẫn của Cô, ba ông tìm thấy ngôi mộ của Cô xây gạch rất đẹp, nhà mồ có bia in hình Cô còn rất trẻ trung, dung nhan xinh đẹp, phía dưới đề tên VƯƠNG THỊ LỄ đúng với ba chữ mà Cô viết tắt V T L.

Ba ông vừa mừng vừa cảm động, hiểu rõ Đoàn Ngọc Quế là tá danh, tên thật là Vương Thị Lễ.

Ba ông bày đèn nhang quả phẩm khẩn vái vong hồn của Cô và mời Cô về nhà nhập bàn trò chuyện. Ba ông có ý thử xem, ban ngày vong có dám về nhập bàn không?

GHI CHÚ: Cô Vương Thị Lễ là cháu ngoại của Ông Bà Tổng Đốc Đỗ Hữu Phương. Cô là con gái của ông Vương Quan Trân (anh ruột của Quan Phú Vương Quan Kỳ). Cô sinh ngày 8-1-Canh Tý (1900), học trường Sainte Enfance, trình độ Trung học Pháp, mất ngày 25-10-Mậu Ngọ (dl 28-11-1918) vì bệnh, lúc đó Cô được 19 tuổi.

Thăm mộ của Cô Lễ xong, ba ông trở về, tới nhà lúc 9 giờ, liền đem bàn ra để cầu Cô Lễ. Cô nhập bàn, xác nhận đó là ngôi mộ của Cô và cảm ơn ba ông về sự thăm viếng này.

Tất cả ba ông đều rất cảm kích và phấn khởi trong việc Xây bàn có kết quả tốt đẹp, hiểu được sự bí mật vô hình mà ít người rõ thấu.

Thấy rõ sự hiển linh và huyền diệu trong việc tiếp xúc với các Chơn linh trong cõi vô hình là nhờ Cô Vương Thị Lễ, tá danh Đoàn Ngọc Quế, là vị Nữ Tiên Thất Nương Điều Trì Cung đến khơi màn bí mật để dìu dắt ba ông, lại dùng thi phú tuyệt hay đánh vào tâm lý của các văn thi sĩ đương thời, nên ba ông tích cực say mê xây bàn, đêm nào cũng hiệp nhau xây bàn cho đến khuya, ngáy ngất trong niềm vui mãn ý.

Thế giới vô hình như đang hé mở trước ba ông.

Việc Xây bàn tại Sài Gòn tạm dừng nơi đây để bắt qua việc Xây bàn mở Đạo tại Nam Vang.

2. XÂY BÀN TẠI NAM VANG.

Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc Xây Bàn tại nhà ông Cao Đức Trọng ở Kim Biên (Nam Vang):

Đức Hộ Pháp đặc lệnh Đức Chí Tôn đi Kim Biên

(Phnom Pênh) để mở Đạo Cao Đài tại đây vào cuối tháng sáu năm Đinh Mão (1927). Đức Hộ Pháp tạm ngụ tại nhà ông Cao Đức Trọng (anh ruột của Ngài Cao Hoài Sang), trong dãy phố 8 căn gọi là phố Lang Cô trong ngõ hẻm của đường Ohier. Nhà ông Cao Đức Trọng ở căn bìa phía đường cái đi vào, nhà của ông Trần Quang Vinh ở cách đó hai căn, căn thứ năm là nhà của ông Đặng Trung Chử làm kế toán hãng buôn.

Ông Trần Quang Vinh thuật lại giai đoạn Đức Hộ Pháp Xây Bàn tại đây trong quyển Bồ Túc Hồi Ký như sau:

“Trong lúc anh em thân thuộc ở gần toàn là công tư chức, hằng đêm tụ họp trước sân nhà ông Cao Đức Trọng chuyện trò và nhơn dịp ấy tiếp xúc với Đức Hộ Pháp là người bạn mới ở Sài Gòn đổi lên. Trong những câu chuyện thường, Đức Hộ Pháp hằng đàm luận về thi phú văn chương, như là nhắc nhở các bài thi học hỏi nơi Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng, tường thuật bao nhiêu huyền diệu trong việc Xây Bàn và cầu cơ lúc ở Sài Gòn, lập đi lập lại những thi văn hướng dẫn về con đường đạo đức, những bài tiên tri nói về Đạo Cao Đài và tương lai nước Việt.

Câu chuyện rất hấp dẫn, thâm phục được các bạn trí thức, kéo tới việc Xây Bàn thử để xem các Đấng dạy thế nào.

*** Huyền diệu Cơ Bút: Xây Bàn và Cầu Cơ tại nhà ông Cao Đức Trọng:**

Lúc mới khởi việc Xây Bàn thì chỉ có Đức Hộ Pháp và ông Cao Đức Trọng để tay lên bàn tròn, ba chơn (cái bàn này giống hệt cái bàn tại nhà Ngài Cao Hoài Sang ở

Sài Gòn dùng để Xây Bàn trước đây). Cơ lên nhưng bàn nhíp hơi yếu, thêm một người nữa để tay vào thì bàn nhíp mạnh hơn. Cách đếm và ráp chữ cũng giống y như lúc Đức Hộ Pháp hiệp với các bạn ở Sài Gòn xây bàn vậy.

Trong những bạn bè đến chơi, có người xin hỏi về gia đạo, về tương lai, về việc nước, v.v... thì tức khắc được thưởng một bài thi hoặc 4 câu hoặc 8 câu để thỏa mãn lòng hiếu kỳ.

Những vị được bài thi, đọc đi đọc lại tự biết việc mình, khen cơ nói trúng phóc nên khen lấy khen để, gọi là linh thiêng, tỏ vẻ kính trọng hơn trước, rồi tiếng đồn lan rộng, nhiều người khác đến mỗi đêm.

Càng ngày khách càng đông. Xây Bàn thì chậm chạp, chỉ mỗi đêm được năm ba bài thi, nên Đức Hộ Pháp nảy ra hai ý kiến tuyệt diệu:

Một là: Tạo ra một Tiểu Ngọc Cơ, hình thức như Ngọc Cơ tại Tòa Thánh, cũng có cần cơ, mỏ cơ và một cái giỏ đương bằng mây phất giấy vàng, ngang miệng giỏ có một cây ngang đẹp, giữa cây có soi một cái lỗ cho vừa đứt xuống cái cốt bàn cơ. Bàn cơ thì hình vuông như bàn cờ tướng, trên mặt có vẽ chữ A, Ẫ, Ầ, B, C, D, Đ, E, Ê, ... tới chữ Z theo hình rẽ quạt. Khi đứt Ngọc Cơ vào cốt, hai vị phò loan hai tay nắm miệng giỏ, mỗi người một bên. Khi điểm quang vào tay thì Ngọc Cơ chuyển động, quay qua quay lại trên trụ cốt, xây vòng theo chữ vẽ hình rẽ quạt, khi đến chữ nào mỏ cơ ngừng thì có người hầu kể bên đọc, một người khác viết lại từ chữ.

Cách thức này tuy chậm hơn Ngọc Cơ ở Tòa Thánh nhưng mau hơn Xây Bàn gấp 10 lần.

Hai là: Buộc ai muốn cầu cạnh điều chi thì phải dâng sớ, phải viết một tờ sớ kể lể việc mình cầu khẩn, đội lên đầu khi hầu đàn, cơ giáng thì tuần tự kêu tên từ người.

Huyền diệu thay! Mỗi khi có một hai chục người dâng sớ, hai vị phò loan là Đức Hộ Pháp và ông Cao Đức Trọng làm sao biết tên họ, mà trong mỗi bài thi tặng cho mỗi người đều có mang tên người ấy ở đầu bài thi. Trong lá sớ của mỗi người dâng lên là họ hỏi việc riêng của họ, mà trong bài cơ tiếp được thì trả lời trúng theo sớ cầu của họ, họ hết sức báỉ phục.

*** Một vụ tráo lá sớ để thử cơ:**

Một đêm nọ, có bà góa phụ tên Trần Kim Phụng, là một người đàn bà sang trọng có tên tuổi, lại là bậc thi sĩ ở Nam Vang mà ai ai cũng đều kính nể, đến hầu đàn mà có tư ý là muốn thử cho biết thiệt hư. Bà cũng vào trước đàn cơ quì lạy như mọi người, dâng sớ xin thi.

Trong đàn thì đông đảo, mỗi người đội một lá sớ, lòng thành cầu khẩn. Lúc mới vào đàn, còn đương lộn xộn, kẻ đứng người quì, bỗng nhiên có ông bạn quen, tên Huỳnh Đình Thới, kế toán viên hãng buôn, cố ý đến thử sự linh thiêng của đàn cơ, ông lỏn ra phía sau chỗ bà Trần Kim Phụng đã quì và đội lá sớ lên đầu, ông lén tráo lá sớ của ông thế vào lá sớ của bà mà bà không hay, cũng không ai để ý, rồi ông quì xuống có đội lá sớ của bà Trần Kim Phụng.

Khi cơ giáng ban một bài thi bát cú cho bà Trần Kim Phụng mà lá sớ do ông Huỳnh Đình Thới đội dâng, chữ đầu của bài thi là PHỤNG: Phụng đến bờ dương trời tiếng kêu. (Tác giả chỉ nhớ câu đầu của bài thi) mà trọn

ý tứ của bài thi thì toàn là việc của bà Trần Kim Phụng.

Rồi đến lượt ông Huỳnh Đình Thới, mà lá số lại do bà Trần Kim Phụng đội dăng, có giáng cho một bài thi bát cú có chữ THỐI đứng đầu, mà ý tứ và sự việc đều đúng theo sở cầu của ông Thới đã viết trong lá số.

Khi bãi đàn, đem thi ra đọc lại, ông Thới mới thú thật là ông tráo lá số của ông cho bà Trần Kim Phụng đăng thử xem cơ thiết hay giả, chùng ấy ông mới bái phục sự linh hiển thiêng liêng.”

3. NGUỒN GỐC CỦA XÂY BÀN TẠI VIỆT NAM.

3.1. THẦN LINH HỌC Ở NƯỚC MỸ:

Phong trào Thần Linh Học thế giới khởi đầu xuất hiện tại Hoa Kỳ vào năm 1847, thành phố New York, nơi nhà của ông Veckman trong một nông trại tại Hydesville. Hằng đêm ông Veckman nghe có tiếng đập cửa hay tiếng gõ vào vách, nhưng khi mở cửa ra xem thì không thấy ai cả, làm cho gia đình ông hoảng sợ, cho là có hồn ma phá khuấy nên không dám ở đó nữa, phải trả nhà dọn đi nơi khác.

Sau đó có gia đình ông thợ may nghèo tên là John Fox đến mượn ở. Một tháng đầu, ông Fox chẳng thấy chi lạ cả, nhưng thời gian sau thì hiện tượng gõ cửa đập vách lại xảy ra, và đặc biệt ban đêm, đồ đạc trong nhà tự nhiên xê dịch từ chỗ này qua chỗ khác.

Ban đầu, ông bà Fox cũng hoảng sợ, nhưng thấy các hiện tượng lạ này không có phương hại chi đến gia đình nên ông bà bỏ qua không để ý đến nữa, dần dần rồi cũng quen với các hiện tượng kỳ bí đó.

Ông bà Fox có hai đứa con gái, đứa lớn tên Margaret 15 tuổi và đứa nhỏ tên Kate 12 tuổi.

Một hôm, ông bà Fox định đi ngủ sớm vì ban ngày may vá mỗi mệt quá, và không để ý đến tiếng đập vách. Khi vào phòng ngủ thì thấy Kate còn thức và vỗ tay chơi. Liên sau đó, ông bà Fox nghe có tiếng gõ vách đáp lại. Cô bé vỗ tay 3 tiếng thì có 3 tiếng gõ vách đáp lại.

Bà Fox nói thử: Hãy gõ 10 tiếng coi.

Liên đó có 10 gõ vách đáp lại.

Bà Fox kinh ngạc nói tiếp: Nếu linh hiển, hãy gõ đúng số tuổi của Kate.

Liên đó tiếng gõ đáp lại đếm đúng 12 tiếng.

Bà Fox lại nói: Nếu là người thật thì gõ 1 tiếng trả lời.

Hoàn toàn yên lặng.

Chờ một chút, bà Fox nói tiếp: Nếu là hồn linh thì gõ 2 tiếng trả lời.

Tức thì có 2 tiếng gõ đáp lại.

Hiện tượng lạ lùng này ngày hôm sau được lan truyền ra khắp nơi rất nhanh, khiến nhiều người hiếu kỳ tấp nập đến xem. Giới tu sĩ, giới khoa học, đều tìm đến tận nơi để quan sát, thử nghiệm, nghiên cứu. Kết quả họ rất ngạc nhiên lẫn kinh sợ, xác nhận hiện tượng kỳ bí có xảy ra thực, nhưng không cách nào giải thích được sự kỳ bí này.

Sau đó, có một nhà nghiên cứu tên là Issas Post đến xem, nảy ra sáng kiến là bảo hồn linh gõ theo thứ tự các mẫu tự A, B, C,... Gõ 1 tiếng là chữ A, gõ 2 tiếng là chữ B, gõ 3 tiếng là chữ C, v.v... để sau đó ráp lại thành câu văn mà nói chuyện với nhau.

Vong linh liên gõ 2 tiếng để tỏ sự đồng ý.

Thế là nhờ phương cách này, tuy mất nhiều thời giờ, nhưng ông Issas Post có thể nói chuyện được với hồn linh. Ông được hồn linh trả lời nhiều điều mà trước đây không ai có thể biết được về thế giới vô hình.

Nhờ phương pháp này, ông Fox nói chuyện được với hồn linh. Hồn linh cho biết, khi còn sống tên là Charles Haynes, làm phu khuân vác, có 5 con, sau đó góa vợ, đã bị chủ nhà trước giết chết, xác được chôn trong hầm của nông trại. Hồn linh cũng cho biết tên của người giết chết ông ta, là người đã ở kế căn nhà này hai năm về trước.

Ông Fox đào thử trong hầm của nông trại thì tìm thấy được: một mớ vôi, một mớ than, nhiều mảnh chén bể, một nắm tóc, vài khúc xương, một miếng mềm giống như óc.

Ông Fox rất ngạc nhiên và hoảng sợ.

Lối xóm đồn âm lên là gia đình ông Fox nói chuyện được với hồn ma.

Báo chí hay tin, liền cử người đến quan sát, rồi đăng tin lên báo, khắp nước Mỹ đều hay biết. Giới tu sĩ và giới trí thức rất chú ý đến hiện tượng bí ẩn này.

Hậu quả của việc thông linh này là gia đình ông Fox không làm ăn gì được cả, nên phải dọn nhà đi nơi khác ở.

Vì việc này, Giáo hội Méthodiste (Église Methodiste) thuộc đạo Tin Lành trục xuất ông bà Fox ra khỏi Giáo hội. Ông Fox đưa gia đình đến ở Rochester, là nơi đông đúc dân cư, tránh khỏi khu vực đó, nhưng hồn ma Charles Haynes cũng theo gia đình ông Fox đến Rochester.

Hai chị em Margaret và Kate phải làm trung gian

để những người sống muốn nói chuyện với linh hồn ông Haynes.

Rất nhiều người trước đây không biết gì về hồn ma và cũng không tin có ma, nay chứng nghiệm được hiện tượng hiển nhiên như vậy thì họ rất tin tưởng và cũng trở thành Đồng tử giống như hai cô gái Margaret và Kate.

Nhiều cuộc trình diễn được tổ chức trước công chúng, kết quả rất tốt đẹp, khiến nhiều người phải xác nhận có linh hồn, người chết thì thể xác tiêu tan, nhưng linh hồn vẫn tồn tại nơi thế giới vô hình.

Tiếng tăm của gia đình ông Fox nổi bật giữa quần chúng nước Mỹ. Báo chí Mỹ không ngớt tường thuật tỉ mỉ các buổi thông linh này.

Hội Đồng Thành phố Rochester thành lập Ban điều tra đặc biệt về hiện tượng thông linh đó. Sau mấy năm nghiên cứu, ba lần họp, có đến hàng trăm diễn giả thuyết trình, tranh luận sôi nổi, nhưng chưa đạt được một kết luận dứt khoát nào.

Kinh sợ trước những hiện tượng kỳ bí mà họ chứng kiến, một số người hồ đồ xấu miệng đồn lên rằng, gia đình ông Fox là phù thủy, là hiện thân của ma quỷ, họ sách động đám đông đập chết toàn cả gia đình ông Fox gồm bốn người, một cách hết sức oan uổng.

Sau khi gia đình ông Fox bị thăm sát, hiện tượng thông linh “gõ cửa hay gõ vách” vẫn tiếp tục xuất hiện ở nhiều nơi trên đất nước Mỹ.

Luật Sư J. Edmonds, Giáo Sư E. Mapes thuộc Hàn Lâm Viện Hoa Kỳ, Giáo Sư Robert Hare tại Đại Học Đường Pennsylvania, sau nhiều năm nghiên cứu, thông

công được với nhiều người trong thế giới vô hình, đã có những kết luận rất xác đáng, nên tổ chức các buổi thuyết trình, viết ra nhiều sách để phổ biến, xác nhận sự hiện hữu của linh hồn và của thế giới vô hình.

Năm 1852, một Hội Nghị Thần Linh Học (Congrès Spirite) đầu tiên được tổ chức tại Cleveland nước Mỹ.

Năm 1854, số người theo Thần Linh Học ở Hoa Kỳ lên đến con số 3 triệu người, trong đó có hơn 10 ngàn Đồng tử.

3.2. THẦN LINH HỌC Ở NƯỚC PHÁP:

Từ năm 1852, một Phái đoàn Thần Linh Học từ Mỹ đi qua nước Anh và đã gây được một phong trào Thần Linh Học mạnh mẽ tại nước Anh.

Năm 1853, một nhóm Thần Linh Học khác lại đi từ Mỹ qua nước Pháp và Đức, cũng gây được những phong trào Thần Linh Học đáng kể ở hai nước này.

Năm 1854, ông Chevreul thuộc Hàn Lâm Viện Khoa Học Pháp và ông Faraday ở nước Anh, đã phá kịch liệt Thần Linh Học, nhưng không kết quả.

Bà Giradin, một Đồng tử Thần Linh Học ở nước Pháp đã giúp cho Văn hào Victor Hugo đang tị nạn, sống lưu vong ở đảo Jersey của nước Anh.

Tất cả những bài nhận được trong các cuộc Xây Bàn của Victor Hugo tại đảo Jersey được ông Gustave Simon xuất bản vào năm 1923, với nhan đề: “**Chez Victor Hugo, Les tables tournantes de Jersey**”.

Trong cuốn sách này, bài đầu tiên do Xây Bàn có được là nhờ dùng cái Bàn tròn 3 chân đặt trên một cái

Bàn vuông lớn có 4 chân.

Khi bà De Giradin mua cái Bàn Tròn 3 chân đặt trên cái Bàn Vuông 4 chân, có phải bà chịu ảnh hưởng của quan niệm triết lý về vũ trụ của người phương Đông: Thiên viên Địa phương, nghĩa là Trời tròn Đất vuông?

Bài đầu tiên có được do Xây Bàn, được dịch ra Việt văn như sau đây:

Ghi chú của ông Auguste Vacquerie. Sự hoài nghi của ông. Sự ngập ngừng do dự của cái bàn. Sự thành khẩn của Bà Giradin. Chơn linh đầu tiên đến dự là Léopoldine, con gái của Victor Hugo.

Ghi chú của ông Auguste Vacquerie

Khi người ta nói đến việc Xây Bàn, chúng tôi nghi ngờ. Chúng tôi đã thử làm cho cái bàn xây, nhưng không kết quả. Chúng tôi thấy, nhứt là trong sự chú trọng về các mặt cho vào hiện tượng này, một sự thúc đẩy của cảnh sát Pháp mà họ muốn cho công chúng quên lãng những điều hồ thẹn của chánh quyền.

Chúng tôi đã ở nơi đó khi Bà De Giradin đến viếng thăm ông Victor Hugo tại đảo Jersey. Bà đến vào thứ ba, ngày 6-9-1853.

Bà nói với chúng tôi về việc Xây Bàn. Cái bàn không chỉ quay mà còn biết nói nữa. Người ta qui ước với cái bàn là: những tiếng phát ra khi bàn gõ sẽ là những chữ cái của bảng mẫu tự và người ta ghi ra chữ nào mà cái bàn ngừng gõ. Như thế, người ta ghi được từng chữ, từng tiếng, từng câu và từng trang. Chúng tôi thấy nơi đó một nghịch lý thú vị. Đến nỗi, vào thứ tư, khi Bà cùng với Victor Hugo thử làm cho cái bàn gõ trong phòng ăn, chúng tôi vẫn ngồi nơi

phòng khách, các bàn vẫn không gõ!

Bà Giradin nói rằng: tại vì cái bàn này hình vuông, cần phải có một cái bàn tròn. Chúng tôi không có loại bàn này.

Thứ năm, Bà đem đến một cái bàn nhỏ, tròn, có 3 chân mà Bà mua được trong tiệm bán đồ chơi của trẻ con tại Saint-Helier. Hôm sau, Bà thử xây bàn lần nữa, không kết quả.

Riêng tôi, tôi rất ít tin tưởng vào việc Xây Bàn nên tôi đi ngủ trong lúc người ta xây bàn. Ngày thứ bảy, Victor Hugo và Bà Giradin dùng bữa ăn chiều tại nhà một cư dân của đảo Jersey, ông Godfray. Bà Giradin thử xây bàn lần nữa, vẫn vô ích.

Chiều Chúa nhật, đây là những gì xảy đến:

Jersey, 11-9-1853.

Hiện diện: Bà De Giradin, Bà Victor Hugo, ông Victor Hugo, Charles Hugo, Francois Hugo, Cô Adèle Hugo, Tướng Le Flô, ông De Tréveneuc, Auguste Vacquerie.

Bà Giradin và Auguste Vacquerie ngồi vào và đặt tay lên cái bàn tròn nhỏ, bàn tròn nhỏ được đặt trên một cái bàn vuông lớn.

Sau vài phút, bàn tròn dao động.

Bà Giradin hỏi: – Ai đó?

Cái bàn dờ lên một chân và không hạ xuống.

Bà Giradin hỏi: – Có điều gì làm cho trở ngại? Nếu đúng thì gõ 1 tiếng, nếu sai thì gõ 2 tiếng.

Cái bàn gõ 1 tiếng.

Bà De Giradin: – Điều gì?

– *Hình thoi.*

Thật vậy, chúng tôi đã ngồi theo hình thoi, chúng tôi ngồi nơi hai cạnh của một góc cái bàn lớn. Tôi không hoàn toàn tin tưởng. Tôi không nói đích xác rằng Bà De Giradin đùa với chúng tôi và tự ý gõ vài tiếng. Nhưng tôi nói rằng với sức lực của ý muốn và của sự căng thẳng của tinh thần, Bà có thể đưa vào bàn tay một áp lực không theo ý muốn. Ta nên tìm một cái bàn khác và đặt trên đó cái bàn nhỏ.

Bà De Giradin và Charles Hugo ngồi vào vị trí thế nào để tạo thành một góc vuông đối với cái bàn phía dưới. Cái bàn lay động.

Tướng Le Flô nói: – Nói cho tôi biết tôi đang nghĩ gì?

– *Sự chung thủy.*

Tướng Le Flô nghĩ tới vợ của ông. Tôi ít tin tưởng. Tôi thấy điều này rất thiêng liêng và rất khéo léo khi trả lời “Sự chung thủy” nơi một người chồng đang nghĩ đến vợ mình, mà tôi cho rằng câu trả lời dành cho Bà De Giradin.

Ông Victor Hugo viết một chữ trên tờ giấy và xếp tờ giấy ấy lại rồi đặt trên bàn.

Auguste Vacquerie: – Hồn linh có thể nói cho tôi biết cái chữ viết trong đó?

– *Không.*

Victor Hugo: – Tại sao?

– *Giấy.*

Tất cả những câu trả lời này bắt đầu làm tôi ngạc nhiên chút ít. Để chắc chắn rằng cái bàn này không phải do Bà De Giradin tác động, tôi yêu cầu được ngồi vào bàn với Charles Hugo. Tôi liền vào ngồi xây bàn với Charles Hugo. Cái bàn lại lay động. Tôi nghĩ tới một cái tên, tôi nói:

Auguste Vacquerie: – Tôi đang nghĩ đến tên gì?

– *Hugo.*

Đúng là tên đó.

Đó là lúc mà tôi bắt đầu tin tưởng.

Từ lúc đó, Bà De Giradin cảm thấy xúc động và nói với chúng tôi là không nên mất thời giờ vì những câu hỏi trẻ con đó. Bà đoán trước một cuộc xuất hiện lớn, nhưng chúng tôi nghi ngờ, chúng tôi khẳng khẳng nhưt quyết thách đố cái bàn trả lời những chữ đã viết hay những ý nghĩ. Cái bàn viết ra những chữ rời rạc.

Bà De Giradin: – Hồn linh chế nhạo chúng tôi?

– *Đúng.*

Bà De Giradin: – Tại sao?

– *Vô lý.*

Bà De Giradin: – Thôi! Hồn linh nói về mình đi.

– *Trở ngại.*

Bà De Giradin: – Cái gì làm trở ngại hồn linh?

– *Người không tin ngưỡng.*

Bà De Giradin: – Một hay nhiều?

– *Chỉ một người.*

Bà De Giradin: – Tên người ấy?

– *Người tóc hoe.*

Thật vậy, ông De Tréveneuc tóc hoe là người không tin ngưỡng nhưt trong chúng tôi.

Bà De Giradin: – Hồn linh có muốn y đi ra khỏi đây không?

– *Không.*

Cái bàn dao động qua lại từ chối trả lời. Tôi rời khỏi bàn. Tướng Le Flô vào thế chỗ tôi.

Ngôi nơi bàn là Charles Hugo và Tướng Le Flô.

Tướng Le Flô: – Nói cho tôi biết cái tên mà tôi đang nghĩ tới?

Bà De Giradin đồng thời hỏi: – Hồn linh là ai?

– *Con gái.*

Tướng Le Flô không nghĩ đến con gái ông. Tôi, tôi đang nghĩ đến cháu trai Ernest và tôi hỏi:

– Tôi đang nghĩ đến ai?

– *Người chết.*

Bà De Giradin cảm động: – Con gái đã chết.

Tôi bắt đầu trở lại hỏi: – Tôi đang nghĩ tới ai?

– *Người chết.*

Tất cả mọi người đang nghĩ đến đứa con gái của Victor Hugo đã mất.

Bà De Giradin: – Hồn linh là ai?

– *Là linh hồn của chị gái.*

Bà De Giradin có một chị gái đã mất. Cái bàn nói chữ “soror” bằng tiếng La tinh, có phải để nói rằng Bà là chị gái của một người?

Tướng Le Flô: – Charles Hugo và tôi đang xây bàn, chúng tôi mỗi người đều có một chị gái đã mất. Hồn linh là chị gái của ai?

– *Nghi ngờ.*

Tướng Le Flô: – Hồn linh là người nước nào?

– *Nước Pháp.*

Tướng Le Flô: – Thành phố nào?

Không trả lời. Chúng tôi cảm thấy tất cả sự hiện diện của người chết. Tất cả mọi người đều khóc.

Victor Hugo: – Hồn linh có sung sướng không?

– *Có.*

Victor Hugo: – Hồn linh đang ở đâu?

– *Ánh sáng.*

Victor Hugo: – Phải làm thế nào để đi đến với hồn linh?

– *Thương yêu.*

Kể từ lúc này, trong lúc người ta đang xúc động, cái bàn như cảm nhận được, không do dự nữa. Khi có người hỏi thì bàn trả lời liền. Khi chậm trễ đặt câu hỏi, thì bàn dao động qua bên phải rồi qua bên trái.

Bà De Girardin: – Ai gọi hồn linh tới?

– *Thượng Đế nhân từ.*

Bà De Girardin rất cảm động: – Hãy nói về mình đi. Hồn linh có điều gì nói với chúng tôi không?

– *Có.*

Bà De Girardin: – Điều gì?

– *Hãy chịu đau khổ cho một thế giới khác.*

Victor Hugo: – Hồn linh có thấy được nỗi đau khổ của những người yêu mến hồn linh?

– *Có.*

Bà De Girardin: – Họ đau khổ lâu không?

– *Không.*

Bà De Girardin: – Họ sẽ sớm trở về nước Pháp không?

Bàn không trả lời.

Victor Hugo: – Hồn linh có bằng lòng khi họ cầu nguyện cho hồn linh không?

– *Có.*

Victor Hugo: – Hồn linh luôn luôn ở bên cạnh họ phải không? Và chăm sóc họ?

– *Vâng.*

Victor Hugo: – Nhờ họ mà hồn linh trở lại?

– *Không.*

Victor Hugo: – Nhưng hồn linh sẽ trở lại chứ?

– *Vâng.*

Victor Hugo: – Hẹn gặp lại.

– *Vâng.*

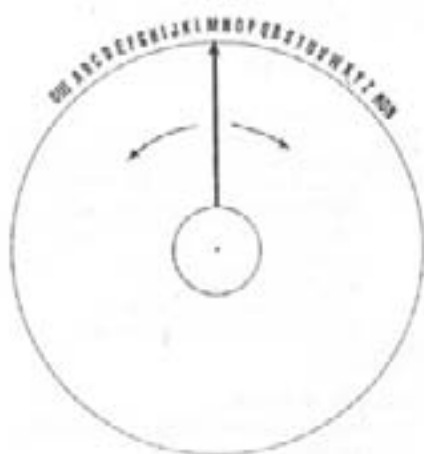
Xong lúc 1 giờ rưỡi sáng.

Đây là kết quả đầu tiên trong việc Xây Bàn tại nhà của văn hào Victor Hugo ở đảo Jersey, vào ngày 11-9-1853.

Sau 3 lần Xây Bàn theo lối Bàn Gõ (Table frappante), Victor Hugo nhận thấy phải mất nhiều thì giờ mới có được một câu trả lời của các Đấng giáng bàn, nên ông Victor Hugo nghĩ ra cách Xây Bàn theo lối Bàn Quay (Table tournante):

Mặt bàn hình tròn, có thể quay nhẹ nhàng chung quanh một trục ở giữa, trên mặt bàn vẽ một mũi tên theo đường bán kính, các chữ mẫu tự được vẽ trên một vòng cung đặt trước mũi tên, khi bàn xây qua xây lại thì mũi tên lướt qua các mẫu tự. Khi Đấng thiêng liêng nhập bàn

dùng mẫu tự nào thì bàn dừng lại để mũi tên chỉ vào mẫu tự ấy. Trên vòng mẫu tự có vẽ 2 chữ “Oui” và “Non”. Cách xây bàn tròn này giống như cách cầu bằng Tiểu Ngọc Cơ ở Việt Nam. (Xem phần sau).



Xây bàn bằng cái "Ban Quay"

Dùng Bàn Quay thì nhanh hơn dùng Bàn Gỗ thập bội.

Tóm lại, việc Xây Bàn của 4 vị: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu là căn cứ theo các sách Thần Linh Học của Tây phương truyền qua Việt Nam thời đó nói về việc Xây Bàn theo cách bàn gỗ.

CƠ BÚT

1. Tổng quát về Cơ Bút.
2. Thất Nương hướng dẫn cầu bằng Ngọc Cơ – Hội Yến DTC lần đầu tiên.
3. Cách lập một Đoàn Cầu Cơ.
4. Nguyên do làm Ngọc Cơ chuyển động.
5. Nguồn gốc của Cơ Bút.
6. Chấp Bút.
7. Sự huyền diệu của Cơ Bút.
8. Những trường hợp thử Cơ Bút.
9. Phân biệt Tà Chánh trong Cơ Bút.

I. TỔNG QUÁT VỀ CƠ BÚT.



- Cơ Bút có hai nghĩa sau đây tùy theo trường hợp:
- Cơ Bút là Cầu cơ và Chấp bút.
 - Cơ Bút là dùng cây Cơ làm ngòi bút cho các Đấng

thiên liêng viết ra chữ, tạo thành một bài văn dạy đạo.

Cây cơ là dụng cụ làm bằng nang trúc hay nang tre, đan thành một cái giỏ nhỏ, đường kính chừng 3 tấc, cao cũng chừng 3 tấc, bên ngoài bọc một lớp vải vàng, kết ngang trên miệng giỏ một cái cán làm bằng gỗ quý như giáng hương, mít nài hay cây dâu, mà đầu cán được chạm hình đầu chim loan (đôi khi chạm hình đầu rồng), giỏ cơ được úp xuống, cái cán nằm bên dưới, cán dài chừng 7 tấc, nơi gần chỗ đầu chim loan, khoan một lỗ thẳng đứng để gắn vào đó một cọng mây dùng làm cây bút viết ra chữ bóng trên mặt bàn.

Đó là Đại Ngọc Cơ dùng để viết ra chữ bóng.

Theo bí pháp, Đại Ngọc Cơ cấu tạo theo hình chòm sao hình bán nguyệt trong đó có ngôi sao Bắc Đẩu nên rất linh diệu.

(Đó là 2 loại Đại Ngọc Cơ dùng trong Đạo Cao Đài)



để cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Tiên Phật cao trọng tại Cung Đạo Tòa Thánh.

Ngoài ra quý Chức sắc Hiệp Thiên Đài còn chế ra loại Tiểu Ngọc Cơ, không viết ra chữ bóng mà đầu cán cơ chỉ những vần mẫu tự cần dùng để sau đó ghép lại thành chữ, rồi thành câu và thành bài văn hay bài thi.

Trước cái cần cơ, đặt bảng mẫu tự gồm đủ các mẫu tự theo vần Việt Nam, vẽ trên một cung tròn, hay đôi khi vẽ trên những ô vuông như bàn cờ tướng.

Khi xưa, người ta còn dùng loại Tiểu Ngọc Cơ làm bằng miếng ván mỏng có hình quả tim giống như cái nút cơ, dưới tấm ván này, người ta khoét 3 lỗ nhỏ và gắn vào đó 3 hạt đạn, để Ngọc Cơ di chuyển nhẹ nhàng trên mặt tấm kiếng phẳng, mà dưới tấm kiếng đặt bảng mẫu tự A Æ Æ B C D Đ,... có ghi sẵn các chữ: CÓ – ĐÚNG – SAI – KHÔNG – PHẢI, THẮNG, các số từ 1 đến 9, và các dấu: sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng. Tiểu Ngọc Cơ dùng để cầu các Đấng thiên liêng bình thường để học hỏi giáo lý.

Phân biệt Đại Ngọc Cơ và Tiểu Ngọc Cơ:

– Đại Ngọc Cơ có kích thước lớn hơn nhiều so với Tiểu Ngọc Cơ, đầu cán cơ có chạm hình đầu chim loan hay đầu rồng, Đại Ngọc Cơ viết ra chữ bóng nên không dùng bảng mẫu tự.

– Tiểu Ngọc Cơ có kích thước nhỏ hơn nhiều so với Đại Ngọc Cơ, đầu cán cơ không có chạm hình gì hết, có tạo ra một mũi nhọn để cơ chỉ lên bảng mẫu tự. Tiểu Ngọc Cơ không viết ra chữ bóng, mà chỉ vào các mẫu tự để ráp lại thành chữ và thành câu.

CÁC HÌNH VẼ MINH HOẠ TIỂU NGỌC CƠ



1. Tiểu Ngọc Cơ có hình giống Đại Ngọc Cơ. (nhưng nhỏ hơn và không chạm đầu chim loan)

2. Hình Tiểu Ngọc Cơ có hình chữ T hoặc hình cái giỏ.



(3)

3. Bảng mẫu tự theo hình cung.

A	Ă	Â	B	C	D	Đ	E
Ê	G	H	I	K	L	M	N
O	Ô	Ơ	P	Q	R	S	T
U	Ư	V	X	Y	F	J	W
/	\	?	~	.	Z	9	o
1	2	3	4	5	6	7	8
Có	Phải	Đúng	Không	Sai			

5. Bảng mẫu tự theo hình bàn cờ

2. THẤT NƯƠNG HƯỚNG DẪN CẦU BẰNG NGỌC CƠ - HỘI YẾN DTC LẦN ĐẦU TIÊN.

Theo lịch sử của Đạo Cao Đài:

Đêm 5-8-Ất Sửu (dl 22-9-1925), Thất Nương tiết lộ về Điều Trì Cung và hướng dẫn quý Ngài Cư, Tắc, Sang cách cầu các Đấng bằng Ngọc Cơ.

Thất Nương cho biết về Điều Trì Cung:

“Trên có Cửu Thiên Nương Nương cai quản, dưới có chín Tiên Nương mà Cô là Thất Nương, Hồn Liên Bạch là Bát Nương.”

Ba ông (Cư, Tắc, Sang) nhờ Thất Nương dạy cho cách cầu Đức Bà Cửu Thiên Nương Nương. Thất Nương nói:

– Ba anh muốn cầu thì phải ăn chay trước ba ngày và cầu vào đêm Trung Thu, phải có Ngọc Cơ cầu mới đặng.

Quý ông không hiểu Ngọc Cơ là chi, nhờ Cô chỉ dạy.

Thất Nương tả hình dáng Ngọc Cơ, dẫn giải rõ căn cội, lấy hình chòm sao Bắc Đẩu tạo thành, dạy cách phò Ngọc Cơ, rồi biểu 3 ông mỗi người làm sẵn một bài thi mừng Đấng Cửu Thiên Nương Nương, sẽ cầu Nương Nương vào đêm Trung Thu.

Dịp may lúc bấy giờ có ông Phán Phan Văn Tý, làm việc ở sở Trường Tiền, vốn là bạn cũ của ông Cư và ở gần nhà ông Cư tại đường Bourdais Sài Gòn. Ông Phán Tý qua lại chơi nhà ông Cư, thấy quý ông Cư, Tắc, Sang xây bàn cầu Tiên, được một bài văn thì lâu quá, nhưng ông chưa dám nói, mãi đến khi ông Cư qua nhà nói muốn cầu bằng Ngọc Cơ nhưng chưa có, ông Phán Tý liền cho biết ông đang có một cây Ngọc Cơ, để ông lấy cho mượn.

Ông Phan Tý liền đi đến ông Âu Kịch (tức là Âu Kiệt Lâm pháp danh Âu Minh Chánh) ở chùa Minh Lý đường Douamont đòi lại Ngọc Cơ mà ông đã cho ông Âu Kịch mượn từ lâu để thỉnh kinh.

Ông Âu Kịch nói: – Hiện giờ tôi chấp bút được rồi, ít khi dùng đến Ngọc Cơ, xin gửi trả lại ông.

Ông Phan Tý liền lấy Ngọc Cơ về cho ông Cư mượn.

Nguồn gốc cây Ngọc Cơ của ông Phan Văn Tý:

Nguyên cây Ngọc Cơ này, ông Phan Tý thỉnh nơi chùa Hội Khánh ở Thủ Dầu Một. Ông Trần Hiến Vinh tu ở chùa Hội Khánh thuộc Chi Minh Thiện trong Ngũ Chi Minh Đạo, có tạo ra 12 cây Ngọc Cơ. Ông thân sinh của Trần Hiến Vinh là một pháp sư rất sành việc cầu cơ thỉnh Tiên.

Ông Phan Tý vốn tánh hiếu kỳ, xin thỉnh một cây Ngọc Cơ về nhà, để ngày nay có cho ông Cư mượn dùng.

Cây Ngọc Cơ này gồm có một cái giỏ, đan bằng trúc, xuyên qua miệng giỏ là một cái cán dài, ở đầu cán có gắn một cọng mây xuyên qua cán, làm như cái trục đòn gáo, dùng để cơ viết ra chữ bóng trên mặt bàn. Cái giỏ cơ được bọc vải vàng bên ngoài phủ kín các nang trúc. Ngọc Cơ phải được đặt nơi tinh khiết khô ráo, trước khi cầu cơ phải xông hương khử trược.

Khi có Ngọc Cơ rồi, ông Phan Tý tập cho hai ông Cư và Tắc làm đồng tử phò Ngọc Cơ dạng viết ra chữ bóng. Phải tập hai ngày, hai ông Cư và Tắc mới phò Ngọc Cơ thuần thục.

(Ông Phan Văn Tý quê quán ở Thủ Dầu Một, làm công chức sở Trường Tiền, là người theo đàn Minh Thiện

Thủ Dầu Một, có nhà ở gần nhà ông Cư. Ông Phan Tý là sui gia của ông Trần Hiến Vinh, chủ đàn Minh Thiện).

Đêm 15-8-Ất Sửu (dl 2-10-1925), khởi đầu phò Ngọc Cơ để cầu các Đấng thiêng liêng.

Từ khi khởi sự Xây Bàn vào ngày 5-6-Ất Sửu cho đến ngày 15-8-Ất Sửu phò Ngọc Cơ cầu Đức Phật Mẫu, tính ra thời gian Xây Bàn kéo dài ngót 2 tháng 10 ngày.

HỘI YẾN DIÊU TRÌ CUNG

Đúng vào đêm Trung Thu, 15-8-Ất Sửu, tại nhà ông Cư (134 Bourdais, nay là đường Calmette Sài Gòn), cả thầy đều đủ mặt.

Ông Cư sắp đặt một cái bàn dài, rải bông xung quanh, phía trong bàn, ngay chính giữa, để một cái ghế mây lớn, nối theo là 9 cái ghế mây nhỏ hơn đặt quanh bàn dài, trên bàn chưng dọn những bình bông và trái cây tươi tốt. Đặt trước mỗi cái ghế là một tách trà, một ly rượu, một bộ chén muống, đĩa.

Vào chập tối, ông Cư đốt hương xông trầm, trang hoàng rất tinh khiết và yêu cầu không tiếp khách tối nay.

Ông Cư lên nhang đèn, cả thầy đều quì lạy, khẩn vái. Xong, hai ông Cư và Tắc đem Ngọc Cơ ra cầu. Đây là lần đầu tiên hai ông sử dụng Ngọc Cơ để cầu các Đấng.

Đức Bà Cửu Thiên Nương Nương giáng trước và tiếp theo là Cửu vị Tiên Nương, để lời chào mừng quý ông.

Thất Nương yêu cầu ba ông (Cư, Tắc, Sang) đờn, rồi mỗi người ngâm bài thi của mình (đã làm sẵn do Thất Nương dặn trước) để hiến lễ Đức Phật Mẫu.

Chừng nhập tiệc, Thất Nương mời ba ông ngồi vào

bàn cho vui. Ba ông không thể chối từ, nên đem thêm ba cái ghế, sắp sau lưng chín cái ghế nọ, ba ông xá rồi ngồi xuống.

Bà Hiếu (bạn đời của ông Cư) sắp đặt đồ ăn chay sẵn, đi vòng quanh bàn dài, gấp thức ăn đặt vào chén của Mười Đấng, rồi rót rượu và rót nước trà đãi Mười Đấng vô hình, giống như đãi người hữu hình vậy.

Cách chừng nửa giờ sau, như là mãn tiệc, hai ông Cư và Tắc đem Ngọc Cơ tái cầu.

Linh Nương Nương và Chín vị Nữ Tiên giáng cơ để lời cảm tạ và nói: – Từ đây có Ngọc Cơ thì tiện cho Điều Trì Cung đến dạy việc.

Xong, mỗi vị cho một bài thi 4 câu làm kỷ niệm:

CỬU THIÊN NƯƠNG NƯƠNG

*Cửu kiếp Hiền Viên thọ sắc Thiên,
Thiên Thiên cửu phẩm đặc cao huyền.
Huyền hư tác thể Thần Tiên Nữ,
Nữ hào thiện căn đoạt Cửu Thiên.*

Nhứt Nương:

*Hoa thu ủ như màu thẹn nguyệt,
Giữa thu ba e tuyết đông về.
Non sông trải cánh Tiên lòe,
Mượn câu thi hứng vui để chào nhau.*

Nhị Nương:

*Cấm tú văn chương hà khách đạo?
Thi Thần tửu Thánh vấn thù nhân?
Tuy mang lấy tiếng hồng quần,
Cánh Tiên còn mẫn, côi trần anh thư.*

Tam Nương:

*Tuyển đức năng thành đạo,
Quảng trí đặc cao huyền.
Biển mê lặc lẻo con thuyền,
Chở che khách tục, cứu tuyền ngăn sông.*

Tứ Nương:

*Gấm lót ngõ chùa vừa gót ngọc,
Vàng treo nhà ít học không ưa.
Đội trông nho sĩ tài vừa,
Đằng giao khỏi phụng khó giữa Tiên thi.*

Ngũ Nương:

*Liều yếu diệu còn ghen nét đẹp,
Tuyết trong ngân khó phép so thân.
Hiu hiu nhẹ gót phong trần,
Đài sen mấy lượt gió thần đưa hương.*

Lục Nương:

*Huệ ngào ngạt đưa hơi vò dịu,
Đứng tài ba chẳng thiếu tư phong.
Nương mây như thả cánh hồng,
Tiêu diêu phất phướn, côi tòng đưa Tiên.*

Thất Nương:

*Lễ bái thường hành tâm đạo khởi,
Nhân từ tái thế tử vô ưu.
Ngày xuân gọi thế hảo cửu,
Trăm duyên phước tục khó bù buồn Tiên.*

Bát Nương:

*Hồ HỚN HOA SEN TRẮNG nở ngày,
Càng gần hơi đẹp lại càng say.*

*Trêu trăng hằng thối dấu mây,
Cột mây tranh chúc Phật đài thêm hoa.*

Cửu Nương:

*Khiết sạch duyên trần vẹn giữ,
Bạc Liêu ngôi cũ còn lời.
Chính chuyên buồn chẳng trọn đời,
Thương người noi đạo, Phật Trời cũng thương.*

Sau khi các Đấng ở Diêu Trì Cung thăng hết rồi thì kể Đấng A Ầ Ầ đến nhập cơ.

Ông Cư và ông Tắc tọc mạch hỏi:

– Khi này, Diêu Trì Cung đến, có Ngài ở đó không?

Ông A Ầ Ầ đáp:

– Có chứ, Ta ở đây từ khi ban sơ đến giờ.

– Ngài có thấy Diêu Trì Cung đến không?

– Có chứ, chính mình Ta tiếp đãi.

Ông Cư hỏi:

– Diêu Trì Cung ngó thấy Ngài không?

– Không ngó thấy.

– Sao vậy?

– Ta dùng phép ẩn thân.

Ông Tắc tọc mạch hỏi tiếp:

– Như đứa em của tôi là Thất Nương Diêu Trì Cung có thể đạt đạo đạt đặng chăng?

– Đạt đặng chứ.

Ông Cư hỏi: – Phải làm sao?

– Phải tu, bằng không tu thì chẳng đạt đặng.

Ông Tắc hỏi: – Tu chừng bao lâu mới đạt đặng?

Ngài làm thinh không đáp.

Ông Tắc hỏi: – 1 năm, 5 năm, 10 năm, 100 năm, ...

Ngài cũng làm thinh, rồi thôi không hơi sức nào hỏi nữa, không biết chừng nào mới đạt đặng.

Đêm ấy, quý ông thức tới 3 giờ sáng.

Kể từ khi hai Ngài Cư và Tắc cầu được các Đấng bằng Ngọc Cơ rồi thì hai Ngài thường dùng Ngọc Cơ hơn là Xây Bàn, bởi vì phò Ngọc Cơ tiếp nhận Thánh giáo rất mau, mau hơn nhiều lần so với Xây Bàn. Đó là tại nhà Ngài Cư.

Còn bên nhà Ngài Cao Hoài Sang thì hai Ngài: Diêu và Sang vẫn cầu các Đấng bằng lối Xây Bàn như lúc trước.

Trước đây, quý ông Xây Bàn là làm theo cách của Thần Linh Học Tây phương thông công với các chơn linh trong cõi vô hình.

Nay nhờ Thất Nương chỉ vẽ cách dùng Ngọc Cơ, các ông dùng Ngọc Cơ để thông công với các Đấng vô hình là theo lối Phò Cơ thỉnh Tiên của Tiên giáo từ bên Tàu truyền sang Việt Nam.

Các vị trong Ngũ Chi Minh Đạo như: Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý, Minh Thiện, Minh Tàn đều rất rành về cách Phò cơ thỉnh Tiên này.

Cách Phò cơ này nhanh hơn và tiến bộ hơn rất nhiều so với cách Xây Bàn trước đây.

3. CÁCH LẬP MỘT ĐÀN CẦU CƠ:

Nơi lập đàn Cầu Cơ phải tinh khiết, trang nghiêm, yên tĩnh, phải lập nghi thờ có đủ: bông, trái cây, trà, rượu, nhang, đèn, và lư trầm để xông hương khử trừợc.

Một vị đạo cao đức trọng làm Chủ đàn, cũng gọi là Pháp đàn, dâng lời cầu nguyện, hai vị đồng tử để phò cơ, một đọc giả đọc các chữ do cơ viết ra, một điển ký ghi chép, các đồng nhi để đọc Kinh Cầu Cơ, nhiều người hầu đàn, nếu không có đồng nhi thì quý vị trong đàn đọc Kinh.

Trước hết, đọc bài Kinh Cầu Tiên:

BÀI CẦU TIÊN

*Trời còn sông biển đều còn,
Khắp xem cỏi dưới núi non đượm nhuần.
Thanh minh trong tiết vườn Xuân,
Phụng châu hạc múa gà rừng gáy reo.
Đường đi trên núi dưới đèo,
Lặng tìm cao thấp ải trèo chông gai.
Phận làm con thảo há nài,
Biết phương Tiên Phật Bồng Lai mà tìm.
Xem qua xét lại cổ kim,
Một bầu Trời Đất thanh liêm chín mười.
Vàng trau ngọc chuốt càng tươi,
Bền lòng theo Phật cho người xét suy.
Thần Tiên vốn chẳng xa chi,
Có lòng chiêm ngưỡng nhứt thì giáng linh.*

(Bài này thường được gọi là Bài Trời Còn vì khởi đầu bằng hai chữ Trời Còn).

Khi có Đấng thiêng liêng giáng làm cơ chuyển động thì liền đọc Bài Mừng Tiên, cũng gọi là Bài Thúc Cơ:

BÀI THỨC CƠ (Mừng Tiên)

*Mừng thay chi tiết nổi mừng,
Hào quang chiếu diệu ngàn tầng không trung.
Hạc reo bay khắp đạo cùng,
Càn khôn thế giới cũng chung một bầu.
Môn sanh thành kính chúc hầu,
Tữu trà hoa quả mừng cầu Tiên Ông.
Nhang thơm tốc đốt nức nồng,
Đèn lòa ngọn lửa tợ rồng phun châu.*

(Bài này thường được gọi là Bài Mừng Thay vì khởi đầu bằng hai chữ Mừng Thay).

Hai vị đồng tử rất quan trọng, vì là người trực tiếp cầm cơ, tiếp điển của các Đấng thiêng liêng, nên phải mặc Đạo phục nghiêm chỉnh, thân thể tinh khiết, hai tay phải được xông hương khử trừợc, trước khi Phò cơ phải ngồi đại tịnh để trừ bỏ các tạp niệm, giữ cho tư tưởng được thanh cao.

Vị Đọc giả quì kế bên bàn phò cơ, nhìn kỹ nét bút viết chữ bóng mà đọc lên cho Điển ký ghi chép ra. Nếu Đọc giả đọc trật thì cơ gõ mạnh xuống bàn rồi viết lại chữ đó.

Trong trường hợp đang khi cầu cơ, thoảng như đèn tắt hay bị cúp điện, đàn cơ vẫn tiếp tục như thường, nhưng các Đấng dùng huyền diệu làm cho chữ bóng viết trên bàn cơ ánh lên màu huỳnh quang để Đọc giả thấy mà đọc cho Điển ký ghi chép, khi đọc xong thì chữ huỳnh quang biến mất rồi cơ viết tiếp chữ khác, cũng hiện huỳnh quang, cho đến khi nào đèn được thắp sáng trở lại.

Dự được những đàn cơ này mới thấy rõ sự linh thiêng mầu nhiệm vô cùng của các Đấng giáng cơ.

Như trên vừa trình bày, đây là cách thức lập một

Đàn Cơ để cầu các Đấng thiêng liêng.

Về sau, khi Hội Thánh tổ chức các Đàn Cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh, vị Chủ đàn thường là Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung hay Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc, quý Ngài bỏ bớt các nghi tiết đọc “Kinh Cầu Cơ” và “Bài Mừng Thay”, vì Cung Đạo là nơi mà Đức Chí Tôn qui định để tổ chức các Đàn cơ chính thức của Đạo.

4. NGUYÊN DO LÀM CHO NGỌC CƠ CHUYỂN ĐỘNG.

Ngày 4-11-Canh Dần (dl 12-12-1950), Đức Cao Thượng Phẩm giảng cơ dạy về nguyên do chuyển động của Ngọc Cơ, chép ra sau đây:

CAO THƯỢNG PHẨM

“Bần đạo chào các em.

Hai em Hưởng và Nhung muốn hỏi về diễn lược Cơ Bút. Vậy Bần đạo giải thích cho.

Nói về nhơn điển thì trong mỗi người đều có điển Âm và điển Dương, tiếng Pháp gọi rằng Courant internatif. Do đó mà người đưng dây đèn cùng một thứ điện ấy thì chỉ bị giật té mà thôi, nhưng tùy theo chơn thần mà điển đó mạnh hay yếu.

Trong một cặp loan, điển đó được điều hòa thì cơ viết dễ và người tiếp điển thiêng liêng dễ thông công với cảnh vô hình.

Hai người lúc nhơn điển xuất ra, hễ bên nầy Âm thì bên kia Dương, bên nầy Dương thì bên kia Âm, hai luồng điển ấy xô đẩy, hút kéo nhau mà cây cơ được vận chuyển.

Lúc điển vô hình chưa giảng thì hai luồng điển ấy

không ăn với nhau, vì cơ mà cây cơ không chuyển động. Chừng lúc nào người tiếp điển đã xuất chơn thần tiếp rước điển thiêng liêng, thì điển vô hình làm cho hai luồng nhơn điển đưng chạm nhau mà xây chuyển cây cơ.

Còn cây cơ có chuyển mà viết không được, vì một phần do hai luồng nhơn điển không điều hòa cùng nhau, nó chạm nhau mà không làm một Âm hay một Dương, vì đó mà cây cơ không chỉ theo chỗ, hay không chuyển động được, hoặc do thần không tịnh, hoặc do thần của người tiếp điển lộn xộn bất định, nên điển thiêng liêng bị đứt, chơn thần của kẻ phò loan làm cho loạn điển.

Hưởng bạch: – Bạch Đức Ngài, như người tiếp điển thì tiếp điển luôn, còn người truyền điển thì không bao giờ tiếp điển đặng, có vậy không?

– Không, vì người tiếp điển là người có chơn thần riêng hợp với điển vô hình, còn những người truyền điển nếu tập luyện lâu ngày, chơn thần được quen với điển vô hình, lần lần cũng tiếp điển vô hình đặng. Nhưng đó là phần rất ít.

Hưởng bạch: – Bạch Đức Ngài, chỉ những người tiếp điển mới chấp bút được mà thôi hay sao? Xin Đức Ngài dạy cho chúng con được hiểu biết.

– Chính những người tiếp điển cũng có người không chấp bút được, còn người truyền điển mà chơn thần có hợp với điển thiêng liêng, nhơn điển được điều hòa, thần được tịnh, thì cũng chấp bút được.

Để Bần đạo dạy tiếp về điển vô hình.

Điển vô hình là thứ điển thuần Dương mà thôi, kêu rằng Courant continu positif. Do đó mà khi điển thiêng

liêng giáng hiệp với hai luồng điện của cặp phò loan mà thành luồng điện ba dây, kêu rằng: Courant triphasé. Sự huy động của cây cơ là do luồng điện hợp thành ấy.

Điện của việc phò loan là vậy đó.

Còn điện của việc chấp bút cũng do luồng điện ba dây hợp thành mà làm chuyển động bàn tay cầm bút, nhưng cái khó là người chấp bút một lần phải xuất ra hai thứ điện: Âm và Dương đặng vận chuyển cây bút. Nhưng cây bút phải là cây bút chì, đặng điện thiêng liêng chạy vòng trong cây bút mà không đụng đến tay người chấp bút thì mới viết dễ dàng được.

Đó, hai em coi thì hiểu rõ sự huyền diệu của cơ bút là do đâu.

Thôi, Bản đạo kiêu. THĂNG.

5. NGUỒN GỐC CỦA CƠ BÚT:

Trong khi quý Ngài: Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu xây bàn để thông công với các Đấng thiêng liêng theo cách Xây Bàn của Thần Linh Học Tây phương, thì các vị Chức sắc trong Ngũ Chi Minh Đạo (Minh Sư, Minh Đường, Minh Lý, Minh Thiện, Minh Tân) đã biết Phò Cơ và Chấp Bút theo cách thức của Đạo Minh Sư từ bên Tàu truyền qua Việt Nam.

Trong lúc đó thì có nhiều đàn cơ thỉnh Tiên cho toa thuốc trị bệnh, được nhiều người cho là linh hiển, tổ chức ở các nơi như: Đàn Chợ Gạo tại Phú Lâm Chợ Lớn (Ngài Lê Văn Trung thường hầu đàn cơ này, tại đây Đức Lý Thái Bạch giáng cơ dạy Ngài Lê Văn Trung làm cho Ngài giác ngộ), Đàn tại Chùa Ngọc Hoàng ở Dakao, Đàn

Miếu Nối, Đàn Minh Thiện tại Chùa Quan Thánh ở Thị Xã Thủ Dầu Một rất nổi tiếng (đồng tử là ông Nguyễn Văn Trương sử dụng Đại Ngọc Cơ, ông không biết chữ Nho, nhưng khi lên cơ thì viết ra toàn là chữ Nho, ý tứ rất cao siêu), ở Cần Thơ có Đàn Cái Khế rất linh hiển....

Các đàn cơ thỉnh Tiên trong thời gian này chủ yếu là ban cho phương thuốc trị bệnh như sanh, khuyên nhủ những gia đình có người bệnh nên lo làm phước, giúp người giúp đời, thì mới được tai qua nạn khỏi.

Cây Ngọc Cơ của ông Phán Phan Văn Tý đưa cho Ngài Cao Quỳnh Cư mượn là cây cơ mà ông Tý đã cho ông Âu Minh Chánh mượn một thời gian để cầu cơ thỉnh kinh, sau đó ông Âu Minh Chánh chấp bút được để thỉnh kinh nên giao trả cây Ngọc Cơ này lại, và ông Tý đem cho Ngài Cao Quỳnh Cư mượn để cầu Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương trong cuộc lễ Hội Yến Diêu Trì Cung lần đầu tiên tổ chức tại tư gia của Ngài Cao Quỳnh Cư ở đường Bourdais Sài Gòn.

Tất cả những diễn tiến vừa kể trên, ăn khớp nhau một cách có hệ thống, dường như có một sự sắp đặt trước, được điều khiển bởi các Đấng vô hình.

Tuy là nhờ Thất Nương chỉ vẽ để 4 Ngài Cư, Tắc, Sang, Diêu cầu các Đấng trong Diêu Trì Cung lần đầu tiên bằng Cơ Bút trong ngày Rằm tháng 8 năm Ất Sửu, nhưng việc Cơ Bút đã có tại Việt Nam từ lâu do các Đạo sĩ của Đạo Minh Sư từ bên Tàu truyền qua VN, và lúc đó rất thịnh hành.

Cách cầu cơ do Thất Nương chỉ vẽ, cơ viết ra chữ bóng trên bàn cơ, là cách cầu cơ tiến bộ nhất, viết ra chữ nhanh nhất (nhanh hơn việc Xây Bàn gập 50 lần), mà

Đồng tử phò cơ (thường gọi là Phò loan) ít mệt nhứt, nên có thể ngồi cầu sơ suốt đêm, liên tiếp từ đêm này tới đêm khác, cả mấy năm trường như vậy mà vẫn chịu nổi.

Về sau, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư chỉ phò Đại Ngọc Cơ khi cầu Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, Đức Lý Thái Bạch, và các Đấng Giáo Chủ, bởi vì cầu bằng Đại Ngọc Cơ phải có một đọc giả được khai khiếu thì mới đọc trúng chữ bóng.

Cho nên khi cầu các Đấng thiêng liêng khác thì quý Ngài thường cầu bằng Tiểu Ngọc Cơ, chỉ vẫn mẫu tự để ráp lại thì đọc dễ dàng hơn, tuy không mau bằng cầu Đại Ngọc Cơ nhưng cũng mau hơn Xây Bàn gấp 10 lần.

Khi cầu bằng Tiểu Ngọc Cơ, Đồng tử bên Dương kiêm nhiệm đọc giả, nên rất thuận tiện.

Khi xưa, thời vua Quang Tự (1875-1908) nhà Thanh là thời kỳ Cơ Bút được phát minh và rất thịnh hành bên Tàu.

Trong thời kỳ này, các quyển Kinh sau đây được các Đấng thiêng liêng giáng cơ ban cho:

Kinh Địa Mẫu, do Đức Phật Mẫu giáng cơ ban cho vào năm Quang Tự thứ 9 (1883).

Kinh Ngọc Hoàng Thiên Tôn Bửu Cáo, do Đức Lữ Tổ giáng cơ ban cho vào năm Quang Tự thứ 17 (1891).

Kinh Quan Thánh Đế Quân Cửu Kiếp Vĩnh Mạng, được giáng cơ ban cho vào năm Quang Tự 20 (1894).

Cuốn Vạn Pháp Qui Tông được Pháp Sư Bùi Văn Nhân, tự là Trần Phúc Thanh, hiệu là Huyền Bách làm ra vào mùa Thu, ngày 9 tháng 8 năm Nhâm Dần (1902), nhằm năm thứ 28 đời vua Quang Tự... ..

Tất cả các Kinh sách trên đều được những Đạo sĩ

của Đạo Minh Sư từ bên Tàu truyền qua Việt Nam.

Trong cuốn Vạn Pháp Qui Tông, có chỉ rõ cách lập đàn cầu cơ thỉnh Tiên, rất phức tạp: cách sắp đặt lễ nghi, cách vẽ bùa bắt ấn, đọc chú, mỗi Đấng thiêng liêng có bài chú riêng... ..

Ban đầu cầu các Đấng theo lối Huyền Cơ, viết chữ Nho trên mâm cát, mỗi lần cầu, cơ viết được vài chữ.

Sau đó mới dùng đồng tử tiếp diễn viết ra chữ Nho trên mâm cát: đồng tử cầm một cành đào mà đầu cành đào chấm vào mâm cát. Khi Đấng thiêng liêng giáng điển, đồng tử cầm cành đào rung động, đầu cành đào viết ra chữ trên mặt cát, đọc giả đọc xong rồi thì khóa cát cho bằng trở lại dạng cơ viết tiếp chữ khác. Cứ như thế mà tiếp được bài văn hay bài Kinh.

Cách dùng đồng tử tiếp diễn, mau hơn cách cầu theo lối Huyền Cơ rất nhiều, nhưng lại bị lệ thuộc vào đồng tử. Nếu đồng tử hạp điển thiêng liêng, thì tiếp trọn tư tưởng của Đấng thiêng liêng và bài văn viết ra rất hay, đầy tính cách cao thượng; còn đồng tử không hạp điển, thì tiếp diễn không trọn, bài văn viết ra có nhiều chỗ khiếm khuyết.

Cách Phò cơ do Thất Nương chỉ dẫn cho Đức Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm, viết ra chữ bóng trên mặt bàn cơ, là lối phò cơ tiến bộ nhứt, ưu điểm nhứt, viết ra chữ mau nhứt, hơn tất cả các cách phò cơ khác, nhưng đòi hỏi “đọc giả” phải được khai khiếu mới đọc trúng chữ bóng do hai đồng tử tiếp diễn viết ra.

Theo lời thuật của Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, khi Đức Chí Tôn giáng cơ ban cho Pháp Chánh Truyền đêm 15 rạng 16-10-Bính Dần, cơ viết rất mau,

Điển ký chép không kịp, Ngài Bảo Pháp phải chép tiếp, hai người phân ra chép mới kịp theo đọc giả.

Tóm lại, Cơ Bút trong Đạo Cao Đài, tuy có nguồn gốc từ Cơ Bút của Đạo Minh Sư bên Tàu truyền qua Việt Nam, nhưng do Thất Nương Điều Trì Cung giảng bàn hướng dẫn cách thức rất đầy đủ và rất tiến bộ, lại viết chữ quốc ngữ, nên càng thêm dễ dàng hơn thời xưa viết chữ Nho rất nhiều.

6. CHẤP BÚT:

Chấp bút là trường hợp một đồng tử cầm cây viết chì đặt trên mảnh giấy trắng, được một Đấng thiêng liêng giảng diễn vào tay cầm bút, viết ra chữ.

Dùng viết chì cầm chấp bút thì dễ tiếp diễn hơn các cây viết khác.

Đồng tử chấp bút phải là người được thiêng liêng khai khiếu, thì mới có thể nhận được linh điển của các Đấng thiêng liêng mà viết ra. Đồng tử chấp bút phải giữ tư tưởng thanh cao, không không, để tiếp trọn vẹn linh điển của các Đấng thiêng liêng.

Nếu đồng tử có những tư tưởng riêng, thì nó choán hết tâm trí của đồng tử, nên linh điển mang tư tưởng của các Đấng không thể chen vào được, thành ra việc chấp bút do tư tưởng của đồng tử viết ra, chớ không phải của Đấng thiêng liêng. Điều này rất khó tránh, nếu đồng tử chấp bút không phải là người có căn cơ lành, có phận sự lớn trong việc hướng đạo cho nhơn sanh.

Nơi đồng tử ngồi chấp bút phải kín đáo, tinh khiết, thanh tịnh, tay chấp bút và cây bút phải được xông hương

khử trừ, nên dùng nhiều cây bút chì chuốt sẵn và nhiều tờ giấy trắng đặt kế bên. Quần áo và thân thể của đồng tử phải sạch sẽ trang nghiêm.

Những trường hợp đồng tử chấp bút còn tánh tự đắc, tham vọng danh quyền, hay có mưu đồ chánh trị thì các Đấng thiêng liêng không thể giảng vào được, và bài văn viết ra hoàn toàn do phàm ý của đồng tử, các Đấng thiêng liêng không thể xen vào được, chưa nói việc Tà Thần Tinh Quái có thể nương theo dục vọng của đồng tử mà xúi vào, bày điều tà mị nguy hiểm, xa đường đạo đức.

Trong Đạo Cao Đài, lúc ban đầu còn dùng Cơ Bút phổ độ để thu nhận tín đồ, ngoài Đức Quyền Giáo Tông, Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, thì Đức Chí Tôn cũng cho một số vị Thời Quân: Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu, Hiến Pháp Trương Hữu Đức, Khai Đạo Phạm Tấn Đãi,... và Ngài Chánh Phối Sư Thái Thơ Thanh chấp bút, để tạo thêm đức tin.

Nhưng sau khi Đức Chí Tôn cấm Cơ Bút phổ độ thì Đức Chí Tôn cũng thu lại việc Chấp bút của quý Ngài, chỉ còn 3 vị là Chấp bút được: Đức Quyền Giáo Tông, Đức Hộ Pháp và Đức Thượng Phẩm để trực tiếp nhận mệnh lệnh của Đức Chí Tôn điều hành nền Đạo và cũng để học hỏi nơi Đức Chí Tôn và các Đấng về mặt Bí Pháp.

Ngày 1-12-Ất Sửu (dl 14-1-1926).

Ông Đốc Học Đoàn Văn Bản xin với Đức Chí Tôn cho ông Chấp Bút.

Đức Chí Tôn trả lời bằng bài thi:

*Bút nở mùa hoa đã có chùng,
Chẳng như củi mục hốt mà bưng.*

*Gắng công ắt đặng công mà chớ,
Buồn bực rồi sau mới có mừng.*

Thầy trả lời rất khéo, ý nói Thầy định cho ai thì nấy đặng, chớ không phải ai cũng có thể cầu cơ và chấp bút được.

Ngày 26-6-Bính Dần (dl 4-8-1926).

Đức Chí Tôn giảng cơ dạy Ngài Phối Sư Thái Thơ Thanh tập Chấp Bút, trích ra như sau:

“Thơ, con rán tập Chấp bút, Thầy chỉ vẽ cho.

Thơ nghe: Khi con ngồi tập thì Thần con cho tịnh, chẳng nhớ chi hết. Khi Thầy giảng thì làm cho con khó chịu một chút, rồi Thầy dạy con viết, mừng tượng như con đặt ra vậy, mà không phải con đặt đầu. Thầy đưa Thần con theo Thầy lên không đặng Thầy dạy nó viết chữ chi thì nó cứ viết theo, chớ nó không biết gì hết. Khi ấy con có hơi khó chịu, như điển dính tay con vậy. Ấy là Thầy giảng, song con đừng có lòng sợ thì Thầy mới dễ giảng.

Đãi! Con lấy 9 cây nhang đặng Thầy làm phép Trấn Thần cho nó”. THĂNG.

7. SỰ HUYỀN DIỆU CỦA CƠ BÚT:

1. Ông Le Fol, Thống Đốc Nam Kỳ phò cơ.

Ngày 7-10-1926, Thống Đốc Nam Kỳ là ông Le Fol tiếp nhận Tờ Khai Đạo do Ngài Lê Văn Trung mang tới.

Trong thời gian ấy, ông Le Fol cũng nhận nhiều báo cáo bất lợi cho Đạo từ các cấp dưới trình lên. Ông Le Fol phân vân, cân nhắc.

Được biết Ngài Ngô Văn Chiêu làm việc tại dinh

Thống Đốc, thờ Đức Cao Đài, lại không có tên trong Tờ Khai Đạo. Một hôm, ông bà Le Fol tự ý đến tư gia của Ngài Chiêu tìm hiểu. Khi nghe Ngài Chiêu cho biết về huyền diệu cơ bút, do hiểu kỳ cũng như muốn tự thử nghiệm, ông bà Le Fol đề nghị được chính mình phò loan. Ngài Chiêu chấp nhận và làm pháp đàn trợ điển.

Lúc cơ lên, ông bà Le Fol mê man, đến khi tỉnh lại, tiếp được một bản văn bằng Pháp ngữ, ý cho biết trong vòng mấy ngày tới, ông bà sẽ nhận được tin buồn.

Quả thật, sau đó ít ngày, có tin từ Pháp qua, cho biết cha của ông Le Fol đã mất.

2. Toàn quyền Pasquier hại đạo, bị chết cháy.

Ông Pierre Pasquier làm Toàn Quyền Đông Dương từ năm 1928 đến năm 1934. Ông quyết tâm tiêu diệt Đạo Cao Đài, nên làm giả tạo nhiều hồ sơ để đem về Pháp, chứng minh với Chánh phủ Pháp là Đạo Cao Đài là một tổ chức chánh trị dưới lớp tôn giáo chống lại nước Pháp.

Pasquier đi máy bay về Paris, còn đang bay trên bầu trời của thành phố Marseille, bỗng nhiên phi cơ phát cháy nổ tung. Pasquier cùng với gia đình và toàn bộ hồ sơ nguy tạo đều bị đốt cháy ra tro.

Đó là vì Pasquier phạm Thiên điều, nên bị chư Thần diệt thác, linh hồn bị đày vào Phong đồ.

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ ngày 28-6-Giáp Tuất (dl 8-8-1934) nói rằng:

“Những kẻ nào dám vi phạm vào Thiêng liêng, dù xa dù gần, đều phải bị trừng phạt.

Hãy xem tên Toàn Quyền Pasquier và nhiều kẻ khác

bị giết chết bởi phán quyết thiêng liêng. Không một ai có thể tránh thoát những cơn thịnh nộ của Trời, nếu chống lại Đấng Thượng Đế. Hãy nghe theo và tin tưởng sự công bằng của Thượng Đế”.

Hai năm sau, Pasquier được phép giảng cơ để xưng tội cùng Hội Thánh. Bài giảng cơ chép ra như sau:

Tòa Thánh, ngày 18-81936 (âl 2-7-Bính Tý).

PIERRE PASQUIER

Tôi nói tiếng An Nam.

Tôi đã cầm đặng một cuốn sách Nho, học thông Đạo lý.

Cái tư tưởng của tôi buổi nọ, nó thiên về bên Khổng giáo chứ không phải hướng qua bên Phật đạo. Tôi càng suy xét thì lại lấy làm lạ vì có lẽ nào tôi lại dùng Nhà Thiên toan phá Đạo Cao Đài buổi nọ. Quái dị thay!

Tôi đã dám xưng mình là văn sĩ Nho phong, kinh truyện, văn chương trước mắt mà lại chịu thiệt thòi sai sót, chẳng hiểu đặng rằng Nho giáo chuyển luân tạo dựng toàn cầu Tân thế.

Sự lạc lăm ấy do đâu mà có?

Ôi! Quan trường! Ôi nha lại! Vì mi mà làm cho ta phải đui mắt, linh hồn phạm tội nghịch ý Chí Tôn, Thiên điều tàn sát. Hận thay ngôi vị đế vương là đao kiếm trừ mạng linh hồn mà chớ. Gớm thay! Ghê thay!

THI

*Vương bá bửu ngôi thị ngục hình,
Thiên lao như thử tặc công khanh.
Đồ thân phát phối cầm dân mạng,*

Y phục đai cân thị tử thành.

THẮNG.

Việc Toàn Quyền Pasquier chết cháy trên không ứng với câu sấm tiên tri của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm:

*Giữa năm hai bảy mươi ba,
Bỗng đâu lửa cháy tám gà trên mây.*

Tám gà: Hán văn gọi là Bát Kê, đồng âm với tiếng Pháp là Pasquier, tên của viên Toàn Quyền Đông Dương.

3. Paul Doumer bị giảm tuổi thọ 12 năm.

Ông Paul Doumer làm Toàn Quyền Đông Dương từ năm 1897 đến 1902, làm Chủ tịch Thượng Nghị Viện năm 1927 và Tổng Thống Cộng Hòa Pháp năm 1931, bị ám sát chết tại Paris năm 1932.

Ngày 3-8-Giáp Tuất (dl 11-9-1934), Paul Doumer được phép giảng cơ, nói với Đức Quyền Giáo Tông:

“ – Phải, nhưng tôi đã thiếu sót một bốn phận mật thiết trước khi chết, đó là không chấp thuận đúng lúc sự tự do tín ngưỡng của quý Ngài.

– Phải, nhưng quý vị có biết chăng, thật là khó khăn cho việc thay đổi lòng dạ con người. Họ có chịu nghe tôi nói không? Sự thiếu sót bốn phận thiêng liêng ấy đối với Đấng Thượng Đế làm tôi trả giá 12 năm của đời sống tôi. (Tuổi thọ giảm 12 năm).

Tôi đến để chỉ nói với quý Ngài như thế. Xin cáo biệt.”

4. Chuyện ông De Lagarde theo Đạo Cao Đài.

Ông De Lagarde, trước kia không theo đạo nào hết, ông là người tín ngưỡng tự do (libre penseur), làm Chủ sự Sở Bưu Điện ở thủ đô nước Lào đã mấy năm, ông có

người vợ người Nam ở Cần Thơ tên là Nguyễn Thị Trụ, nên ông nói tiếng Việt khá.

Một hôm, nhằm ngày chủ nhật, ông đi săn bắn trong rừng, bị một bầy voi đuổi, ông liệu bề không bắn được và không dám chống cự, bèn ù té chạy. Vì kinh hoảng nên ông bị vấp ngã té vào một bụi gai, cào chảy máu cả mặt mày. Do tai nạn này, ông De Lagarde bị thương nặng nơi hai con mắt. Mấy bác sĩ ở Vạn Tượng (Vientiane) chữa không khỏi, ông bị mù luôn. Người vợ đưa ông đi đến các bác sĩ danh tiếng ở Hà Nội và Sài Gòn để chữa trị, nhưng đôi mắt ông vẫn không lành, tốn không biết bao nhiêu tiền bạc nhưng đành phải chịu mù lòa, ông phải nghỉ việc và chức vụ của ông bị một người khác thay thế. Đó là khoảng năm 1935.

Bỗng dưng một hôm, mấy bà bạn của vợ ông khuyên nên đưa ông đi lên Tòa Thánh Tây Ninh, vì người ta đồn rằng nơi đó, nếu bệnh nhân thành tâm thì có Tiên giáng bút cho thuốc trị, bình gì cũng lành.

Trong lúc tuyệt vọng về y khoa Tây phương, ông De Lagarde nghe lời người vợ VN, thành tâm cầu nguyện, nếu có vị Tiên nào giáng bút chữa lành bệnh mắt của ông, thì ông xin theo Đạo Cao Đài và sẽ hy sinh suốt đời ông cho Đạo.

Buổi cầu cơ được tổ chức tại Tòa Thánh Tây Ninh vào đêm Rằm, vợ chồng ông De Lagarde đều thành tâm cầu nguyện, và chính ông cũng theo đúng các nghi lễ của Đạo Cao Đài, ông ăn chay, giữ gìn thân thể và tâm hồn trong sạch suốt 3 ngày đêm trước buổi cầu cơ.

Thế rồi trong không khí trang nghiêm tịch mịch của đêm khuya, trước bửu điện huyền linh, ông De Lagarde

vào hầu đàn cơ, quả nhiên có một vị Tiên giáng cơ kêu ông De Lagarde cho bài thi bằng tiếng Việt, trong đó bảo ông lấy một ít tro nhang hòa vào ly nước lạnh dâng cúng trên bàn thờ mà xoa vào đôi mắt mù lòa, xoa như thế thường xuyên 3 ngày đêm thì sẽ thấy lại ánh sáng.

Ông De Lagarde làm đúng như lời Tiên dặn, ngày thứ nhất, ngày thứ nhì, ngày thứ ba, sáng ngày thứ tư, bà vợ xoa cho ông giọt nước mầu nhiệm cuối cùng còn ở đáy ly, bỗng nhiên cặp mắt của ông lần lần hé mở, lim dim như người mới ngủ dậy, rồi mở hẳn, ông De Lagarde mừng quýnh, đang nằm trên giường liền ngồi dậy la lớn lên:

– Tôi đã thấy lại được rồi! Tôi đã thấy lại được rồi!

Và thật thế, ông De Lagarde đã hết mù lòa nhờ huyền diệu thiêng liêng, cặp mắt ông sáng lại như trước.

Ông được trở lại làm công chức Sở Bưu Điện Hà Nội.

Sau đó, hai ông bà De Lagarde đều nhập môn theo Đạo Cao Đài, và đó là 2 tín đồ nam nữ rất nhiệt thành, hăng hái tham gia việc lập công quả phổ độ nhơn sanh. Ông De Lagarde được phong Lễ Sanh phái Thượng và bà vợ của ông là Nguyễn Thị Trụ được phong Nữ Lễ Sanh Hương Trụ.

(Kể theo Lễ Sanh Ngọc Doan Thanh)

5. Thần Thổ Địa bảo vệ Thánh Thất Cầu Kho.

Năm 1926, một buổi nọ, bốn đạo Thánh Thất Cầu Kho chuẩn bị lập đàn cầu cơ, trong số đó có các vị: Đoàn Văn Bản, Vương Quan Kỳ, Huỳnh Trung Tuất,... Mọi người đã vào nhập đàn thì người cháu của ông Đốc Bản là điểm chỉ viên của Tây (Pháp) báo cho mật thám Pháp đến bắt.

Ngay lúc đó, Thần Thổ Địa giáng cơ báo rằng: “*Chư nhu khả bình tâm nghe Địa báo đàn, khoảng 5 phút nữa, mã tà Tây sẽ đến vây bắt chư nhu. Chư nhu bình tĩnh, yên lặng, việc ấy đã có thiêng liêng lo rồi.*”

Khi Thần Thổ Địa thăng thì lính Tây (Pháp) cũng vừa đến bố ráp Thánh Thất Cầu Kho.

Người cháu của ông Đốc Bản vừa chỉ điểm thì thiêng liêng bắt y mê man đứng trân tại chỗ, ngay lúc đó, nhà đèn cũng vừa cúp điện. Thời cơ đã đến, các vị lập đàn và hầu đàn liền thoát ra ngoài, giải tán, mạnh ai nấy lặng lẽ về nhà.

Khoảng 15 phút sau, nhà đèn có điện trở lại, người cháu của ông Đốc Bản cũng tỉnh lại, lính Tây vào Thánh Thất quan sát không có chi khác lạ, rầy la kẻ chỉ điểm, rồi cũng rút êm. Người cháu bị ông Đốc Bản đuổi đi, không cho ở đó nữa. Tuy nhiên, sau đó y ăn năn hối cải, xin nhập môn vào Đạo.

6. Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức giúp Đạo.

Ngài Hiến Pháp tự thuật lại như sau:

“Khi thọ phong chánh thức vào hàng Thập Nhị Thời Quân Hiệp Thiên Đài với chức Hiến Pháp Chơn Quân, Đức thường lên xuống Tòa Thánh Tây Ninh để hành đạo trong lúc rảnh rang, vì Đức vẫn còn giúp việc cho Chánh phủ Pháp, từng sự tại Sở Hỏa Xa Sài Gòn.

Sau, Đức được ông Chánh Sở Mật Thám Nam Kỳ là ông Nadau mời đến để giao chức vụ Thông dịch viên Sở ấy.

Trước khi nhận lời, Đức có câu cơ thỉnh giáo Đức Chí Tôn, vì lúc bình thường, Đức không thích giúp việc cho Sở ấy, là Sở không có cảm tình đối với dân chúng. Đức Chí Tôn dạy Đức nên qua giúp việc cho Sở ấy, vì sẽ

có cơ hội giúp Đạo.

Quả thật như lời Đức Chí Tôn nói, chẳng bao lâu sau ông Cao Quỳnh Cư (tức Đức Cao Thượng Phẩm) có ra bản “PHỔ CÁO CHÚNG SANH” để truyền bá Đạo Cao Đài, trên bìa bản Phổ Cáo ấy có tựa đề “**Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ**”. Lần đầu tiên bản Phổ Cáo ấy không có in kèm thêm chữ Hán, nhưng lần in sau, ông Cư có thêm 6 chữ Hán (大道三期普度). Để tượng trưng Tam giáo qui nguyên, ngoài bìa Phổ Cáo Chúng Sanh có vẽ hình ba vị Giáo chủ là: Đức Thích Ca, Đức Lão Tử và Đức Khổng Tử.

Bản Phổ Cáo Chúng Sanh in lần đầu được gửi ra Nha Tổng Giám Đốc Mật Thám Hà Nội để dịch ra Pháp văn. Nhưng người thông dịch viên ngoài ấy lại dịch câu tựa: Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Đạo lớn cứu vớt ba Kỳ.

Lúc đó là lúc nhà cầm quyền Pháp để ý theo dõi hành vi Đạo Cao Đài rất gắt, nên Hà Nội gửi bài dịch văn ấy vào Nam hỏi ông Chánh Sở Mật Thám Nadau, có phải Đạo Cao Đài làm chánh trị không, để họ giải tán.

Nhằm lúc ấy, ông Nadau tin dùng Đức, nên ông mới đến hỏi bài dịch văn ấy có đúng nghĩa không?

Đức trả lời rằng: Không đúng, vì nguyên văn câu ấy có nghĩa là Đại Đạo mở lần thứ ba để độ rồi, chớ không phải cứu vớt ba Kỳ (trong Liên bang Pháp là Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ). Để trưng bằng cụ thể, Đức đem trao cho ông Nadau bản Phổ Cáo Chúng Sanh có in kèm chữ Hán.

Ông liền phúc trình ra Hà Nội giải thích rõ việc ấy. Nhờ đó mà Đạo khỏi bị giải tán và người Đạo cũng đỡ

khổ. Đó là bằng chứng Đức cứu Đạo”.

7. Đức Chí Tôn độ ông bà Nguyễn Ngọc Thơ – Lâm Ngọc Thanh theo Đạo, ngày 6-6-Bính Dần (dl 15-7-1926).

Một ngày nọ vào đầu năm Bính Dần, ông Phạm Tấn Đãi chấp bút để học Đạo, thì được linh Chí Tôn dạy: “*Con hiệp cùng Trung để đi độ Thơ*”.

Ông Đãi vâng lệnh Đức Chí Tôn, từ Cần Giuộc đi lên Sài Gòn, tìm đến nhà ông Cao Quỳnh Cư để hỏi thăm ông Lê Văn Trung thì Bà Cư đáp: “Ông Trung có ra đây, vừa mới đi lên nhà ông Nguyễn Ngọc Thơ”.

Ông Đãi hỏi thăm địa chỉ của ông Thơ, liền đi lên Tân Định tìm được nhà ông Thơ thì gặp ông Trung tại đó.

Ông Đãi trình bày về Thánh giáo của Đức Chí Tôn, thì ông Thơ nói: “Tôi muốn làm sao hai ông cầu nguyện thế nào cho tôi chấp bút được thì tôi mới tin”.

Ông Trung nhận lời vào bảo ông Thơ phải ăn chay 3 ngày, đồng thời hai ông Trung và Đãi cũng ở đó hiệp nhau cầu nguyện.

Ông Thơ chấp bút thông công được với Đức Chí Tôn, nên ông bằng lòng theo Đạo. Ông Thơ nói: Xin làm thế nào để độ luôn vợ của ông là Bà Lâm Ngọc Thanh đang ở Vũng Liêm theo Đạo luôn cho thuận một đường.

Ông Trung cầu nguyện, Ôn Trên cho biết hiện giờ Bà Thanh đang làm việc gì ở Vũng Liêm, từng chi tiết, ông Thơ ghi chép rồi đánh điện kêu Bà lên Sài Gòn.

Khi Bà lên tới thì ông Thơ hỏi Bà các việc Bà đã làm trong ngày hôm qua, thì Bà nói đúng như Ôn Trên đã cho biết. Thế là hai ông bà Thơ và Thanh đều tin và theo Đạo.

Ngày ông Nguyễn Ngọc Thơ và bà Lâm Ngọc Thanh nhập môn theo Đạo Cao Đài là ngày Thứ năm, 6-6-Bính Dần (dl 15-7-1926).

8. Đêm 24-9-Ất Sửu (dl 10-11-1925)

Ngài Lê Văn Duyệt giáng đàn cho thi thời cuộc VN.

Có mấy chí sĩ đến hầu đàn nhờ ba ông xây bàn hỏi về thời cuộc. Ngài Tả Quân Lê Văn Duyệt giáng bàn trả lời rất chính xác làm cho quý ông thỏa mãn ước vọng.

Đây là đêm mà ba ông: Cư, Tắc, Sang ngậm ngùi và xúc động hơn hết khi Ngài Tả Quân nhập bàn cho bài thi:

*Đã ghe phen phấn khởi can qua,
Thuộc địa trách ai nhượng nghiệp nhà.
Trăm họ than van nài bặc lại,
Ba kỳ uất ức phép Tây tà.
Xa thơ biển gầy rời vương thất,
Nam đánh hầu thay sáng quốc gia.
Ách nước nạn dân gần muốn mãn,
Hết hơi áp chế tới khi hòa.*

Cách mấy hôm sau, Ngài Tả Quân Lê Văn Duyệt nhập bàn cho tiếp bài thi thứ nhì:

*Khi hòa tuy có chí đồng thính,
Vận nước nên hư cũng bởi mình.
Tôi giặc lắm người xô vũ trụ,
Lòng trung mấy kẻ xót sanh linh.
Đường dài chó nệ ngàn công gắng,
Bước nhọc đừng nao một dạ thìn.
Đổ sộ giang sơn xưa phải sạch,
Trông vào tua vện nổi đỉnh ninh.*

Ngài Cao Hoài Sang bạch với Đức Ngài:

– Trong tình thế hiện tại, các nhóm Cần Vương có nên họp nhau đứng dậy làm cách mạng để thoát ách nô lệ chăng?

Ngài Tả Quân trả lời bằng bài thi 4 câu:

*Mạnh yếu hai đảng đã hiển nhiên,
Đôi mươi năm nữa nước nhà yên.
Dần lòng ẩn nhẫn xem thời thế,
Đừng vội gây nên cuộc đảo huyền.*

9. Nhờ Cơ Bút báo trước nên Ngài Giáo Sư Thượng Vinh Thanh và các Chức sắc tại Văn phòng Long Xuyên thoát nạn ngày 11-10-Nhâm Ngọ (dl 18-11-1942).

Trong thời kỳ đầu, Ngài Giáo Sư Thượng Vinh Thanh (Trần Quang Vinh) được lệnh Đức Lý Giáo Tông và Đức Quyền Giáo Tông dạy hợp tác với quân đội Nhật để cứu Đạo, Ngài Giáo Sư Vinh sắp đặt công việc Đạo nơi Kim Biên xong thì liền trở về Long Xuyên dựng triệu tập nhơn tài và thảo chương trình làm việc.

Lúc bấy giờ, tại Văn phòng Long Xuyên, Chức sắc và Đạo hữu vô ra tấp nập, bàn luận luận hình như sắp gặp cơn đường để giải thoát cho Đạo khỏi bị đàn áp của Chánh phủ Pháp, ai cũng đầy vẻ hân hoan tràn trề hy vọng.

Tối lại cầu Đức Lý Đại Tiên và Đức Quyền Giáo Tông giảng dạy những hành trình và cho hay nhiều tin rất lạc quan. Đức Lý căn dặn: Ngày 11-10-Nhâm Ngọ (dl 18-11-1942) phải khởi hành lên Sài Gòn.

Nên rạng ngày 11 thì Văn phòng Đạo tại Long Xuyên đóng cửa giải tán, kẻ lên Sài Gòn, người đi Lục tỉnh, thì đến chiều, có Mật thám Pháp đến khám xét, nhưng chỉ còn một mình ông Lê Sanh Thượng Tý Thanh ở đó để

trả lời, nên không xảy ra việc chi phiến phức nguy hiểm.

Nếu Đức Lý Giáo Tông không căn dặn khởi hành vào sáng ngày 11 thì tất cả những người trong Văn phòng Đạo tại Long Xuyên đều bị Pháp bắt vào chiều hôm đó.

(Theo Lịch Sử QĐCĐ của Nguyễn Thành Danh)

10. Đức Hộ Pháp thuyết đạo Huyền Diệu Cơ Bút:

Đêm 30-4-Tân Mão (dl 4-6-1951): Đức Hộ Pháp thuyết đạo tại Giảng Đài Tòa Thánh về Huyền diệu Cơ Bút.

HUYỀN DIỆU CƠ BÚT

“Đêm nay Bản đạo thuyết về Huyền diệu Cơ Bút. Cả Thánh Thể Đức Chí Tôn, cả con cái Nam Nữ của Người cũng vậy, đã biết về Huyền diệu Cơ Bút. Nó là vấn đề mà chúng ta không thể gì lấy trí khôn tưởng tượng của chúng ta định cái chơn giả của nó đặng.

Tại sao? Trong cái huyền diệu thiêng liêng ấy nó gồm cả bí mật huyền vi của cơ thể tạo đoan hữu hình và vô vi của Càn Khôn Vũ Trụ. Chúng ta thử nghĩ, các bậc chơn tu đắc pháp, họ chỉ tìm đặng hiểu Vô Vi Cảnh đặng lập giáo là khó khăn thế nào, từ thử đến giờ, biết bao nhiêu kẻ tu mà tính lại coi được bao nhiêu người đắc Pháp đắc Đạo?

Tìm thấu đáo cho đặng cái bí mật huyền vi vô định của Càn Khôn Vũ Trụ, nó lại khó khăn quá lẽ, chẳng hề khi nào chúng ta lấy trí khôn định quyết đặng, định nó chỉ có chúng ta tìm hiểu lấy trí thức mình đặng định cái chơn tướng của vạn vật hữu hình, tức nhiên chúng ta chỉ học phương pháp cách vật trí tri. Chúng ta đã thấy cái trở lực biết bao nhiêu khó khăn, huống chi các việc trong Cơ

Bút thống hiệp cả sự khó khăn của Huyền Vi Cảnh với Hữu Hình Cảnh nữa.

Nó khó lắm, nếu luận điều ấy, Bản đạo phải ngồi viết không biết bao nhiêu sách mới có thể tả ra mây may được. Lên tại Giảng đài này 15 phút hay nửa giờ, thuyết về Cơ Bút chẳng khác nào chúng ta cầm ly nước đổ xuống biển.

Ấy vậy, Bản đạo chỉ lấy cái đại cương của nó, nói cho Thánh Thể Đức Chí Tôn và toàn cả con cái nam nữ của Ngài thấu đáo mây may chút ít, đừng khỏi bị Cơ Bút làm cho đức tin tàn phá tiêu diệt mà chớ.

Bản đạo buộc mới đây lập Thánh Lịnh định khuôn luật của Cơ Bút, vì có nhiều lẽ, trước đây Bản đạo khoan dung để cho Cơ Bút tự do. Khoan dung ấy làm cho phiền lòng Đức Lý, cho nên Đức Lý trách Bản đạo cầm quyền Hộ Pháp trong tay điều trị mà không định luật để cho rối loạn Cơ Bút. Nên Bản đạo lập Thánh Lịnh đó, cùng chẳng đã mới lập Thánh Lịnh, vì từ trước đến giờ, Bản đạo để cho Cơ Bút tự do.

Bản đạo nói thật tại Giảng đài này, Bản đạo thấu đáo được Thánh ý của Đức Chí Tôn. Ông lấy cái giả dạng lập cái thiệt, chỉ có tay Ông Trời làm được mà thôi, không ai làm được hết, chớ hành tàng của cơ Đời họ đều lấy cái giả.

Chính mình Đại Từ Phụ hồi mới ban sơ đến để 4 câu thi như vậy:

*Phong Thần đừng tưởng chuyện mờ hồ,
Giữa biển ai từng gặp Lão Tô.
Mượn thể dạng toan phương giác thế,
Cũng như nương viết của chàng Hồ.*

Lấy cái giả của Đời, Ngài tạo cái thiệt của Ngài, duy

chỉ có Ông Trời làm được mà thôi.

Chính Bản đạo có thí nghiệm, Bản đạo có người bạn thiết ở ngoài đời, thi giỏi văn hay, bạn đồng chí với nhau, biết tài lực nhau, người ấy nghĩ rằng cả Cơ Bút trong cửa Đạo xuất hiện ra do đầu óc của Cao Thượng Phẩm và Bản đạo. Người ấy cho rằng, văn Cao Thượng Phẩm cũng hay, chính mình Bản đạo thì cũng giỏi, người ấy cho rằng cả Thánh giáo ấy do Cao Thượng Phẩm và Bản đạo mà xuất hiện.

Bản đạo thấy cái nghi ấy của bạn, bây giờ muốn độ bạn thì Bản đạo phải làm thế nào?

Muốn thử giả thiệt đừng biết Ông Trời là ai, bạn làm ơn cầm cây viết đây, bạn là nhà văn, bạn muốn viết chi thì viết, còn Bản đạo sẽ dâng sớ cho Đức Chí Tôn. Bản đạo làm một bài thi tứ tuyệt câu xin Đức Chí Tôn cho biết sự chơn giả các quyền năng của Ngài dạng độ bạn.

Người bạn ấy cầm cây viết, viết ra 4 câu thi tứ tuyệt, chùng viết rồi, Bản đạo đưa 4 câu thi Bản đạo đã làm để trong bao thơ, chùng xé ra coi, họa đúng với 4 câu thi của bạn.

Bản đạo hỏi, Bản đạo chỉ cái đầu óc phàm và trí khôn của ta là khí cụ của Đấng Chí Linh kia cho bạn ngó thấy.

Đấng Chí Linh đã lấy cái giả của bạn làm cái thiệt đó vậy. Người bạn ấy tỉnh giấc lại, tự mình theo đạo, sự thật vậy.

Ôi! Huyền diệu cơ bút! Chúng ta không thể gì tả cho được!

Trong Càn Khôn Vũ Trụ có hai ông chủ:

– Ông chủ vô hình của Càn Khôn Vũ Trụ, ông chủ

vô hình trên cõi Thiêng liêng hằng sống, ấy là Đấng Tạo đốn, là Đấng Chí Linh, là Đấng Đại Từ Phụ.

– Ông chủ thứ nhì là NGƯỜI, tối linh trong vạn vật, cốt yếu của Đức Chí Tôn sanh ra loài người đặng lấy quyền của Ngài cầm quyền vạn linh hữu hình, tức là cầm quyền vạn linh vô hình của Ngài đó vậy.

Bởi vậy, Tiên Nho chúng ta nhìn nhận Thiên thượng Thiên hạ. Thiên thượng là Đức Chí Tôn, Thiên hạ là loài người.

Muốn đặng thấu đáo Càn Khôn Vũ Trụ, tinh thông vạn vật, Đức Chí Tôn dùng Cơ Bút.

Ngài nói rằng: *Một phần của con, và một phần của Thầy hiệp nhứt mới thấu đáo Càn Khôn Vũ Trụ, tinh thông vạn vật. Hai người chủ quyền ấy, một người về hữu hình, một người về vô hình, hiệp lại với nhau mới làm chủ cơ thể Càn Khôn Vũ Trụ, có lạ chi?*

Lạ chẳng là cây cơ của chúng ta đưa lên hợp lực hai quyền năng ấy, trong đó cây cơ đưa lên là lấy hai cái sống của hai Ông Chủ làm cái sống duy nhứt, đặng phục lịnh quyền hành thiêng liêng của Đức Chí Tôn sử dụng mà thôi, thì nó là cây viết thiêng liêng của Đức Chí Tôn đó vậy.

Khéo, chúng ta phải khéo. Cảnh Vô vi Vô Tử Thiên, lại cũng có cảnh Hữu Tử Thiên. Chừng nào vô hàng phẩm đứng địa vị Vô Tử Thiên, tánh chất của họ cao siêu, không còn phàm chất.

Các Đấng thiêng liêng còn ở trong Hữu Tử Thiên thì họ cũng như ta vậy, cũng có quân tử, tiểu nhân, cũng cá nhân cá tánh như ta vậy. Các Đấng ấy thế nào thì ta thế đó, có nhiều hàng phẩm mà ta không luận cho cùng,

cũng có kẻ thân với ta, mà cũng có kẻ thù nghịch đáo để với chúng ta, không thể gì chúng ta hòa giải với họ đặng. Chúng ta đã ngó thấy trong Đạo pháp, nếu có Phật thì có Ma, có Trời thì có Quỷ; chúng ta chịu hai cửa, một là cửa thua, hai là cửa ăn.

Các chơn linh từ bậc Hữu Tử Thiên trở xuống biết bao nhiêu mà nói, họ không đáng gì là thầy ta mà họ mơ vọng dạy ta, biểu ta làm học trò họ. Đám chơn linh đó, nhứt là ở trong Đại Hải Chúng, đệ nhứt nguy hiểm hơn hết là Kim Quang Sứ tự là Quỷ Vương. Nếu chúng ta đã tu, rủi như lâm nghe nó thì làm đây tở cho nó, làm môn sanh của nó.

Có một điều Bản đạo thấy hiển nhiên trước mắt, khi mới mở Đạo, Thánh Thể Đức Chí Tôn còn thương yêu hòa ái với nhau, chưa đến nỗi chia rẽ, chưa đến nỗi thù địch, kể Kim Quang Sứ đến.

Kim Quang Sứ đến cầm cơ viết câu này:

Chín phẩm Thần Tiên nể mặt ta,

Ông Giáo Sư Bảy (Lê Văn Bảy) ở Kim Biên nói: Ông nào đây chắc lớn lắm, bước ra quì xuống lạy. Cơ viết luôn:

Thích Ca dầu trọng khó giao hòa.

Kể Ông Chử (Đặng Trung Chử) bước ra, quì xuống lạy nữa. Cơ viết tiếp:

Lấy chơn đem giả tô Thiên vị,

Thắng bại phàm tâm liệu thế à?

Tới chừng ký tên Kim Quang Sứ mới biết là Quỷ Vương, là Tà giáo.

Hai người đã theo nó, bằng cơ hiển nhiên, các bạn ngó thấy. Các bạn của ta đã lầm cái thiệt ra cái giả.

Nếu không giải quyết được cái hư thiệt, chúng ta phải theo Tà giáo mà chớ! Duy có Đức Chí Tôn lấy cái giả làm cái chơn được.

(Xin xem thêm lại Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp Q.4 bài thứ 07. Ban Đạo Sử ấn hành lần thứ nhất năm Đinh Mão - 1975)

8. NHỮNG TRƯỜNG HỢP THỬ CƠ BÚT:

1. Đêm 4-7-Ất Sửu (dl 22-8-1925)

Cô Hớn Liên Bạch nhập bàn làm thi.

Khi quý ông ngồi vào xây bàn, vừa đặt tay lên bàn thì Cô Vương Thị Lễ giáng. Ông Cao Hoài Sang nói:

– Tứ muội, còn chị em nào biết làm thi, xin mời giùm về để họa thi cho vui.

Cô Lễ gõ bàn trả lời:

– Có chị Hớn Liên Bạch làm thi hay lắm, vậy xin chờ em một chút.

Giây phút, bàn chuyển động, Cô Lễ giới thiệu Cô Hớn Liên Bạch. Ông Sang có ý hồ nghi Cô Lễ nói gạt mình, nên nói nửa đùa nửa thật, xin để tôi ra để cho cô bạn mới làm thơ. Ông Sang liền ra đề: “Tiễn biệt tình lang”.

Bàn liền uyển chuyển gõ lia lịa không ngừng, khi ráp lại thành chữ được một bài thi tuyệt diệu sau đây:

TIỄN BIỆT TÌNH LANG

*Chia gương căn dặn buổi trường đình,
Vàng đá trăm năm tạc tấm tình.
Bước rẽ ngùi trông cơn ác xế,
Lời trao buồn nhớ lối trăng thanh.*

*Ngày chờ mây áng ngàn dâu khuất,
Đêm bật đèn khuya một bóng nhìn.
Mồ mệ non Vu ngơ ngẩn luống,
Dặm đâu cách bức nghĩa đâu khinh.*

(Sau Cô Hớn Liên Bạch xin đổi 2 câu chót lại là:

*Lần lựa cô phòng xuân thôn mỏn,
Xa xôi ai thấu nỗi đình ninh.)*

Ông Sang xin Cô làm tiếp một bài thi nữa lấy nhan đề là: “Hoài lang”. Bàn liền chuyển động gõ ra một bài thi:

HOÀI LANG

*Động Đình nhớ buổi tạm chia đường,
Bốn giọt nhìn nhau lối rẽ cương.
Trời thăm mây giăng muôn cụm ú,
Biển sâu nước nhuộm một màu thương.
Cờ thần chạnh lúc vẫy đôi bạn,
Tiệc ngọc nào khi hội nhứt trường.
Mượn vận, lương nhân xin nhắn nhủ,
Vườn xưa tiếng nhận luống kêu sương.*

HỚN LIÊN BẠCH

2. Đêm 8-7-Ất Sửu (dl 26-8-1925).

Ông Cao Quỳnh Cư nhớ đến ông Huỳnh Thiên Kiều đã mất cách đây khá lâu, mà lúc sống ông làm việc tại sở Tuần thành, bỏ vào dinh Đốc lý Sài Gòn, coi về sở Patentes. Ông Kiều là một nhà thơ nổi tiếng, hiệu là Quý Cao. Ông Cư vái ông Quý Cao về xướng họa thi văn.

Lát sau, ông Quý Cao nhập bàn, xin họa bài thi “Tiễn biệt tình lang” của Cô Hớn Liên Bạch:

*Ình ình trống giục thăm trường đình,
Đau nỗi chia phôi một chữ tình.*

Hồng nhận đưa tin trông vắng dạng,
Phụng lâu gác quyển đợi hòa bình.
Vùng trắng xẻ nửa lưng trông ngó,
Một mảnh gương treo biếng mắt nhìn.
Kẻ ở phương trời người góc biển,
Lòng thành nhắn gởi chữ khương ninh.

QUÍ CAO

(Huỳnh Thiên Kiều)

Ông Quý Cao gõ bàn tiếp:

Nhấn nhủ mấy anh một ít lời,
Làng mây hôn trẻ đã xa chơi.
Mẹ già nôi hiếu chưa rời đạo,
Vợ yếu niềm duyên chẳng trọn đời.
Chạnh nhớ quê xưa lòng xót xót,
Buồn trông cảnh cũ dạ bồi bồi.
Ai về gởi lạy tình sông núi,
Kiếp khác ân sinh sẽ đáp bồi.

QUÍ CAO

3. Đêm 4-8-Ất Sửu (dl 21-9-1925).

Ông Cao Hoài Sang bữa nay cảm thấy buồn nên để bài thi “Tự thán” có ý than thân trách phận, sao lẩn lóc với tình đời, tuy tuổi chưa bao nhiêu mà đã mòn mỏi. Ông Sang đưa bài thi cho ông Cao Quỳnh Cư xem và có ý mời chư vong linh họa vận. Bài của ông Cao Hoài Sang như vậy:

TỰ THÁN

Sầu dài ngày vẫn có chi vui,
Toan tỉnh thâu đêm ruột rối rời.

Ngược gió thuyền đẩy con sóng dập,
Xuôi dòng nước lớn vạt bèo trôi.
Buổi đường danh lợi thêm gay trở,
Ngãnh lối tang thương luống ngậm ngùi.
Lần lựa xuân hè năm tháng lụn,
Thôi thôi đến thế, thế thì thôi!

CAO HOÀI SANG

Cô Đoàn Ngọc Quế giảng bàn họa vận:

Chung tình đoạn gánh khó làm vui,
Lần gõ chưa xong chỉ rối rời.
Lời hẹn xưa còn vắng nguyệt chứng,
Hương thề nay thả giữa dòng trôi.
Kim rời cải rụng lòng ngao ngán,
Đá nát vàng phai dạ ngậm ngùi.
Một khối tuyến đài tình khó dứt,
Ráp gương kiếp khác quyết chờ thôi.

ĐOÀN NGỌC QUẾ

Trong bài thơ có 2 chữ “Tình” ở câu phá và thúc, thế là trùng tự. Quý ông hỏi thì bàn gõ ra chữ: Permis (cho phép).

4. Đêm 11-8-Ất Sửu (dl 28-9-1925)

Ông Nguyễn Trung Hậu, nguyên trước là thi hữu với thi sĩ Huỳnh Thiên Kiều, hiệu là Quý Cao, nghe tin ông Quý Cao giảng bàn làm thi nơi nhà Cao Quỳnh Cư, ông Hậu liền tìm đến nhờ ông Cư xây bàn thỉnh Quý Cao về làm thi.

Hai ông Cư và Tác thỉnh bàn ra, đốt nhang vái ông Quý Cao, rồi ngồi vào đặt tay lên bàn. Tĩnh thần một chốc thì bàn bắt đầu chuyển động. Ông Quý Cao nhập

bàn, cho bài thi:

*Âm Dương tuy cách cũng chung trời,
Sinh tịch đời người có bấy thôi.
Chén rượu đồng tâm nghiêng ngửa đổ,
Thương nhau nhắn nhủ một đôi lời.*

QUÍ CAO

Ông Hậu cũng còn nửa tin nửa ngờ, bèn nói:

– Tôi sẵn có một bài thi đem theo đây, xin đọc cho anh nghe và xin anh họa lại cho vui.

Ông Quý Cao gõ bàn 2 cái, nghĩa là ứng chịu.

Bài thi của ông Hậu như vậy:

*Mấy năm vùng vẫy cũng tay không,
Nào khác chiêm bao một giấc nông.
Cử nắng tuần mưa dày dạn mặt,
Môi danh bả lợi ngắn ngo lòng.
Ngày qua thôn môn xuân thu dập,
Gương rang phui pha cát bụi lông.
Chừ gặp cố nhân lời ướm hỏi,
Hỏi ra cho biết nẻo cùng thông.*

Ông Quý Cao liền gõ bàn họa lại một mạch không ngập ngừng chút nào cả. Bài họa như vậy:

*Một tiếng u minh gióng cửa không,
Phồn hoa giục tỉnh giấc đương nông.
Ngôi thuyền bát nhã qua tình biển,
Mượn nước nhánh dương rưới lửa lòng.
Cuộc thế lạnh lùng lẩn gió lọt,
Đường đời ngán ngấm bụi trần lông.
Kiếp tu xưa tiếc chưa nên đạo,*

Oan trái phải rồi phép Phật thông.

QUÍ CAO

5. Đêm 14-8-Ất Sửu (dl 1-10-1925)

Thân phụ của Ngài Cao Hoài Sang giảng bàn.

Cụ Cao Hoài Ân (cũng gọi là Cao Hoàng Ân) giảng bàn, ông là thân phụ của Cao Hoài Sang.

Ông Cư yêu cầu ông Cao Hoài Ân làm một bài thi theo vận Từ Thứ. Ông liền gõ bàn cho bài thi sau đây:

*Thuyền khơi gió ngược khá nương voi,
Vận thời hầu nên đã thấy mò.
Vườn cúc hôm nay muôn cụm rở,
Rừng thông buổi trước một cây còi.
Hồng nương dậm gió chi sờn cánh.
Ngựa ruổi đường hòe há nhọc roi.
Nín nằm chờ qua cơn bĩ cực,
Thìn lòng chừng có lượng đôi thoi.*

CAO HOÀI AN

6. Yết Ma Luật thử cơ bút.

Ngày 2-12-Ất Sửu (dl 17-12-1925).

Đấng Cao Đài Thượng Đế giảng cơ loan truyền nhanh chóng trong giới trí thức và tu sĩ, khiến dư luận xôn xao.

Cụ Yết Ma Luật chủ chùa Hội Phước Tự ở làng Phước Hậu, tổng Phước Điền, thuộc quận Cần Giuộc, là một tu sĩ được nhiều người kính trọng, nghe có cơ bút Tiên Phật giảng, nhưng cụ không tin, liền lên Sài Gòn, đến tận nơi cầu cơ nhà ông Cao Quỳnh Cư đặng thử. Cụ viết một bài thơ để trong túi áo, cụ vái: Nếu Thượng

Để giảng cơ thật linh hiển, xin họa bài thơ trong túi tôi.

Đấng Cao Đài Thượng Đế họa:

*Hãy tỉnh cho mau giấc mộng tràng,
Đời cùn Tiên Phật giảng trần gian.
Chẳng ai hay giỏi bày thi phú,
Chính thật Ta đây Đấng Ngọc Hoàng.*

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Nhận xong bài họa, cụ Yết Ma Luật đã trọn tin và cho xem bài thơ của Cụ xướng:

*Ấm ức tâm tư suốt mộng tràng,
Có đâu Tiên Phật giảng trần gian?
Văn hay chữ giỏi bày thi phú,
Họa đặng thơ đây mới Ngọc Hoàng.*

YẾT MA LUẬT

Cụ Yết Ma Luật tin tưởng Đức Chí Tôn nên nhập môn vào Đạo Cao Đài.

Ngày 22-7-Bính Dần, cụ được Đức Chí Tôn ân phong Giáo Sư phái Thái: Thái Luật Thanh.

7. Đêm 17-11-Ất Sửu (dl 1-1-1926) [Tết dương lịch]

Có ông bà Đốc Phủ Chi theo Đạo Thiên Chúa đến nhà ông Cao Quỳnh Cư muốn xem thử cơ bút nên nói với ông:

“Xin cho tôi để thử trên bàn cầu cơ hình Đức Chúa Jésus và một cây Thánh giá. Nếu Đức Cao Đài là Thượng Đế thiết thì mới giảng cơ được, bằng là Quỷ Vương thấy hai vật báu ấy tự nhiên phải tránh.”

Ông Cư bằng lòng cho thử, đoạn ông Cư cùng ông Tác ngồi vào hai bên bàn để phò Ngọc cơ.

Trước hết, có Thánh Pierre giảng cho 4 câu thi:

SAINT PIERRE

*Thiên đàng giữ cửa góc trời tây,
Truyền đạo cho dân biết mặt Thầy.
Cứu chuộc đã gần đôi ngàn tuổi,
Cao Đài phú thác dất dầu bày.*

Tiếp theo, Đấng Thượng Đế giảng cơ như vậy:

THẤY

Các con hiểu Jésus là ai chẳng?

Trước Ta đổ máu cho loài người vì thương yêu.

Nay Ta đến cứu loài người cũng vì thương yêu.

Bây đủ thương yêu Ta dường ấy chẳng?

Ta cần bây biết ăn năn hầu cứu chữa bây.

8. Ông Phan Khắc Sửu thử cơ bút.

Tuy đã có nhiều người thử thách, nhưng ông Phan Khắc Sửu vẫn không tin. Ông đến dự đàn cơ, âm thầm viết một bài thơ 5 vắn mà 2 vắn trên khác 3 vắn dưới, không nói một lời, đến đốt trước đàn cơ, xin họa y 5 vắn.

Đấng Cao Đài đang dạy Đạo cho chư môn đệ, bỗng cơ ngưng để tài đang giảng dạy, họa lại bài thơ y theo 5 vắn của ông Phan Khắc Sửu, khiến mọi người ngạc nhiên:

*Cơ Trời khó tỏ hơi con ơi!
Nghiep quả tiền khiên của giống nòi.
Bồi luyện môi thơm, cam cá chậu,
Vì ganh tiếng gáy, chịu chim lồng.
Trời khai Đại Đạo nên yên dạ,
Đất dầy phong ba cứ vững lòng.*

*Gắng trả cho rồi căn nợ ấy,
Tu mà cứu thế dễ như không.*

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ.

Ông Phan Khắc Sửu nhận được bài họa, liền xin làm môn đệ Đấng Cao Đài Thượng Đế vì bài thơ của ông xướng có tám câu mà 2 vần trên khác 3 vần dưới, chép ra như sau:

*Cao Đài Tiên Trưởng hỏi ông ơi!
Linh hiển sao không cứu giống nòi.
Trăm họ điều linh thân cá chậu,
Muôn dân đồ thán phận chim lồng.
Coi mời diệt chủng càng đau dạ,
Thấy cảnh vong bang bắt nã lòng.
Nạn nước ách dân như thế ấy,
Ngồi mà tu niệm có yên không?*

Đấng Cao Đài Thượng Đế cho ông Phan Khắc Sửu thêm bài thơ:

*Đường Đạo tìm vào mới rõ cơ,
Cơ mẫu giải khổ chớ chần chờ.
Chờ cho trẽ bước thuyên xa bến,
Bến tục thoát vòng hết ước mơ.*

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ.

(Trích tài liệu của Ban Đạo Sử quay ronéo, trang 88)

9. Ông TỔNG thử cơ bút.

Ông Tổng muốn thử cơ bút của Đạo Cao Đài có linh thiêng hay không, ông đặt một bài thơ tứ tuyệt, rồi ông cầu nguyện và đốt đi. Việc này chỉ có một mình ông biết mà thôi.

Ba tuần lễ sau, ông đến hầu đàn tại một đàn cơ phổ độ

của Đạo Cao Đài. Đấng Cao Đài Tiên Ông giáng cơ gọi:

– Tổng, Thầy trả lời cho con đây:

*Chúa tể Càn khôn đứng Ngọc Hoàng,
Giáng trần để cứu kẻ lầm than.
Ba nhánh nay đã qui nguyên một,
Qui chánh cải tà thấy thái an.*

Nguyên bài thơ tứ tuyệt của ông Tổng là:

*Thượng giới nếu như có Ngọc Hoàng,
Dưới trần lắm kẻ chịu lầm than.
Bao giờ thoát khỏi vòng nô lệ,
Hưởng được hòa bình sống thái an.*

Ông Tổng thấy sự hiển linh nầy của Đấng Cao Đài Tiên Ông nên ông tin tưởng và sau đó xin theo Đạo Cao Đài.

Ông Tổng sau nầy được thăng lên tới phẩm Phối Sư và thường thuật lại cho con cháu nghe sự hiển linh nầy.

(Trích trong “Bản Tin ĐĐ” trang 94 số 4/74 tháng 7 năm 1999, bài của Tiên Sĩ Trần Quang Hải).

10. Cuộc thử cơ của Chi phái Tiên Thiên.

Chi Phái Tiên Thiên do ông Nguyễn Bửu Tài cầm đầu, hướng dẫn các Chức sắc Tiên Thiên qui hiệp về Tòa Thánh Tây Ninh, được Đức Lý Giáo Tông ân phong Phối Sư Thượng Tàí Thanh (Trong phái Tiên Thiên, ông Tàí phẩm vị Đầu Sư).

Ngày 4-2-Tân Mão (dl 11-3-1951), tại Thanh Trườc Đàn (lập nơi Tiên Phong Hội Quán ở Ngã Năm, Châu Thành Thánh Đạ) tổ chức cuộc thử Cơ Bút:

– Một bên là Cơ Bút của Tòa Thánh Tây Ninh do

2 vị Luật Sự Hiệp Thiên Đài phò cơ: Nhung và Hưởng.

– Một bên là Cơ Bút của Chi Phái Tiên Thiên do 2 đồng tử của phái Tiên Thiên phò cơ.

Hầu đàn gồm: Các Chức sắc Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng Đài, Sĩ quan cao cấp của Quân đội Cao Đài, và các Chức sắc của phái Tiên Thiên.

Buổi thử cơ bắt đầu.

Đức Lý Giáo Tông giáng bên đàn cơ do hai vị Luật Sự Nhung và Hưởng phò cơ:

LÝ GIÁO TÔNG

Chào con cái Chí Tôn.

Thượng Tài Thanh, hiền hữu có biết chăng, Đạo Thầy vốn có một.

Khai Pháp hiền hữu chấp bút nhang đuổi nó vì đây trước mặt Lão lại còn cho Thần Cái trụ.

Thượng Tài Thanh, hỏi một Hội Thánh có mấy Đài Hiệp Thiên và mấy Đài Cửu Trùng?

Chính tay Lão đã lập Nghị Định thứ 8, có đầu Lão lại phá luật, còn Đài Hiệp Thiên do Hộ Pháp nắm giữ, có đầu Lão lại quá quyền phạm pháp, phong tước cho Chưởng Quản Hiệp Thiên Đài.

Hiền hữu vốn biết Lão đương quyền Giáo Tông đó chứ? Cơ chia phe phân phái cũng do đó có phải?

Nè, Lão cho hay rằng, Hội Nhơn Sanh sắp đến đó, thử hỏi Chức sắc và tín đồ (phái Tiên Thiên) đem về đặng bao nhiêu?

Hiền hữu khá nhớ rằng, được phẩm thì dễ chớ ngôi yên khó lắm. Sự không chịu qui thuận của các Chức sắc

và tín đồ Tiên Thiên là lỗi nơi hiền hữu chớ không phải của họ.

Từ đây, hiền hữu cứ ra nghiêm lệnh coi. Nên nhớ rằng, với tình thì Lão dung thứ được, chớ về luật pháp e khó dung tha.

Cao Sĩ Tấn, Lão biết hiền hữu có ý bất mãn nhưng Lão khuyên hiền hữu khá suy nghĩ sẽ thấy rõ đường đi. Đức Chí Tôn khai Đạo chẳng bó buộc một ai hết thầy, nếu ngoan thì là con Thầy, còn dại thì mặc tình Qui dẫn.

Những cặp đồng tử của hiền hữu tuy vốn có xuất thần nhưng bị hồi điển do bốn thân.

Hiền hữu khá đem họ nhờ sự trau luyện của Hiệp Thiên Đài Chức sắc thì sẽ ứng dụng được ngày sau.

Hiền hữu thử hỏi chúng nó coi rằng trước đêm 24 vừa qua, nó có suy nghĩ gì chăng?

Thượng Tài Thanh, hiền hữu hiểu lời của Lão rồi chớ?

Bảo Thế, Khai Pháp và Tiếp Đạo sáng ngày mai, phải xuống Trí Huệ Cung tường thuật cận kề cho Đức Hộ Pháp nghe.

Còn hai em Hưởng và Nhung, Lão khen đó, hai em đã giúp Lão chinh đốn Cửu Trùng Đài nhiều lắm đó. Lão mang ơn nơi cõi hư linh, còn hữu hình Lão không có quyền. THĂNG.

TÁI CẦU:

THƯỢNG TRUNG NHỰT

Chào mấy em.

Cười . . . Ông Già nộ khí dữ quá ta!

Lúc này đồng tử của họ có một người tà tâm nên ông đánh nó đó.

Bạch: –

– Không sao, tuy vậy chớ Thượng Tài Thanh và Cao Sĩ Tấn biết suy nghĩ lắm, họ bị quá mê tín mà nên nông nổi. Cười....

Coi chừng đồng tử bị đánh bịnh ta ơi! Tội nghiệp, không phải tự họ muốn lên giá, nhưng bị thần trược mà bị hồi điên. Những người đồng tử họ bất bình, họ nói mình xúm nhau mà làm ngưng nghề của họ, chớ không phải là Đức Lý. Cười....

Mặc tình lúc này, Ông Già đã nói trước rồi.

Còn KHOA thì coi hình như muốn dẹo muốn rớt.

Em Trung Đông nên gần gũi dẫn dụ họ. Nếu họ có ỨC thì xin Đức Hộ Pháp phò loan tại Trí Huệ Cung một lần nữa, nhưng cấm không cho đồng tử theo, vì e có hại đến họ.

Cười... Cần cơ gãy... Cười...

Anh nói thiệt, nếu cơ không gãy thì e cho họ phát điên rồi mà chớ, đó cũng may cho họ vì đầu cơ không có điên, hành pháp không được.

Thôi cũng yên một phần, em Trung Đông cười đi em! THĂNG.

GHI CHÚ:

Trung Đông: hiệu của Trung Tướng Nguyễn Văn Thành.

KHOA: Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa.

Cây Cơ do 2 đồng tử phái Tiên Thiên phò bị Đức

Lý Giáo Tông dùng phép huyền diệu đánh gãy đôi cần cơ.

Một cuộc thử cơ khác.

*(Trích trong Nguyệt San Cao Đài Giáo Lý Xuân Mậu Tý – 1948)
với nhan đề: Hai cuộc phỏng vấn lạ lùng.*

Năm 1926, theo gót nhà thần thi Tân Đà, có hai văn sĩ cay chua sự thế đã cả gan phỏng vấn Đấng NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ về vận mạng nước non. Đức Chí Tôn ban cho hai bài Thánh Huấn rạng ngời trí huệ làm cho hai ông vô cùng cảm khái.

Bài của ông Lão thành:

(Sớ kín đốt trước khi hầu đàn)

*Cao Đài Tiên Trưởng hỏi ông ôi!
Tôi mọi Nam bang mấy thuở rồi.
Huyết hận đồng xương cao tợ núi,
Thành lòng chí sĩ lấp sông trôi.
Nước tràn đất Bắc, ông hay biết?
Tai họa nhà Nam có nữa thôi?
Con người thế giới cùng con cả,
Cao Đài Tiên Trưởng hỏi ông ôi!*

Thánh Huấn của Đức Chí Tôn:

*Cơ Trời khó tỏ, hỏi con ôi!
Lo lắng bao nhiêu cũng chẳng rồi.
Vay trả, trả vay, nơi số định,
Ý mình vượt biển tợ bèo trôi.
Oan khiến nợ trước bao giờ trả?
Gặp máy hành tàng mới chịu thôi.
Cuộc thế đời đời, ai có biết?*

Cơ Trời khó tỏ, hỡi con ôi!

Bài của ông thanh niên:

*Mấy lời thành thật hỏi cùng ông,
Linh hiển sao không cứu giống dòng?
Trăm họ nát gan thân cá chậu,
Muôn dân đổ thán phận chim lồng.
Coi mòi tuyết chúng mà đau dạ,
Thấy kẻ đồng bang luống chạnh lòng.
Cảnh nước nợ nhà ra sức ấy,
Ngồi mà đạo đức có yên không?*

Thánh Huấn của Đức Chí Tôn:

*Trên Thiên Cung nghe lời con hỏi,
Cho nên Thấy tìm tới tới con.
Cảm lòng thương nước thương non,
Hỏi Thấy, Thấy phải dạy con cho rành.
Lòng thương nước đã đành phải tiết,
Song Cơ Trời khó biết con ơi.
Đời con cũng hãy còn dài,
Tuổi con một lớn một ngày một khôn.
Nên tranh cạnh đức khuôn từ trước,
Mấy ngàn năm dựng nước mấy phen.
Mấy phen máu đỏ xương đen,
Dựng rồi lại mất, được yên mấy hỏi.
Đọc Quốc sử, khóc rồi lại nín,
Nín đi rồi, ngồi tính mà coi.
Bốn ngàn năm lẽ đã rồi,
Thử coi được mấy lúc ngồi cho yên?
Trong dân sự thất điên bát đảo,*

*Ngoài chiến trường đổ máu phơi sương. (xương?)
Kể ra chi xiết thảm thương,
Nay đương bình địa, mai trường chiến tranh.
Cũng vì nổi tranh giành quyền lợi,
Hóa cho nên đồng loại giết nhau!
Than ôi! Nhơn loại còn đâu?
Gẫm trong cuộc thế lụy sáu chúa chan.
Mắt đã thấy không an được bụng,
Truyền Đạo nầy cứu chúng sanh linh.
Tam Kỳ Phổ Độ chánh minh,
Dạy cho bỏ hết dục tình môi thôi.
Dạy cho bỏ thói đời tranh cạnh,
Đừng tham giàu, tham hạnh phúc chung.
Thế gian chung một tấm lòng.*

9. PHÂN BIỆT TÀ CHÁNH TRONG CƠ BÚT.

Một chơn linh giáng cơ xưng là Đại Tiên.

Chúng ta nên tin chẳng?

Tại phạm mắt tục dễ gì phân biệt giả chơn, nhưng biết chắc chánh danh không mấy cần yếu, là vì chúng ta chỉ căn cứ vào bài giáng cơ mà định giá trị chơn linh ấy.

Nếu chơn linh chỉ dạy những việc tầm thường hoặc trái chơn lý, tất nhiên chúng ta không tin là bực Đại Tiên.

Trái lại, nếu giáng cho đạo lý cao siêu có tính cách Tiên gia, tuy không bằng cơ cụ thể, song chúng ta có thể thừa nhận chơn linh ấy không phải giả danh.

Giả danh chẳng là các chơn linh hạ đẳng (Tà Thần Tinh Quái) giáng cơ, mượn danh hiệu lớn lao đặng dễ gạt kẻ hậu đàn nhẹ tánh. Sự nầy thường xảy ra đến đời

Cơ Bút dạy những việc hoang đường nhằm nhĩ mà vẫn có người tin, mặc dầu Đức Chí Tôn có để lời ngừa trước:

“Buổi Bạch Ngọc Kinh và Lôi Âm Tự lập pháp Tam Kỳ Phổ Độ, Quí Vương đã phá khuấy Chơn đạo, đến danh Ta nó còn mượn, duy ngai Ta nó chẳng dám ngồi.

Nó lại biết Ta đến với cơ mẫu nhiệm này nên mượn Tam thập lục Động giả làm Tam thập lục Thiên, các tên Thần Thánh Tiên Phật đều bị mạo nhận mà lập nên Tả Đạo”.

(Ngai Ta nó chẳng dám ngồi, nghĩa là: Quí Vương không dám truyền điển vào các Đồng tử tiền định đang ngồi phò cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh, là những người mà Đức Chí Tôn đã chọn riêng cho Ngai giảng cơ).

Những nguyên tắc sau đây, ai thành thật do theo có thể khỏi sai lầm, ít ra cũng đỡ:

1. Cần phải đủ trí thông minh phán đoán và không nên có thành kiến mới có thể nhận rõ chơn giá trị một bài giảng cơ.

2. Thần Tiên bao giờ cũng dạy những việc chánh lý, đạo đức, từ bi, tuyệt nhiên không dạy những việc mờ hồ, huyền hoặc.

3. Thần Tiên chẳng khi nào khoe khoang và miệt thị ai.

Lời giảng dạy bao giờ cũng thấm dấm bác ái và khí vị thanh cao. Trái lại, bài cơ bút nào có vẻ sân si khoát nạt, có giọng bông lơn cao ngạo, bài ấy dầu có phủ một lớp văn chương tuyệt diệu đi nữa, quyết không phải của Thần Tiên.

4. Chẳng nên chú trọng ở văn chương mà nên chú trọng ở lý và ý. Về văn chương, một bài của Thần Tiên giảng cơ có khi khuyết điểm là tại chỗ sơ sót của Chơn thần đồng tử, vì Thần Tiên chỉ truyền tư tưởng cho Chơn thần diễn ra văn chương, chớ không dùng ngôn ngữ như người phàm.

5. Thần Tiên không thích khen ai, tặng ai. Nếu cần khuyến lệ người có công nghiệp hành đạo, Thần Tiên vẫn dè dặt từng chút, thế nào cho người được khuyến lệ khỏi áy náy nếu có đức khiêm cung, hoặc không tăng vẻ tự đắc nếu có tánh kiêu căng.

6. Thần Tiên dạy bảo chúng ta điều chi không bao giờ tỏ vẻ hăm he sai khiến, chỉ để cho chúng ta tự do suy liệu, nghe không tùy ý.

Nếu chúng ta chẳng biết phục thiện và chẳng nghe lời khuyên bảo, Thần Tiên không giảng nữa, chừng đó tha hồ cho Tà Quái xen vào, mạo danh giả vị mà gạt đủ điều.

7. Thần Tiên chỉ dìu dẫn chúng ta trên đường đạo đức chớ không giúp về tư danh tư lợi.

8. Khi Thần Tiên cho biết trước việc chi, thì việc ấy sớm muộn gì cũng phải xảy ra, vì Thần Tiên không hề hý ngôn.

9. Thần Tiên không phải giảng đặng thỏa mãn tánh háo kỳ của người phàm tục, hoặc yêu cầu ai tin. Cầu hỏi những điều vô vị hoặc muốn Thần Tiên làm việc chi linh nghiệm cho mình thấy chắc mới chịu tin, đó là không biết máy may gì về diệu tánh bút cơ.

(Trích trong quyển Thiên Đạo của Ngài Bảo Pháp)

HUYỀN CƠ

1. Huyền cơ là gì?
2. Cách câu bằng Huyền cơ.
3. Một lối Huyền cơ khác được gọi là Huyền Bút.

1. HUYỀN CƠ LÀ GÌ?

Huyền cơ là Cơ Bút rất mâu nhiệm, do Đấng Thiêng liêng dùng điển lực trực tiếp viết ra trên giấy, không qua trung gian hai tay của đồng tử.

Tại Chi Minh Lý, ông Âu Minh Chánh biết dùng Huyền cơ, nhưng ông ta nhận thấy dùng Huyền cơ rất khó khăn và nguy hiểm, nên ông sử dụng cách Câu Cơ hay Chấp Bút theo lối phổ thông để thỉnh Kinh, đặc biệt thỉnh được các bài Kinh: Niệm Hương, Khai Kinh, Kinh Sám Hối, Bài Khen Ngợi Kinh Sám Hối, Bài Tặng Thiên Đế, Bài Xưng Tụng Công Đức Thánh Thần Tiên Phật, .v.v...

2. CÁCH CÂU HUYỀN CƠ:

Sau đây là cách thực hiện Huyền Cơ tại Chi Minh Lý (Tam Tông Miếu) do ông Âu Minh Chánh, Chủ trưởng Chi Minh Lý, tổ chức đạt kết quả tốt đẹp. (*Trích trong quyển Huyền Diệu Cơ Bút của Thiện Trung*).

“Ông Âu Minh Chánh có viết thư nhờ một vị Giáo sư người Pháp ở Nancy truyền dạy cho ông phương pháp áp dụng Huyền Cơ (Pneumatographie). Sau ông cũng có nhờ một vị Pháp sư người Tàu truyền dạy thêm cho ông về cách câu thỉnh Thần linh bằng Huyền Cơ, nhờ đó ông thu thập khá nhiều kiến thức để lập ra phương pháp câu bằng Huyền Cơ, mô tả sau đây:

Huyền Cơ là một việc rất khó làm. Muốn thành công thì phải bền chí và cố công, lại cần phải ăn chay, tịnh tâm để cầu nguyện.

Trước hết nên đặt một cái bàn có đủ lễ phẩm: hương, đăng, hoa, trà, tửu, quả. Người Chủ đàn phải day mặt về hướng Bắc là nơi Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế ngự, lạy và vái như vậy:

*“Cung thỉnh cúi đầu đốt nén hương,
Khói bay nghi ngút thấu Thiên thương,
Kính thành tác dạ xin bày tỏ,
Nguyện thỉnh Tiên Ông đến bữu đường.”*

Vái rồi niệm như vậy:

*“Hương hoa thỉnh, hương hoa thỉnh,
Tiên giá lâm, chí tâm qui mạng lễ.”*

Rồi cứ định trí và nguyện việc mình muốn, cho đủ 36 giờ. Một ngày phân ra làm 4 lần cầu nguyện, mỗi lần một giờ. Trong lúc cầu nguyện, phải rán kềm tâm trí đừng cho nó tưởng qua nhiều việc khác thì hết linh. Làm như vậy đúng 36 giờ mới nên khai đàn.

Lời chỉ bảo của vị Giáo sư người Pháp, dĩ nhiên bằng tiếng Pháp, được ông Trần Văn Quế dịch ra như sau:

Nancy, ngày 13 tháng 6 năm 1916.

Kính ông,

Để phúc đáp câu hỏi của ông, tôi xin gửi thơ này cho ông rõ:

Các đồng tử Huyền Cơ (Médiums pneumatographiques) thâu hoạch nhiều kết quả đặc biệt mà người ta không thể hy vọng thực hiện dễ dàng. Họ được các Đấng Thiêng liêng dạy bằng văn tự trực tiếp. Người ta gọi như thế là những

Thánh giáo do tay các Đấng Thiêng liêng tự động viết ra, không phải có bàn tay của đồng tử xen vào đó phần nào cả.

Mặc dầu khỏi cần bàn tay của đồng tử viết, nhưng mỗi lần cầu, cần phải có người đồng tử có khiếu riêng biệt đứng ra chủ trương để cầu Thần linh.

Trước hết, đồng tử đem để sẵn một tờ giấy trắng cho Thần linh sử dụng. Muốn tránh sự lừa dối, phải đặt tờ giấy trắng ấy vào học tủ ghế bàn cách xa đồng tử, hay là bất luận chỗ nào mà đồng tử không thể với tay rờ mó tới được.

Sau đó một thời gian ngắn, trên tờ giấy trắng hiện ra dấu gạch, hoặc chữ một, hay là dòng chữ viết bằng một chất màu xám. Cách hiện tượng này là một triệu chứng hơn nhiều bằng cố khác, minh xác có các vị thiêng liêng thị hiện hoàn toàn ở ngoài người đồng tử.

Lỗi cầu này không thể đem ra thí nghiệm giữa đám đông người vì nó không hợp với ý tọc mạch của phần đông công chúng.

Phải có những điều kiện: Tịnh tâm, nâng cao tinh thần, lại chỉ nên họp một số ít người cùng một tín ngưỡng và cùng đọc Kinh cầu nguyện mới mong đạt kết quả.

Đây là những món đồ dùng để thiết đàn:

1. Một cái đèn và một cặp đèn cây.
2. Một cái bình chưng bông.
3. Một tờ giấy trắng.
4. Một chiếc đĩa bằng đá nam châm hay bằng sắt có quét đá nam châm.
5. Một cái bàn và một tấm trải bàn trắng.

6. Hãy đặt bàn đèn ấy trong phòng thật kín, có xông trầm hương thơm.

Muốn tiếp xúc với một Thần linh nào chủ về vận mạng cõi đời này thì phải thỉnh cầu vị ấy theo các điều kiện đặc biệt về tinh thần như sau:

– Trong 15 ngày, đồng tử phải ở chỗ vắng vẻ, lặng lẽ, tịnh tâm, ăn ròng chay lạt và đem hết tư tưởng hướng về sự thỉnh cầu đó.

– Khi lập đàn, phải mặc lễ phục nghiêm trang. Muốn cầu Thần linh giúp đỡ mình thì phải cầu Kinh mới thấu các Đấng ấy. Kinh cầu, khởi phải lựa thứ kinh của Đạo này hay Đạo khác, miễn là thứ kinh đó có phần cao thượng và đặng hợp với việc mình đương cầu.

Chúng tôi tưởng cách cầu mà đặng ứng nghiệm hơn hết, như danh Thượng Đế cao cả, nguyện với Hộ Mạng Thần Quan, ta thấy rõ các vị Thần linh ở xung quanh chúng ta.

Tôi khuyên nên đọc câu này: “Thành khẩn Thượng Đế Chí Tôn ban pháp cho một vị Thiên Thần đến chỉ giáo cho chúng tôi.”

Rồi hãy chờ vị của mình mong mỏi đến.

Một việc quan trọng nhưt là cần giữ im lặng và tịnh tâm với một lòng mong muốn thiết tha và một ý chí cương quyết thành công. Tôi nói ý chí, chớ không phải dục vọng ít nhiều, thường bị gián đoạn bởi tánh lo nhiều việc. Ý chí phải nghiêm chỉnh, bền dai, vững chắc mà không vội vàng hấp tấp. Sự tịnh tâm phải nhờ có vắng vẻ, yên lặng, xa nơi phiền ba náo nhiệt, có thể làm xao lãng tâm trí.

Lắm khi, tuy là lập đàn đúng theo điều kiện mà ta

thường không tiếp được chi cả, cả ngày đầu luôn nhiều ngày kế tiếp đó. Đừng hy vọng hễ lập đàn là đặng ban ơn ngay. Có nhiều đàn, cả năm và lâu hơn nữa không chừng, mới có Thần linh giáng.

Ký tên.

Sự thành tựu về Huyền Cơ được 2 lần và đến lần thứ ba, một tai nạn xảy ra làm chấm dứt sự thỉnh cầu bằng Huyền Cơ, để thay thế bằng Cơ Bút phổ thông.

Ông Âu Minh Chánh nhận được bức thư của vị Giáo Sư người Pháp nói trên vào năm 1916. Đến sau, nhờ một vị Pháp Sư người Tàu chỉ dẫn thêm nên ông mới quyết định tập luyện Huyền Cơ theo lời hướng dẫn của vị Giáo Sư Pháp.

Công lao khó nhọc lắm mới được thành tựu. Kỳ thành tựu lần đầu tiên, có nhiều vị trí thức Tây học ít tín ngưỡng đến dự đàn. Đây là nói kỳ thành tựu thứ nhưt, là vì trước khi đặng kết quả, không biết bao nhiêu lần đã hỏng, mặt dầu người chủ đàn làm đủ các phép nói trên.

Khi lập đàn, có nhiều người dự đàn đứng chung quanh cầu nguyện, còn giữa đàn thì treo một cái bao thơ trên xà nhà thiết cao, không ai có thể mó tay tới được, trong bao thơ đó có để sẵn một tờ giấy trắng, trên có dán hai đạo phù màu đỏ và mỗi người dự đàn ký tên vào đó để chứng chắc tờ giấy ấy không ai lén thay đổi được.

Ai muốn hỏi điều chi thì phải thành tâm, tập trung tư tưởng vào cầu mình muốn hỏi chớ không nói ra lời. Mỗi người chỉ đặng hỏi một câu, không nên tưởng nhiều việc để tránh khỏi sự lộn xộn.

Chừng 10 hay 15 phút sau, ông Âu Minh Chánh mới bắc ghế lên lấy cái bao thơ xuống. Khi ông mở bao thơ ra thì thấy trên giấy đây chữ viết, trước ghi câu hỏi rồi sau đó có bài thơ của Thần Tiên trả lời cho mỗi câu hỏi ấy. Nét chữ rất sắc bén, tinh xảo, viết bằng một chất xám, tựa như than hay thứ viết chì đậm.

Ai ai cũng lấy làm ngạc nhiên cho đó là một việc lạ thường mầu nhiệm, xưa nay chưa từng có, nên lên những bằng chứng cụ thể rằng có Thần Tiên trong cõi vô hình và Thần Tiên biểu hiện phép mầu để đáp ứng thiện nguyện của nhơn sanh, không còn ngờ vực gì nữa.

Mỗi người tiếp nhận lời Thần Tiên dạy bảo đều phấn khởi vui mừng, lòng thêm tin ngưỡng bội phần.

Đàn thứ nhất, . . . Đàn thứ nhì, . . . đều kết quả mỹ mãn. Đến đàn thứ ba thì xảy ra tai nạn sau đây:

Khi ông Âu Minh Chánh bắt ghế lên với lấy bao thơ treo trên cao, vừa mó tay tới thì bị điện giật kinh hồn. Ông xuống nghỉ một lát để đọc thêm kinh cầu nguyện, rồi ông cũng cố gắng đứng lên lấy bao thơ, mở ra thì thấy có một câu đầu và một chữ ở đầu câu thứ hai, kể đó là một đường gạch kéo dài xuống để chấm dứt.

Có người phỏng đoán rằng: Đó là Thần Tiên viết chưa xong, điển đang còn mà ông Âu Minh Chánh vội lấy gấp bao thơ nên bị điển giật mạnh và Thần Tiên chưa cho trọn bài.

Sau kỳ đàn đó, ông Âu Minh Chánh lập đàn cầu với Cơ Bút phổ thông thì được Ông Trên khuyên: Không nên thường dùng Huyền Cơ, vì theo phương thức này điển Thần linh giáng rất mạnh, nếu sau này ai phạm phải như

thế thì có thể mất mạng.

Cho nên từ đó về sau, Thần Tiên dạy phải dùng Đồng tử và Ngọc cơ mà tiếp diễn theo lối phổ thông.”

3. MỘT LỐI HUYỀN CƠ KHÁC ĐƯỢC GỌI LÀ HUYỀN BÚT:

“Theo phương pháp này, người ta dùng một sợi chỉ buộc vào cây bút, treo lên đầu một cần trúc mà gốc cần trúc được buộc vào một nơi cố định, điều chỉnh cần trúc thế nào cho đầu cây bút vừa chấm vào mặt cát chứa trong một cái khay lớn. Phải sắp bày lễ phẩm đầy đủ như khi cầu Huyền Cơ, phải chọn nơi tinh khiết, thanh vắng và thành tâm cầu nguyện.

Khi có Tiên giáng vào bút, cây bút chuyển động viết chữ lên mặt cát, đọc giả quì gối bên khay cát đọc chữ ấy cho người điển ký ghi chép, rồi khóa bằng mặt cát trở lại để Tiên viết cho chữ khác. Chính điển của Thần Tiên trực tiếp viết ra chớ không qua trung gian của đồng tử, nên cầu theo lối Huyền Bút cũng rất huyền diệu như Huyền Cơ.”

ĐỒNG TỬ

1. Đồng tử là gì?
2. Có mấy phẩm đồng tử phò loan?
3. Điều kiện trở thành một người phò loan.
4. Phò loan tiền định.
5. Các cặp Phò loan truyền Đạo.

1. ĐỒNG TỬ LÀ GÌ?

Đồng tử là người Phò cơ, cũng gọi là Phò loan hay Đồng loan, vì Ngọc Cơ có chạm hình đầu chim loan nơi cần cơ, là người tiếp diễn của các Đấng thiêng liêng để làm cho Ngọc Cơ chuyển động viết ra chữ bóng trên bàn cơ.

Khi cầu cơ thì có hai vị đồng tử ngồi hai bên Ngọc Cơ, hai tay của mỗi vị nâng Ngọc Cơ lên, chờ cho điểm của một Đấng thiêng liêng giáng vào làm Ngọc Cơ chuyển động, cây cọ nơi đầu Ngọc Cơ viết ra chữ bóng trên bàn cơ.

Nếu phò Tiểu Ngọc Cơ thì gọi là người Phò cơ, không gọi là Phò loan vì Tiểu Ngọc Cơ không có chạm hình đầu chim loan.

Khi xưa, việc cầu cơ thỉnh Tiên phải dùng hai đứa trẻ nhỏ phò cơ, vì tư tưởng của trẻ nhỏ còn hồn nhiên trong sạch, nên có được thanh điển, mới dễ tiếp diễn của các Đấng thiêng liêng, không gây ảnh hưởng hay làm xáo động tư tưởng của Đấng thiêng liêng. Do đó, hai vị Phò cơ được gọi là Đồng tử (Đồng là đứa trẻ nhỏ).

Ngày nay, người ta không dùng Đồng tử là những trẻ nhỏ phò cơ nữa, mà dùng người lớn tuổi, nhưng phải trường chay, tâm thanh tịnh, tinh thần tinh tấn, thì mới có thể tiếp diễn của các Đấng thiêng liêng mà diễn ra

trung thực.

Trong Đạo Cao Đài, nhiệm vụ Phò cơ dành riêng cho Thập nhị Thời Quân và những Chức sắc của HTĐ.

2. CÓ MẤY PHẨM ĐỒNG TỬ PHÒ LOAN?

Ngày 25-11-Bính Dần (dl 29-12-1926), Đức Lý Thái Bạch giảng cơ dạy: Có 3 phẩm đồng tử phò loan.

Xin chép ra sau đây:

THÁI BẠCH KIM TINH

Hỷ chư Đạo hữu, chư Đạo muội, chư chúng sanh.

Cười . . . *Hườn*, nghe Lão:

Việc Cơ Bút, Hiền hữu tuy chưa rõ thấu huyền diệu cho trọn mặc dầu, chớ kỳ trung cũng đã hiểu biết chút đỉnh. Chẳng phải ai cầm cơ mà đều đặng huyền diệu hết.

Lão giải nghĩa: Có 3 phẩm đồng tử phò loan:

- Một là **Giáng tâm**,
- Hai là **mê**,
- Ba là **Giáng thủ**.

Tây phương gọi là : *Intuitif, Semi-intuitif, Automatique*.

Thầy đã cho Hiền hữu chấp cơ một đôi khi quả có huyền diệu, nhưng mà có nhiều khi “**Tà bốn thân**” của Hiền hữu nó lại choán lấy hết Thiên ý mà dịch trật, vì vậy Hiền hữu nhiều phen thất chí, nhứt là khi thai bào con Hiền hữu, hiểu à!

Thầy dạy Hiền hữu cùng *Phước Sanh* chọn kẻ khác

cầu Thầy, hầu truyền bá Đạo nơi tỉnh Biên Hòa, nghe à!

THẮNG.

Cách giảng diễn vào Đồng tử:

Tư tưởng của các Đấng thiêng liêng ở cõi Hư linh phát ra, theo lần diễn quang truyền đến các đồng tử, giống như tiếng nói của xướng ngôn viên đài phát thanh truyền đi theo lần sóng điện đến các máy thu thanh (radio).

Tùy theo đặc khiếu của đồng tử phò loan mà các Đấng sẽ giảng vào tâm hay giảng vào tay của đồng tử.

Nếu giảng vào tâm thì gọi là Giáng tâm, nếu giảng vào tay thì gọi là Giáng thủ.

– Nếu giảng vào tâm của đồng tử, người phò loan chưa viết ra nhưng thần trí dường như biết trước những điều sắp viết ra, tựa hồ như mình đặt để ra vậy.

– Nếu giảng thủ thì người phò loan như một cái máy, tay cứ chiều theo diễn lực của các Đấng mà viết ra, chớ không hay biết điều gì hết.

Mỗi đàn câu cơ phải có đủ 2 vị phò loan: một Âm một Dương, Âm Dương hiệp nhứt mới thấu đáo Càn Khôn. Người phò loan bên Hữu thuộc Âm, tiếp diễn tư tưởng của các Đấng, rồi truyền qua người phò loan bên Tả thuộc Dương mà viết ra.

3. ĐIỀU KIỆN TRỞ THÀNH MỘT NGƯỜI PHÒ LOAN:

Trích vài đoạn Thánh ngôn của Đức Chí Tôn trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển dạy Thủ cơ và Chấp bút, chép ra như sau:

“Trước khi Thủ cơ hay là Chấp bút, thì phải thay y

phục cho sạch sẽ, trang hoàng, tắm gội cho tinh khiết, rồi mới đặt đống trước bữu điện mà hành sự, chớ nên thiếu sót mà thất lễ.

Nếu chấp cơ thì phải để ý thanh bạch, không đặt tư tưởng đến việc phạm. Tay chấp cơ cũng phải xông hương khử trước, tịnh tâm một lát, rồi phải để tinh thần tinh tấn mà xuất ngoại xác đến hầu dạy việc.

Phải có một chơn linh tinh tấn mới mau nhiệm, huyền diệu, phải trường trai mới đặt linh hồn tinh tấn, phải tập tành chí Thánh, Tiên, Phật mới phò cơ dạy đạo cả chúng sanh.”

“Thầy nhắc lại cho con nhớ rằng, trong Thập nhị Thời Quân đó đều có sắp đặt. Nếu không phải mấy đứa phò loan của Thầy đã định thì Cơ Bút do nơi khác mà ra đều là không phải lời của Thầy nói. Con phải để phòng cẩn thận, nghe à!

Thầy hằng nói cho các con biết, Cơ Bút là việc trọng. Nếu không có chơn linh quý trọng thủ cơ thì thường có Tà quái xung nhập mà khuấy rối làm cho thất nhơn tâm, lại còn một điều đáng quan phòng nữa là trong mấy đứa phò loan, cũng có đứa không dè dặt, tưởng Cơ Bút là việc khinh thường, làm thế nào cũng đặt, rồi lấy đó mà câu hỏi những điều vô vị, nên cũng có nhiều khi vì đó mà sanh biến trong Đạo.

Thầy nói cho các con hiểu, bực Chơn Thánh mà phải đọa trần, nếu không đủ tánh chất để điều dẫn nhơn sanh, thì cũng chưa xứng đáng cầm bút cho Thầy truyền đạo.” (Yêu cầu xem đây đủ chi tiết bài Thánh Ngôn này nơi phần thứ năm: Thánh Ngôn dạy về Cơ Bút).

Người phò loan hay đồng tử, cũng như cái máy Radio, muốn thu được điển của các Đấng thiêng liêng thì phải đồng điển cùng các Đấng, tức là thuận điển.

Theo lời dạy của Đức Chí Tôn ở trên, người đồng tử hay phò loan phải có các điều kiện sau đây:

1.- Thể xác và chơn thần thanh khiết.

– Muốn cho thể xác thanh khiết thì phải tắm rửa sạch sẽ, quần áo sạch sẽ, phải xông hương khử trước hai tay trước khi phò loan.

– Muốn cho chơn thần thanh khiết và tinh tấn thì phải ăn chay trường, giữ tư tưởng cho trong sạch, tinh thần cao thượng, không mơ tưởng hay suy nghĩ bậy bạ.

2.- Tâm thanh tịnh.

Muốn cho tâm được thanh tịnh thì phải: giữ tâm yên ổn, không không, dứt hết dục vọng, giữ tư tưởng thanh cao, diệt hết tư tưởng thấp hèn.

Nếu tâm còn dục vọng, thì dục vọng ấy vì chưa thỏa mãn nên nó vẫn chất chứa trong chơn thần, đến khi người đó phò cơ, mặc dầu rán kềm giữ cái tâm cho thanh tịnh, nhưng cái dục vọng ấy chất chứa trong chơn thần, sẽ phát tiết ra, mạnh hơn điển lực của các Đấng, nên cũng tạo thành một bài cơ, nhưng đó là Nhơn cơ chớ không phải Tiên cơ. Trong trường hợp này người phò loan bị tư tưởng mình ám thị mình, nên gọi là tự kỷ ám thị.

Ngoài ra, những người hầu đàn cơ, nếu họ tập trung được tư tưởng mạnh thì tư tưởng này cũng sẽ chuyển dịch đến chơn thần của người phò cơ, ảnh hưởng lên tư tưởng của người phò cơ, làm phò cơ viết ra tư tưởng ấy

nên cũng là Nhơn cơ.

3.- Hai vị phò loan phải hạp điển với nhau, và thuận điển với các Đấng thiêng liêng.

Đây là khả năng đặc biệt Thiên phú của người phò loan, không phải ai cũng có được và cũng không phải do luyện tập mà có được.

Nếu hai người phò cơ mà không hạp điển nhau thì đương nhiên không thể tiếp thu tư tưởng của nhau được.

Hai vị phò loan này còn phải thuận điển với điển quang của các Đấng thiêng liêng thì mới tiếp nhận được tư tưởng của các Đấng thiêng liêng.

4. PHÒ LOAN TIỀN ĐỊNH.

Phò loan tiền định là những Đấng chơn linh cao trọng, lãnh lĩnh nơi Ngọc Hư Cung, giảng trần để phò cơ cho Đức Chí Tôn khai đạo.

Đó là 15 Chức sắc cao cấp nhất của Hiệp Thiên Đài gồm: Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Đức Thượng Sanh và 12 vị Thời Quân. Ngày nay, 15 vị ấy đã làm xong phận sự nên đã qui Thiên tất cả.

Nhưng vấn đề Cơ Bút trong Đạo Cao Đài không thể thiếu được, bởi vì Giáo chủ của Đạo Cao Đài là Đức Chí Tôn vô hình, Giáo Tông là Đức Lý Thái Bạch vô hình, Đức Hộ Pháp đã trở về thiêng liêng vị nên cũng vô hình, nếu không Cơ Bút thì làm sao các Đấng ấy giảng cơ điều đình nền Đạo. Mà Cơ Bút là phần nhiệm đặc biệt của Hiệp Thiên Đài, cho nên chúng ta nghĩ rằng, nền Đạo Cao Đài là miên viễn, nên trong tương lai, Đức Chí Tôn sẽ lập một số vị Thời Quân mới, tiếp nối nhiệm vụ phò

cơ nơi HTĐ để Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng giảng cơ điều đình nền Đạo.

Trong Thánh Giáo Minh Thiện Đoàn ở Phú Mỹ (Mỹ Tho), ngày 24-10-Nhâm Thân (dl 21-11-1932), Đức Lý Giáo Tông có giảng dạy về người phò loan:

“VẬY LÃO NÓI CHO KHÁ NGHE, (câu 31 trang 8 TNHT) nói về phận sự của kẻ phò loan là Tướng soái của Thầy.

VẬY CHƯ HIỀN HỮU LUẬN COI PHẦN TƯỚNG SOÁI LÀM SAO CHO PHẢI PHÉP MÀ ĐIỀU ĐỘ TAM QUÂN?

Khá luận cho Lão nghe, Lão bái đàn, chờ chừ nhu đáp rồi Lão sẽ cắt phận sự cho. Lão thẳng điện.

TÁI CẦU:

LÝ GIÁO TÔNG

Này chừ nhu, luận ấy hiệp nhằm để, nhưng không đủ lý.

Nghe Lão phân cho rõ:

Phần Tướng soái phải có đủ 8 đức là: HẠNH, ĐỨC, TRÍ, LỰC, OAI, NGHIÊM, MINH, CHÁNH, mới là đủ phận.

Những Tướng soái mà không oai lệnh thì ba quân sợ giặc mà không phục, thì tất nhiên loạn hàng thất thứ; còn hiệu lệnh chẳng nghiêm thì ba quân sợ giặc mà không kiêng Tướng soái thì trăm trận trăm thua ...”

5. CÁC CẤP PHÒ LOAN TRUYỀN ĐẠO:

5.1 - Huấn Từ của Đức Thượng Sanh trong Đại Hội Ban Đạo Sử tại Nhà Hội Vạn Linh ngày 26-10-Mậu Thân (dl

15-12-1968), có nói về các cặp đồng tử phò loan truyền Đạo:

“Nói qua Chức sắc Hiệp Thiên Đài được thâm nhập lúc ban sơ, được sai phò cơ đi khắp các tỉnh Nam Kỳ để truyền Đạo, Đức Chí Tôn chỉ định mấy cặp đồng tử:

1. Cặp Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc.
2. Cặp Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu.
3. Cặp Trương Hữu Đức và Nguyễn Trung Hậu.
4. Cặp Trần Duy Nghĩa và Trương Văn Tràng.
5. Cặp Ca Minh Chương và Phạm Văn Tươi.
6. Cặp Phạm Tấn Đái và Nguyễn Thiêng Kim.
7. Cặp Huỳnh Văn Mai và Võ Văn Nguyên.

Trong mấy người này, ông Cao Quỳnh Diêu là tư chức làm việc ở hãng buôn, ông Ca Minh Chương là giáo viên già trên 70 tuổi, ông Nguyễn Trung Hậu là giáo sư tư thực (Trường Trung học tư thực Huỳnh Khương Ninh), còn mấy ông kia đều là công chức, vừa gặp Đạo thì mấy ông liến say mê, cứ ban ngày làm việc hai buổi, chiều ra sở về nhà dùng bữa cơm vừa rồi thì xe đã chờ sẵn trước nhà, trên xe đã có vài vị Chức sắc Cửu Trùng Đài đợi, lên xe đi liền.

Mấy cặp cơ chia nhau và hẹn với mấy vị Chức sắc chứng đàn cận đầu đi đó, hoặc miền Đông, miền Trung, hoặc miền Tây.

Một đêm có thể đi phổ độ hai tỉnh gần nhau như: Tân An, Mỹ Tho hoặc Vĩnh Long, Sađéc. Mấy chỗ khác đi từ tỉnh trở về tới nhà, thường là 6 giờ sáng, nghĩa là ngồi cầm cơ từ 9 giờ tối cho tới 4 giờ sáng.

Đức Chí Tôn giảng cho thi câu đạo mỗi người một

bài, hoặc 8 câu hoặc 4 câu, có khi cho thi tới 100 hay 150 bài một đêm, còn lại người câu đạo nhiều quá không cho thi kịp thì Đức Chí Tôn toàn thâm nhập môn hết. Thành thử sáng về tới nhà, các vị Phò loan chỉ kịp thay đồ, ghé tiệm dùng điểm tâm rồi đi vô sở làm việc luôn. Kể tối lại thì cũng đi như vậy nữa, trọn cả năm trường, không đêm nào được nghỉ, cũng có khi về nhà sớm hơn.

Lạ thay! Chịu vất vả như vậy mà mấy vị Phò loan cũng như thường, không thấy mệt mỏi hay bệnh hoạn chi hết.

Trong 4 tháng đầu, nhờ sự phò cơ truyền đạo mà số người nhập môn kể hơn một vạn.

Sau đó sự đi phổ độ giảm dần, mỗi tuần đi mấy tỉnh xa chừng vài đêm, còn mấy đêm khác thì dành cho các miền kể cận Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định như: Giồng Ông Tố, Hốc Môn, Thủ Đức, Dĩ An, Lái Thiêu, Bình Chánh, Đức Hòa, Cần Giuộc, Cần Đước, Tân Kim, Bến Lức, Lộc Giang, Hiệp Hòa.

Ngoài ra, tại Thánh Thất Cầu Kho của ông Đốc học Đoàn Văn Bản và nơi Thánh Thất tại Chợ Lớn (nhà của Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật) mỗi đêm thứ bảy có lập đàn cầu cơ thâm người nhập môn.

Sau ngày Lễ Khai Đạo tại chùa Gò Kén trong 3 tháng, mỗi đêm thứ bảy cũng có đàn cơ nơi đây để phổ độ dân chúng tỉnh Tây Ninh và Lục Tỉnh.

Đức Chí Tôn giảng cơ truyền đạo cho hơn sanh mãi tới cuối tháng 6 năm 1927 (năm Đinh Mão), Đại Từ Phụ mới ra lệnh ngưng phổ độ bằng Cơ Bút. Về sau, người xin nhập môn cứ dâng sớ và lập Minh Thệ theo Luật đạo.

Tóm tắt là Cơ Bút có thể xây dựng nền Đạo và cũng có thể phá hoại nền Đạo, nên khuyên các Đạo hữu có thể là đồng tử, phải vì đại nghiệp chung của Đạo mà dẹp bớt dục vọng và dứt khoát sự mê hoặc lòng người bằng Cơ Bút.”

* * *

5.2 – Ngài Khai Đạo Phạm Tấn Đãi, khi nói về Ban Đạo Sĩ, có nhắc đến các vị phò loan truyền Đạo là những Thời Quân Hiệp Thiên Đài:

“Trước hết, xin kể sơ lược Đạo Cao Đài do đâu mà xuất hiện.

Năm Giáp Tý (1924), nhân dịp có ông Đại Úy Pháp Paul Monet, một hội viên của Hội Thần Linh Học Pháp, là bạn của ông Cao Quỳnh Cư đến thăm.

Khi biết được Đại Úy này thông công được thế giới vô hình, ba ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang yêu cầu Đại Úy Monet ngồi đồng cốt để giúp ba ông trao đổi tư tưởng với cõi vô hình. Đại Úy Monet vui vẻ nhận lời giúp ba ông.

Nghi thức sắp đặt cuộc thông công được tổ chức, Đại Úy Monet ngồi đồng, một Đấng thiêng liêng giáng.

Quý ông hỏi Đấng thiêng liêng:

– Bốn tôn giáo hiện có tại Việt Nam: Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo và Gia Tô giáo, vì có những điểm dị đồng nên các tôn giáo thường xung khắc nhau.

Bốn tôn giáo ấy có thể hòa hợp với nhau được không? Cũng như hai nền văn minh Đông phương và Tây phương có thể hòa hợp với nhau được chăng?

Các Đấng thiêng liêng khuyên:

– Tín ngưỡng bắt nguồn từ lương tâm, lương tâm khác nhau tùy theo trạng thái tinh thần của mỗi người. Nó không có cá tính, cũng chẳng bao giờ bị tiêu diệt, bởi vì nó thoát sinh ra ở nơi Thượng Đế. Vậy tự do tín ngưỡng phải được tôn trọng cho tất cả mọi người, nhưng sự hòa hợp trong tinh thần chân thiện mỹ phải là một nhiệm vụ bắt buộc.

Đây là lần đầu tiên, 3 ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang thông công với cõi vô hình.

Thế kỷ 20, phong trào nghiên cứu Thần Linh Học ở Âu Châu tràn qua Việt Nam. Khám phá thế giới vô hình là chủ đề chính của các sách báo và tạp chí thời ấy.

Trong giới nghiên cứu Thần Linh Học ở Việt Nam có đủ các hạng người, nhưng ông Cao Quỳnh Cư đã có một lần chứng kiến cuộc thông công với các Đấng vô hình, nên ông ước vọng liên lạc với thế giới vô hình bằng mọi cách. Điều này luôn luôn chiếm ngự tâm trí của ông và có một số người đồng chí hướng.

Nhân Thứ bảy, đêm mừng 5-6-Ất Sửu (dl 25-7-1925), ông Cao Quỳnh Cư đến thăm ông Cao Hoài Sang, gặp ông Phạm Công Tắc cũng đến đó vì ở chung một dãy phố Hàng Dừa bên chợ Thái Bình, nay là đường Cổng Quỳnh Sài Gòn.

Ba ông thường đến với nhau, mượn chung trà lời thơ, cung đàn ký gởi nỗi lòng cùng một cái đầu quê hương đang quằn quại dưới gót xâm lăng, cùng một cái nhục đồng chủng đang rên siết dưới xiềng xích nô lệ, lúc nào cũng canh cánh bên lòng tình thương dân yêu nước. Nhưng than ôi! Thương yêu thì để dạ chớ biết làm sao!

Vì tình trạng lúc ấy là lúc nước nhà bị đô hộ, mấy ông bạn ấy là người vì hoàn cảnh bắt buộc phải giúp việc cho Pháp để đổi lấy đồng lương, nhưng bên trong thì bao giờ cũng luôn luôn hy vọng giải phóng dân tộc.

Nhờ vậy mà ba bạn chí sĩ nói trên mới nghĩ ra chuyện Xây Bàn để liên lạc với thế giới vô hình, cầu thỉnh các vong linh của người quá cố về làm thi họa vận và học hỏi thêm việc nước.

Trong số các vong linh thì Ngài Tả Quân Lê Văn Duyệt đến cho thì rất cảm kích và rung động làm cho các bạn say sưa với việc Xây Bàn.

Sau lại có các vong linh khác, trong số có Cô Vương Thị Lễ (tức Thất Nương Diêu Trì Cung) tá danh Đoàn Ngọc Quế cho thì rất hay và cảm động.

Sau hết có một chơn linh xưng danh là A Ồ Ồ đến cho nhiều bài thi xuất sắc và xây hướng đàm luận về đạo đức, kết quả là hợp thành một nhóm đồng chí để hằng ngày tiếp xúc nhau và cầu nguyện thỉnh ý ông A Ồ Ồ về tương lai của tổ quốc Việt Nam. Ông A Ồ Ồ vui lòng cho biết bằng Cơ Bút mà đọc giả đã thường thức trong nhiều bài Thánh giáo trong quyển Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Nhơn dịp Giáng sinh của Đức Chúa Jésus Christ đêm 24 rạng 25 tháng 12 năm 1925, ông A Ồ Ồ giảng cho thì nói về Lễ Giáng Sinh, Ngài cho biết Ngài là Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, tá danh là: **Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, giáo Đạo ở nước Việt Nam.**

Từ đó, Đấng Cao Đài thường giảng dạy đạo lý cho nhóm quý ông này, xưng là THẦY và gọi các ông là môn đệ.

Khi mấy ông muốn thờ Thầy, nhờ Thầy chỉ dẫn thì

Thầy bảo đến ông Phủ Ngô Văn Chiêu để ông này chỉ rõ.

Vấn đề Xây Bàn và chấp cơ đầu tiên năm đó là năm Ất Sửu (1925), nhằm thời kỳ quý vị chánh trị gia Việt Nam ở hải ngoại trở về nước, đứng lên cổ động giải phóng dân tộc bằng cách bạo động. Dân chúng trong nước có một phần hưởng theo, nhứt là ở Sài Gòn và Chợ Lớn, sau này được truyền bá khắp cả Việt Nam. Kể theo nhóm này, người theo đảng khác, thường họp nhau để đi diễn thuyết cổ động.

Vì các lực lượng bạo động đó mà chánh quyền để ý dòm ngó ngăn ngừa, còn có những người khác có tính háo kỳ về tín ngưỡng, nghe đâu có lập đàn cầu Tiên thì đến xem coi cách cầu Tiên phải lập đàn thế nào dựng cầu được Tiên, Tiên xuống phàm hay là chuyện gì? Có thể hỏi Tiên về việc nước được chăng? Vì tiếng đồn với nhau nên thiên hạ đến xem cầu Tiên ngày càng đông.

Trái lại, khi đó quan Phủ Ngô Văn Chiêu lại muốn êm tịnh dạng có thì giờ tham thiên nhập định, không khứng đi phổ độ vì dân chúng ồn ào như thế. Ông thường nói: "*Ngô thân bất độ hà thân độ*": Mình độ lấy mình biết trọn vẹn không, hưởng gì đi độ ai! Nếu ai muốn tu Tiên thì phải từ từ đến nhà tư của ông, ông sẽ chỉ cho cách thờ phượng và cách gìn tâm tu niệm. Hơn nữa, ông cho biết, nếu lập đàn cầu Tiên mà người tụ họp đông quá thì mất vẻ tôn nghiêm, tất là khiếm lễ. Nếu khiếm lễ vì đông người thì các Đấng thiêng liêng và Tiên Ông không giảng.

Chí hướng của ông Ngô Văn Chiêu thì không muốn hội họp đông người khi lập đàn, vì sợ mất sự an ninh trong Đô Thành. Quan Phủ Chiêu muốn giữ an ninh vì sợ đám chính trị gia trà trộn vào quấy phá và vì ông là một công

chức của chánh phủ nên muốn như vậy là lẽ phải của ông đó, nên ông từ chối, không chịu hợp tác với quý vị Chức sắc Đại Thiên phong đầu tiên cùng nhau đi phổ độ chúng sanh theo lời Đức Chí Tôn đã dạy.

Trong số Chức sắc Đại Thiên phong có ông Thượng Nghị Viên Lê Văn Trung đứng đầu.

Lần lượt qua năm sau, Tiên Ông mới cho biết rõ danh hiệu là “**Cao Đài**”, tức là Ngọc Hoàng Thượng Đế viết “**Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát**” Giáo Đạo Nam Phương, lập thành Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ trong nước Việt Nam năm Bính Dần (1926) truyền bá khắp nơi, chẳng những toàn cõi Việt Nam mà còn rải rác nhiều nước ngoài, thu nạp gần 3 triệu tín đồ không phân biệt màu da sắc tóc, vì Đạo Cao Đài không đối lập với tôn giáo nào cả.

Nhận xét theo kinh nghiệm từ cổ chí kim, những vật gì hay những chí hướng nào do con người tạo ra phần nhiều vì thiếu đạo đức và thiếu thành thật mà phải thất bại, cho đến đạo lý như luân, nên hư cũng do bản tâm đạo đức hay tánh vô đạo của con người mà ra.

Lịch sử chứng minh, đạo đức thắng tội ác, sự thật thắng gian trá, tình thương thắng oán thù. Đạo đức chính là thứ vô khí lợi hại nhất của chúng ta.

Vì vậy, các vị Giáo chủ giảng trần cổ tìm phương pháp để thực hành đạo đức trong nhưn gian. Các Đấng ấy đưa ra mỗi người một lý thuyết khác nhau, nhưng kỳ trung cũng đều là lý thuyết cứu độ nhưn sanh bằng cách thực hành đạo đức, vì lẽ đạo đức được truyền bá khắp thế gian thì những tội ác bạo ngược phải hết hoặc giảm bớt dần dần.

Bản sĩ đã vạch rõ Đạo Cao Đài phát sanh do sự Xây Bàn trước, sau mới dùng đến Cơ Bút, để lập thành mới Đạo và truyền bá cho nhưn sanh, lập Pháp Chánh Truyền, Tân Luật và Đạo Luật để làm hiến chế cho nền Đại Đạo. Chức sắc, Đạo hữu chỉ do đó mà thi hành thì khỏi sai đường lạc lối. Tôn chỉ và Giáo lý của Đạo đã do hiến chế nêu rõ.

Nói đến 3 nhà chí sĩ ở đoạn đầu là có ý để nhận xét cá tánh của mỗi người trong ba ông, vì có sự liên hệ đến Cơ Bút.

* **Ông thứ nhất là Cao Quỳnh Cư**, sau đắc phong chức Thượng Phẩm. Nhờ đức tánh cao thượng và cương quyết nên khi định làm việc gì thì cố gắng làm cho kỳ được. Bởi thế nên khi nhận chân được mới Đạo thì ông nghe theo tiếng gọi thiêng liêng mà phứt đời hành đạo liền, mặc dầu lúc đó ông đang là một công chức của chánh phủ Pháp. Bạn đọc sẽ thấy rõ công nghiệp của ông trong Đạo Sử.

* **Ông thứ nhì là Phạm Công Tắc**, sau đắc phong Hộ Pháp, cũng có tánh cao thượng và hùng khí, lại thương đời mến đạo, nên khi nhận rõ mới Đạo cũng liền phứt đời hành đạo, ông cũng là một công chức lúc ấy.

* **Ông thứ ba là Cao Hoài Sang**, sau đắc phong Thượng Sanh, cũng có tánh cao thượng và yêu đời mến đạo như hai ông kia, nhưng vì hoàn cảnh gia đình đông con nên phải ở lại với chức vị của ông, vì ông cũng là một công chức. Tuy nhiên, ông cũng nghe theo tiếng gọi thiêng liêng mà hành đạo trong những lúc rảnh rang. Ông rất dày công phổ độ lúc ban sơ.

Ba ông đều đắc vị Thiên phong trước hết và đắc lệnh chấp cơ truyền đạo, phổ độ chúng sanh.

Hai ông Thượng Phẩm và Hộ Pháp họp thành một cặp đồng tử chấp cơ Phong Thánh, truyền giáo, lập Pháp Chánh Truyền, tức là Hiến Chương của nền Đại Đạo hiện giờ. Chúng ta phải nhìn nhận đầu công của hai ông này vào bực nhứt vì trước hết và trên hết.

Đức Chí Tôn mượn tay và thần lực của hai ông mà lập thành Đại Đạo cho đến ngày nay. Nếu không có bàn tay xây dựng của hai ông thì đâu có Đại Đạo, đâu có Chức sắc và đại nghiệp hiện giờ cho chúng sanh thừa hưởng.

Rủi thay, trong lúc cần người rường cột trong Đạo mà Đức Thượng Phẩm qui Thiên quá sớm, còn một mình Đức Hộ Pháp thiếu kẻ phụ cơ. Tuy nhiên, người vẫn tiếp tục việc Đạo bằng đủ cách để cho đại nghiệp Đạo được vững bền đồ sộ.

Nhờ bàn tay linh động của Người mà cuộc kiến trúc Đền Thánh, Đền Thờ Phật Mẫu cùng các tòa dinh thự khác được thực hiện rất mỹ mãn. Ngoài sự kinh doanh ấy, Người và Hộ Thánh còn khai thác được mấy ngàn mẫu đất, cất Long Hoa Thị, cất đất phân lô trong vùng ngoại ô Thánh địa cấp phát cho Đạo hữu qui về Thánh địa.

Nhận xét về Cơ Bút thì trong năm Khai Đạo, chúng ta nhận thấy nhiều cặp phò cơ đặc phong chánh thức trong hàng Thập nhị Thời Quân, dưới quyền điều khiển của Tam vị Chủởng quản ba chi HTĐ: Pháp, Đạo, Thế. Mỗi chi có 4 vị: Bảo, Hiến, Khai, Tiếp.

Cặp thứ nhứt là: *Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc.*

Cặp thứ nhì là: *Cao Hoài Sang và Cao Quỳnh Diêu.*

Trong Thập nhị Thời Quân:

Cặp thứ nhứt là: *Trương Hữu Đức - Nguyễn Trung*

Hậu.

Cặp thứ nhì là: *Trần Duy Nghĩa – Trương Văn Tràng.*

Cặp thứ ba là: *Cao Minh Chương - Phạm Văn Tươi.*

(Ông Chương tuổi trên 70, yếu lắm, ngồi lâu không được, thường ông Đãi phải vào nâng cơ thay thế.)

Cặp thứ tư là: *Phạm Tấn Đãi - Nguyễn Thiêng Kim.*

Hai cặp cơ sau này chỉ có một mình Đãi (tức là Phạm Tấn Đãi) sau đặc phong Khai Đạo, là đồng tử bên tích cực nên chấp bút được có huyền diệu khi Đạo mới phôi thai.

Còn ba ông: *Mai, Nguyễn, Kim* không đến hầu đàn Phong Thánh tại Từ Lâm Tự (Gò Kén) nên có ba ông khác thế vào và đặc phong trong Thập nhị Thời Quân, ba người ấy là:

– *Tiếp Thế Lê Thế Vinh.*

– *Khai Thế Thái Văn Thâu.*

– *Tiếp Đạo Cao Đức Trọng.*

Qua năm 1928, ông Bảo Đạo Ca Minh Chương qui liễu tại làng Mỹ Lộc (Cần Giuộc).

Đạo buổi phôi thai cần có đồng người chấp cơ đặng đi phổ độ, nhưng 4 vị Thời Quân thuộc chi Thế thì không viết được. Mấy ông này rần bên chí kiên tâm tập luyện mỗi bữa đến nửa đêm, trải qua thời gian 3 tháng tập mà không viết được ra chữ, nên tạm ngưng, nghỉ tập.

Sau cầu hỏi lại các Đấng thiêng liêng, nguyên do nào mà quý vị Thời Quân Chi Thế tập chấp cơ mà viết không ra chữ? Một Đấng thiêng liêng cho biết:

Lúc Đạo mới phôi thai, ai ai cũng muốn tìm học hỏi

về đạo đức hoặc bí pháp chơn truyền, mà quý vị này là Chi Thế, nếu ban ân cho viết được, họ tuôn ra đồ thế sự thì làm sao Đạo thi hành, hơn nữa mất uy tín, vì thế mà Chi Đạo, Chi Pháp, ai ai cũng chấp cơ viết được, còn Chi Thế chấp cơ viết không được.

Có khi một vị Chi Thế chấp cơ với một vị Chi Đạo hoặc một vị Chi Pháp thì mới viết được. Nhưng 2 vị của 2 Chi này phải là đồng tử tích cực (bên Dương) mới viết ra được.

Chúng ta nên nhận định và biết qua khiếu đồng tử của mỗi vị phò loan.

Khiếu của đồng tử ngồi chấp cơ hai bên cũng như đây điện, bên nóng (positif), bên nguội (négatif). Bên nóng là bên tích cực, bên nguội là bên tiêu cực. Bên tích cực mới có thể phát sanh văn tự, còn bên tiêu cực thì nâng cơ trợ điển mà thôi. Vậy làm sao phân biệt được bên nào tích cực, bên nào tiêu cực?

Đây thuộc về vấn đề tâm lý mà nhờ kinh nghiệm lâu ngày, ta có thể nhận rõ Cơ Bút viết ra hay dở, cao thấp, huyền năng đều do bên tích cực. Nếu có tự kỷ ám thị (autosuggestion) thì cũng do bên tích cực mà có.

Mấy vị đồng tử tích cực có thể chấp cơ với các vị đồng tử tích cực khác được là do biết nhường điển cho nhau thủ vai trò tiêu cực để nâng cơ trợ điển cho bên kia viết.

Còn trái lại, đồng tử tiêu cực chấp cơ với đồng tử tiêu cực thì viết không được, bất câu là Chi nào.

Cũng do sự kinh nghiệm và sự hiểu biết rõ tâm lý mà ta có thể phân tích trong mấy cặp phò loan do Cơ Bút chỉ định trong nền Đại Đạo như trên để phân biệt ai là

đồng tử bên tích cực.

Cặp thứ nhất: Ông Cao Quỳnh Cư và ông Phạm Công Tắc, Đức Chí Tôn ban ân huệ đặc biệt đầy đủ điển lực cả hai ông đều là đồng tử tích cực, nhưng ông Phạm Công Tắc nhường điển tích cực cho ông Cao Quỳnh Cư, để thủ vai tuồng tiêu cực đặng trợ điển chấp cơ buổi ban đầu khai Đạo.

Khi Đức Cao Thượng Phẩm qui Thiên, rồi sau này Đức Hộ Pháp tự chấp bút học hỏi đạo lý với các Đấng thiêng liêng, còn chấp cơ thì với ai cũng được kết quả vì là đồng tử tích cực.

Cặp thứ nhì: Cao Hoài Sang – Cao Quỳnh Diêu, cũng nhận định được bên Sang là tích cực.

Cặp thứ ba: Trương Hữu Đức – Nguyễn Trung Hậu, bên Đức là tích cực.

Cặp thứ tư: Trần Duy Nghĩa – Trương Văn Tràng, bên Nghĩa là tích cực.

Cặp thứ năm: Ca Minh Chương – Phạm Văn Tươi, bên Chương là tích cực, nhưng vì ông Chương già yếu cầm cơ ngồi lâu không nổi, nên ông Đái thường phải vào thay thế.

Cặp thứ sáu: Phạm Tấn Đai – Nguyễn Thiêng Kim, bên Đai là tích cực.

Nhận xét mà hiểu được khiếu đồng tử, ta thấy rõ Đức Hộ Pháp là một chơn linh siêu việt mới đủ năng lực xây dựng nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tạo tác Tổ Đình đồ sộ với nhiều sự nghiệp bất hủ, không ai có thể phủ nhận được. Về việc Cơ Bút trong Đạo, người đáng là bậc Sư Tổ.”

.....

.....

* * *

5.3 – Ngài Bảo Pháp nói về Huyền Khiếu của đồng tử:

“Người chấp cơ gọi theo danh từ thông thường là đồng tử, ĐĐTKPĐ gọi là Chúc sắc Hiệp Thiên Đài.

Đồng tử là người có đặc khiếu xuất Chơn thần ra khỏi Phách đến hầu Thần Tiên nghe dạy bảo bằng cách chuyển di tư tưởng, rồi nhờ linh điển Thần Tiên giảng hiệp với nhơn điển đồng tử làm cho cánh tay cử động mà diễn giải tư tưởng ra bằng văn tự.

Có 2 thứ Đồng tử: Đồng mê và Đồng tỉnh.

Chấp cơ mà mê, Chơn thần xuất trọn khỏi Phách (Chơn thần vốn còn dính với Phách bởi sợi từ khí), tiếp được rõ ràng tư tưởng của Thần Tiên nên diễn ra nhiều bài thi phú văn chương tuyệt diệu, hoặc nhiều bài đạo lý cao thâm, nhưng mần đàn, Chơn thần đồng tử phải mệt mỏi.

Ngày xưa các nhà văn nho hay lập đàn thỉnh Tiên trên non cao thanh vắng và dùng đồng mê. Tiên thường giảng cho nhiều bài thi tuyệt bút với khí vị Thần Tiên, hoặc có tánh cách tiên tri, song ý nghĩa ẩn vi khó hiểu, đợi việc xảy ra rồi mới thấy rõ, có khi giảng cho toa thuốc chữa bệnh thiệt là linh nghiệm. Nhưng cách cầu cơ ấy rất khó, đàn nội phải thanh tịnh, một tiếng gà gáy hay chó sủa, một khoa động bất thường, đủ làm cho Chơn thần đồng tử hoảng hốt nhập về phách. Thế là đàn cơ lỡ dở.

Chấp cơ mà tỉnh, chỉ có một phần Chơn thần xuất ra, nên tiếp tư tưởng không được rõ ràng, bài chấp cơ thường khuyết điểm, nhưng được tiện lợi là không buộc phải thiết đàn nơi chốn non cao thanh vắng, và khi mần

đàn, Chơn thần đồng tử ít mệt.

Thần Tiên lại tùy đặc khiếu của đồng tỉnh mà truyền tư tưởng bằng cách giảng tâm hay giảng thủ.

Đồng tử giảng tâm, tuy chưa viết ra mà thần trí biết trước mang máng những lời sắp viết ra, tựa hồ như tự mình đặt để vậy.

Đồng tử giảng thủ tựa như bộ máy, tay cứ chiều theo điển lực, cử động viết ra chớ không hay biết chi hết.

Lập Đạo kỳ ba nầy, Đức Thượng Đế dùng đồng tỉnh mới tiện cơ phổ độ. Nếu dùng đồng mê, người chấp cơ đầu đủ lực lượng tinh thần đặng chịu nổi đêm nầy sang đêm khác và luôn như vậy mấy năm trường.

Lại mỗi đàn cơ, Đức Chí Tôn dùng hai người Phò loan cho đủ Âm Dương hiệp nhứt là cơ sanh hóa của Đạo.

Người chấp cơ bên Hữu (bắt ngoài ngó vô) thuộc Âm tiếp tư tưởng rồi truyền qua người bên Tả thuộc Dương tiếp điển viết ra.

Còn Chấp bút thì một đồng tử, song bút pháp chỉ dùng tiếp Mật lệnh và Bí truyền, chớ không dùng về cơ phổ độ.

Thủ cơ và chấp bút là cách thông công gián tiếp với các Đấng thiêng liêng.

Lần lần người tu đến bậc cao siêu, đặc Nhãn Thông và Nhĩ Thông thì sẽ trực tiếp thông công, khỏi phải nhờ trung gian là Cơ Bút nữa.

Vả chăng, Cơ Bút là việc tối quan trọng, vì lẽ Tà Chánh khó phân, nên chi Đức Chí Tôn có dạy:

“Cơ Bút là việc tối quan trọng, nếu không có chơn linh

quí trọng thủ cơ thì Tà Quái xen vào khuấy rối các con làm cho phải thất nhưn tâm.

“Thầy nói cho các con biết, bực Chơn Thánh mà phải đọa trần, nếu không đủ tánh chất dịu dẫn nhưn sanh, cũng chưa đáng cầm bút cho Thầy truyền Đạo.”

Cõi Trung giới có nhiều hạng Âm Linh (Các bực Âm Linh ấy đại loại là: các vì Thánh, Chánh Thần, Tà Thần, Bát Bộ quỷ loại, vong linh của thường nhưn, nhưn phách và thú phách ly trần) mà hạng nào, thanh hay trước, thiện hay ác, cũng giáng cơ được hết. Vậy tránh sao khỏi Chánh Tà lẫn lộn.

Vấn biết Pháp đàn (người chứng đàn) phải biết biện phân, phán đoán thiệt hư, nhưng với trí phàm hữu hạn, dễ gì tránh khỏi sai lầm.

Đồng chưa minh, chỉ tiếp xúc với Âm Linh hạ đẳng mà thôi.

Một điều quan trọng nữa là người thủ cơ hay chấp bút mà không đại tịnh để dứt vọng niệm thì chỉ viết ra những tư tưởng chứa sẵn trong thần trí, kỳ thật không có Âm Linh nào giáng.

Chúng ta biết tư tưởng vốn biến thành hình và sống một thời gian lâu hay mau tùy theo sức tư tưởng mạnh hay yếu. Đồng tử cần phải diệt hết tư tưởng thấp hèn về bản ngã và cá nhưn, lúc nào cũng phải giữ cho cõi tâm an tịnh, chớ chẳng đợi khi chấp cơ.

Ví dụ đồng tử có một dục vọng gì, dục vọng ấy chưa thỏa mãn thì nó vẫn còn nuôi nấng trong Chơn thân, nó tượng nên hình như cái thai trong thai bào, càng lâu càng lớn, đợi đến ngày tháng (đến khi có dịp) là sanh ra.

Đến khi đồng tử chấp cơ, dầu rằng lúc nầy rán giữ đại tịnh, không sanh vọng niệm mới, nhưng cái vọng niệm cũ kia đã tượng nên hình, bấy giờ có dịp sanh ra.

Vì vậy mà cũng một đồng tử chấp cơ, có bài Thánh huấn làm cho chúng ta kính phục vô cùng, mà cũng có bài làm cho chúng ta chán nản.

Ở trường hợp nầy, đồng tử bị tư tưởng mình ám thị nên gọi là “Tự kỷ ám thị” (Autosuggestion).

Chẳng những vậy thôi, mà những người hầu đàn, nếu họ có tư tưởng mạnh, tư tưởng ấy có thể chuyển di qua Chơn thân đồng tử, nếu đồng tử có “cảm thụ tánh” (suggestivité) nghĩa là cái tánh dễ bị ám thị (suggestion).

Duy đồng tử có đạo hạnh thanh cao, trì trai thủ giới, hoặc đồng tử tiên định, mới thông công được với các Đấng Thượng đẳng thiêng liêng thì Cơ Bút mới huyền diệu. Tuy nhiên cũng không khỏi tự kỷ ám thị chẳng nhiều thì ít.

Cơ thể và huyền khiếu của đồng tử:

Cơ thể của con người cũng như cái máy vô tuyến điện. Máy nầy có 2 bộ phận: Một phần để thu điện vào, còn một phần để phát điện ra.

Phàm hề muốn thu điện của một cái máy khác phát ra thì máy thu và máy phát, cần phải có một năng lực thuần điện cùng nhau (même longueur d'ondes).

Đồng tử như cái máy để thu điện. Nếu máy tốt thì thu được trọn điện báu, nếu máy xấu thì khó bề thu trọn điện báu được.

Diệu Hữu là một thứ điện quang linh động, sự rung động của nó vô cùng vô tận. Muốn thu được Diệu Hữu của các Đấng thiêng liêng, đồng tử phải là một thứ máy

tinh anh và phải đồng điệu với Thần Tiên.

Vô tuyến điện thường ở xa đánh tới, phải trải qua một khoảng không gian rộng hay hẹp tùy theo đường đi. Nếu khoảng không gian ấy được bình tĩnh, không báo tố thì điện ban ra không bị loạn (brouillage).

Diệu Hữu cũng vậy, Thần Tiên ban nó ra bắt từ khoảng tịch tịch không trung, nếu được thanh tịnh thì sẽ tiếp được những bài văn cao siêu lưu loát, ý nghĩa thâm trầm, ẩn vi mầu nhiệm.

Tóm lại, bốn tánh của Diệu Hữu thường là thanh tịnh, ấy là của Thần Thánh Tiên Phật. Nếu người được tinh khiết thanh tịnh thì hiệp với Trời, thông công với Thần Tiên được. Trái lại, thì Tà Thần xen vào, gạt gẫm làm cho người học đạo phải mất đức tin mà sa ngã, nếu chưa đủ trí biệt phân.

Cho nên người dùng Cơ Bút mà tâm đạo hay là học đạo thì phải dè dặt, cẩn thận, mới khỏi sa vào lưới rập của Quỷ Vương.

THÁNH NGÔN DẠY VỀ CƠ BÚT

- I. Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn:
 1. Thủ Cơ - Chấp Bút.
 2. Thấy dạy Ngài Tr. H. Đức chấp cơ.
 3. Thập Nhị Thời Quân và Cơ Bút.
 4. Các loại Cơ Bút – Cơ quan đồng tử.
- II. Thánh Ngôn của Đức Lý Đại Tiên.
- III. Phán đoán thiết giả trong Cơ Bút.

I. THÁNH NGÔN CỦA ĐỨC CHÍ TÔN DẠY CƠ BÚT.

Ngày 19-11-Ất Sửu (dl 3-1-1926)

I. THỦ CƠ – CHẤP BÚT

Thủ cơ hay là Chấp bút phải để cho thần, tâm tịnh mới xuất Chơn thần ra khỏi phách đặng hầu Thấy nghe dạy.

Khi chấp thủ thì tay tuân theo Chơn thần nói lại mà viết ra, mừng tượng như con đặt đẽ, con hiểu đặng vậy.

Chơn thần là gì?

Là nhị xác thân (périsprit), là xác thân thiêng liêng. Khi còn ở nơi xác phàm thì rất khó xuất riêng ra đặng, bị xác phàm kéo níu.

Cái Chơn thần ấy của các Thánh, Tiên, Phật là huyền diệu vô cùng, bất tiêu bất diệt. Bậc chơn tu khi còn xác phàm nơi mình, như đắc đạo, có thể xuất ra trước buổi chết mà vân du Thiên ngoại. Cái Chơn Thần ấy mới đặng phép đến trước mặt Thấy.

Như chấp cơ mà mê, thì Chơn Thần ra trọn vẹn khỏi

xác. Thầy mới dạy nó viết chữ chi đó, nó đồ theo, Thầy nói tên chữ, xác nó cầm cơ viết ra; người đọc trật chữ nó nghe đặng, không chịu, Thầy buộc viết lại và rầy kẻ đọc trật ấy.

Còn chấp bút, khi Thầy đến thì làm cho Thần con bắt định một lát, cho Thần xuất ra nghe Thầy dạy, còn tay con tuân theo mà viết, ấy là một phần của con, một phần của Thầy hiệp nhứt, mới thẩu đáo Càn Khôn, tinh thông vạn vật đặng.

Trước khi thủ cơ hay là chấp bút, thì phải thay y phục cho sạch sẽ, trang hoàng, tắm gội cho tinh khiết, rồi mới đặng đến trước Bửu Điện mà hành sự; chớ nên thiếu sót mà thất lễ. Nếu chấp cơ thì phải để ý thanh bạch, không đặng tưởng đến việc phàm. Tay chấp cơ cũng phải xông hương khử trừợc, tịnh tâm một lát, rồi phải để tinh thần tinh tấn mà xuất ngoại xác đến hầu dạy việc. Phải có một Chơn Linh tinh tấn mới mầu nhiệm, huyền diệu, phải trường trai mới đặng Linh Hồn tinh tấn; phải tập tành chí Thánh, Tiên, Phật, mới phò cơ dạy đạo cả chúng sanh. Kẻ phò cơ, chấp bút cũng như tướng soái của Thầy để truyền đạo cho thiên hạ. Các con đừng tưởng việc bút cơ là việc tầm thường. Còn việc truyền thần lấy điển quang, thì ai ai cũng có điển trong mình, nó tiếp điển ngoài rồi Thần của nó viết ra, có khi trúng, có khi trật.

Vậy khi nào chấp cơ thì phải đợi lệnh Thầy rồi sẽ thi hành.

(TNHT 1-2 HN, B2)

Ngày 29-1-Bính Dần (dl 13-3-1926)

2. THẦY DẠY NGÀI TRƯỞNG HỮU ĐỨC CHẤP CƠ:

“Đức! Cái công quả của con là chấp cơ truyền Đạo.

Nghe Thầy dạy điều thiếu sót.

Như trước khi muốn thủ cơ thì phải lo diệt trần, là dùng để vào trí của con một ý muốn riêng chi hết. Cầm cơ thì trí não thanh tịnh, đừng sấm sửa vào trí chi hết, vì là phần riêng của con thì Thầy lấy chi mà ứng vào đó cho đặng.

Con phải giữ trí tỉnh táo, khi cơ lên thì Thầy ứng câu gì vào trí, con viết ra câu ấy. Thầy giảng tâm của con. Như trí con choán hết ý tứ Thầy thì đầu đặng linh nghiệm.

Kỳ dư như: Cư, Tác, Sang, . . . thì Thầy giảng thủ, một đôi khi cũng giảng tâm.

Phải nhớ đặng chấp cơ mới linh nghiệm.

Nghe và tuân theo.” THĂNG

(TNST, QL, B25).

3. THẦY DẠY VỀ THẬP NHỊ THỜI QUÂN VÀ CƠ BÚT.

(Xem phần Chú thích bổ xung Bài Thánh Ngôn số 125 trong TNHT 1-2 HN, B125).

“Nếu không phải mấy đứa phò loan của Thầy đã định thì Cơ Bút do nơi khác mà ra đều là không phải lời của Thầy nói.”

“Bực Chơn Thánh mà phải đọa trần, nếu không đủ tánh chất để diu dẫn nhơn sanh thì cũng chưa xứng đáng cầm bút cho Thầy truyền Đạo.”

4. CÁC LOẠI CƠ BÚT – CƠ QUAN ĐỒNG TỬ:

Thánh giáo có dạy:

“Giờ nầy, Thầy biện phân về Cơ quan đồng tử cho các con hãn tàng tự sự.

Cơ là gì? Cơ thật nghĩa là máy. Quan là gì? Quan là một trong các bộ phận của cái máy “Thiên Cơ”, là mỗi phần cốt yếu của luật tuần hoàn xây chuyển đó.

Vậy hai chữ Cơ quan ứng hiện chia ra làm 3 cách:

- Thứ nhất: **Tiên Cơ** dùng huyền vi chơn lý.
- Thứ hai: **Tà Cơ** dùng mê tín dị đoan.
- Thứ ba: **Nhơn Cơ** dùng hữu hình thể cách.

Thầy sẽ luận giải cho rõ ràng, kéo các con còn nghi nghi ngại ngại.

Tiên Cơ: dùng luật huyền vi chơn lý, là lấy sự chánh đáng để điều dắt các con bước lần theo đường sáng suốt tấn hóa mãi lên.

Tà Cơ: dùng mê tín dị đoan, là lấy sự chẳng đáng chơn thật, kiểm thể cho các con quá mê theo những sự dị đoan mà phải sai lầm.

Nhơn Cơ: dùng hữu hình thể cách, là sự chi có hình dạng. Đây là do các con làm ra.

Các con khá nhớ: Trong 3 cách đều phải thọ điển cả, chớ chẳng phải không đâu. Các con nghe Thầy giải lý:

TIÊN CƠ: Luật tiếp điển như vậy:

Hễ đồng tử định Chơn thần rồi thì tâm tịnh, mà hễ tâm tịnh thì minh khiếu sẽ phát lộ ra, kể tiếp với Chơn thần xuất hiện lên trên, rồi nối với Tiên Thiên điển mới rọi ra thành Thánh giáo. Nên khi lập đàn, các con cần nhứt trước hết phải cho thanh tịnh, đừng khua động. Nếu động thì tâm đồng tử động, cái minh khiếu tiếp liền với Tiên Thiên điển bỗng rời ra, thành thử phải đứt điển đó.

TÀ CƠ là vậy:

Cũng phải tiếp điển nữa, nhưng vì điển Hậu Thiên quá nhiều, có một tý Tiên Thiên mà thôi. Tiên Thiên điển là Dương điển, còn Hậu Thiên là Âm điển, Tà thuộc Âm, hễ Âm điển nhiều thành ra Tà cơ đó.

NHƠN CƠ: cũng có điển.

Lúc mới tạo nên vật kiện là vậy: Khi các con muốn làm ra một món chi, thì cái ý muốn ấy tự trong tâm các con phát hiện ra, óc của các con nó khiến các con cử động tứ chi mà tạo thành vật ấy. Đó cũng gọi là điển, song thật là Nhơn điển, Phàm điển.

Vậy Thầy đã minh giải tận tường, các con lấy đó mà suy nghiệm, chớ đừng để lòng nghi ngại từ bấy lâu nay.”

(Trích trong quyển Thiên Đạo của Ngài Bảo Pháp)

Sau đây xin dẫn chứng 3 trường hợp Cơ Bút: Nhơn cơ, Tiên cơ, Tà cơ.

Chúng ta phải dùng hết lương tri và lương năng mới có thể phân biệt được 3 trường hợp này.

1.- Nhơn Cơ:

Ngày 10-4-Kỷ Hợi (dl 17-5-1959), Đức Hộ Pháp qui Thiên tại Kim Biên (Nam Vang). Đức Ngài có di chúc:

“Bản đạo qui Thiên, tạm gọi thể xác nơi đất Cao Miên một thời gian. Ngày nào nước nhà độc lập, thống nhứt, thực hiện đúng theo đường lối Hòa Bình Trung Lập, sẽ di liên đài về Tòa Thánh Tây Ninh.”

Ngày 12-9-Ất Tỵ (dl 6-10-1965), Đức Hộ Pháp giảng cơ dạy Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa và Sĩ Tải Bùi Quang Cao phải ở lại Nam Vang gìn giữ liên đài của Đức Hộ

Pháp, còn những người khác thì tùy nghi, muốn về Tòa Thánh tiếp tục hành đạo hay ở lại đây cũng được, không bắt buộc.

Đến năm Canh Tuất (1970), ở nước Miên có cuộc biến loạn dữ dội do Khmer đỏ gây ra, họ tàn sát Việt Kiều, Ngài Hồ Bảo Đạo rất lo sợ và rất muốn trở về VN để tránh tai họa.

Ngài Hồ Bảo Đạo thiết lập đàn cơ, cùng với Sĩ Tài Cao phò loan, cầu Đức Hộ Pháp.

“Nội dung bài giảng cơ này của Đức Hộ Pháp là dạy Hội Thánh lo đem liên đài của Đức Ngài về Thánh địa, vì lúc này có biến loạn ở Kim Biên.”

Xin chép lại nguyên văn bài giảng cơ này:

Thánh Thất Kim Biên, ngày 23-2-Mậu Tuất (dl. 30-3-1970)

Phò loan: Bảo Đạo - Sĩ Tài Cao.

Hầu đàn: Hồ Thái Bạch.

“Chào Chú Đốc và hai em,

Tình thế đến lúc chúng ta phải tự giải quyết số phận của chúng ta, nghĩa là phải rời nơi đây sớm chừng nào hay chừng nấy. Đó là thượng sách.

Di cốt của tôi nếu tiện thì cũng di luôn về Tổ Đình cho sớm.

Di chúc của tôi hết hiệu lực đối với chánh quyền hiện hữu. Nếu nơi đây sanh biến thì chúng ta hết chánh nghĩa ở ngoại quốc, có thể thôi.

Nhưng muốn cho thuận tiện là Hội Thánh phải dời về cho hợp lẽ. Chúng mình chỉ đợi lệnh của Hội Thánh là đủ, còn mọi việc đều do Chú lo liệu.

Hiện thời chưa giải quyết được việc ấy, bởi lẽ biên giới đóng cửa không thể qua được.

Chú cứ tính lần đi là vừa nghe Chú!

Khi được thơ Hội Thánh, Chú phải lo tính cách xin với chánh phủ hồi hương cho cả thầy phải đoàn theo Chú.

CAO cũng vậy, là thu dẹp liền đi là vừa, tao chỉ lệnh mấy đó.

Thôi, mọi việc đều do nơi Tổ Đình tất cả, Chú chỉ lo sắp xếp trong yên lặng là đủ, chỉ cho hay khi được tin Tổ Đình, chờ còn phải xây tháp để liên đài ở Đại Đồng Xã nghe Chú.

Đấy đến đó còn ít lâu nữa, cứ bình tĩnh mà lo việc này, chớ thổ lộ mà hư việc, Chú đợi lệnh sẽ sắp đặt, đừng chộn rộn nghe Chú, cứ để tình trạng yên ổn như vậy mà lo việc sau này cho phương tiện.

CAO cũng vậy, chớ bồn chồn làm cho Đạo nơi Kim Biên xôn xao nghe Chú!> THẮNG

Ngài Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa gửi bài Thánh giáo này về Tòa Thánh Tây Ninh cho Đức Thượng Sanh và Hội Thánh thi hành.

Đức Thượng Sanh tiếp được thơ của Ngài Hồ Bảo Đạo và bài Thánh giáo này của Đức Hộ Pháp thì cảm thấy bài Thánh giáo dạy không đúng theo lời Di chúc của Đức Hộ Pháp trước khi Đức Ngài qui Thiên, bởi vì lúc này nước Việt Nam chưa thống nhất, chưa hòa bình, chưa trung lập theo đường lối của Đức Hộ Pháp. Có lẽ đây là NHỚN CƠ do Ngài Hồ Bảo Đạo viết ra chăng?

(Bởi vì lúc cầu Đức Hộ Pháp, Ngài Hồ Bảo Đạo quá lo sợ bọn tàn ác Khmer đỏ nên Ngài có ý muốn mạnh mẽ trở về Việt Nam. Tư tưởng lo sợ này của Hồ Bảo Đạo làm

choán chỗ hết tư tưởng của Đức Hộ Pháp, nên cơ viết ra toàn là tư tưởng của Hồ Bảo Đạo, chứ không phải ý của Đức Hộ Pháp. Do đó, bài Cơ bút này là Nhơn Cơ).

2. Tiên Cơ:

Đức Thượng Sanh, có rất nhiều kinh nghiệm về Cơ Bút, hiểu rõ đây là Nhơn Cơ do Chơn thần của Hồ Bảo Đạo viết ra, nên thiết lập một Đoàn cơ chánh thức tại Cung Đạo Tòa Thánh, do hai vị Thời Quân phò loan, có các Chức sắc của hai Đài Hiệp Thiên, Cửu Trùng và Cơ Quan Phước Thiện hầu đàn, để cầu Đức Hộ Pháp xác minh.

Đàn cơ tại Cung Đạo Tòa Thánh, đêm 24-3-Canh Tuất (dl 29-4-1970), lúc 9 giờ 15.

Phò loan: Hiến Pháp – Khai Đạo.

Hầu đàn: Đức Thượng Sanh, Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu, chư Chức sắc HTĐ, CTĐ và CQPT.

Hầu bút: Truyền Trạng Khuyên, Giáo Hữu Tâm.

HỘ PHÁP

Mừng bạn Thượng Sanh cùng các bạn Hiệp Thiên, chư Chức sắc Cửu Trùng Đài nam nữ.

Cười . . . Bạn Thượng Sanh muốn hỏi điều chi?

– Bạch Đức Ngài, ông Bảo Đạo Hồ Tấn Khoa có gởi về một bài Thánh giáo nói rằng: Đức Ngài giáng cơ tại Kim Biên dạy Hội Thánh lo đem liên đài của Đức Ngài về Thánh địa, vì lúc này có biến loạn nơi Kim Biên.

Chức sắc vẫn phân vân, có phần tin và có phần không dám tin. Trong bốn đạo nơi Ngoại ô và các nơi khác có dư luận xôn xao về sự sắp đặt di liên đài của Đức Ngài về Tòa Thánh.

Tiểu đệ xin Đức Ngài từ bi dạy về sự di liên đài trong lúc này có phải thật là Thánh ý của Đức Ngài không?

Đức Hộ Pháp hỏi: – Thượng Sanh nghĩ sao?

Đức Thượng Sanh bạch:

– Theo quan niệm của tiểu đệ thì Đức Ngài đã có di ngôn phải chờ lúc Việt Nam độc lập, đất nước được thống nhất sẽ di liên đài về Tòa Thánh và Đức Ngài cũng có giáng cơ dạy Hội Thánh HTĐ là nước nhà chưa thống nhất thì không vui sướng gì mà hồi loan.

Vì vậy, tiểu đệ cử tôn trọng di ngôn và Thánh huấn của Đức Ngài trước kia. Nếu di liên đài lúc này, tiểu đệ thấy nhiều bất tiện và sơ thất vì thời cuộc hiện tại và cũng trái với Thánh ý của Đức Ngài.

– Hay! Cầm giềng mới như vậy mới đúng. Nếu mỗi lần có biến sự mà không vững tinh thần thì phải bị lôi cuốn vào vòng tội lỗi.

Bản đạo đã nói trong thời kỳ này, Bản đạo có vẻ cũng không ích lợi chi cho Đạo cũng như Đời.

Vậy Bản đạo đồng ý với Thượng Sanh và toàn Hội Thánh, nên truyền bá lời này cho toàn đạo hay biết, kẻo hiểu lầm rất tai hại.

Bản đạo thành thật cảm ơn chư Thánh. THẮNG.

3. Tà Cơ:

Ông Nguyễn Văn Ca tách ra khỏi Tòa Thánh Tây Ninh, về Cầu Vỹ Mỹ Tho lập ra Phái Minh Chơn Lý, hợp tác với Thiên sư Nguyễn Văn Phùng, chưởng quản HTĐ, chấp cơ, đổi hết cách thờ phượng, thay hình Thiên Nhân bằng hình trái tim, thay đèn Thái Cực bằng thập ngũ linh đăng, đi sâu vào Tà giáo.

Sau đây là Bài giải thích Thiên Nhân một cách rất tà mị, đăng trong tập Đuốc Chơn Lý (số 51 trang 12), do Tòa Thánh Minh Chơn Lý tại Định Tường xuất bản năm 1955:

VÔ VI HIỆP THIÊN ĐÀI

Ngày 19-8 âm lịch 1938 (7 giờ tối)

Được, con nghe Thầy dạy: Nay Thầy giải nghĩa câu:

“Nhân thị chủ tâm, lương quan chủ tể, quan thị Thần, Thần thị Thiên, Thiên giả ngã dã.”

Trước Thầy có hứa sau Thầy sẽ chỉ rành là đợi cho đến ngày nay là đúng là Tam Kỳ Phổ Độ, Thầy phải giải cho rành cho cả thầy đặng hay kéo nhiều đứa nó ước ao trông đợi.

Giải nghĩa như vậy:

Chữ **Nhân thị chủ tâm** nghĩa là cái Nhân của mỗi người đó là chủ nghĩa ở nơi tạng Tâm mà truyền ra, ấy là trái tim nên hình cái Nhân cũng tương tự như trái tim vậy. Đó là Tâm nội xuất hình ư ngoại đó, nên lấy nó mà làm chủ nghĩa đặng cho đời xem chung nên gọi là Nhân thị chủ tâm là vậy đó.

Lương quan chủ tể, chữ Tể này là cai trị (gouverner) nghĩa là hai điều quan hệ trong sự ngó dòm, coi xét, đó phải ngăn ngừa phòng sợ, trong đó có chánh có tà, đó là lương quan là hai ngõ đó, hễ ngó chánh thì có chánh, ngó tà thì có tà, trong đó có một ngôi chủ tể xem xét không lầm nên phải quan phòng là vậy đó.

Quan thị Thần, chữ Quan này là khán (observer), chữ Thị này là thật (droit), nghĩa là xem xét đặng làm việc phải là chữ Thị đó. Thị trong đó có Thần, Thần này là Thần huệ diệu minh là điển đó, nên gọi là điển quan Thần diệu

huệ phát minh tâm là vậy đó.

Thần thị Thiên, Thần vậy đó mới gọi là có Trời ẩn trong đó. Thần này mới gọi là Thần mục tợ điển. Còn Thiên đó thì người đời hay kêu là Thiên La Thần, Địa La Thần là vậy, vì xem xét không lầm, bao la vũ trụ chẳng vị chẳng tư.

Còn **Thiên giả ngã dã** là: chữ Thiên là xấu (mauvais), chữ Ngã này là nghiêng (pencher). Đó là nghĩa nói về người đạo.

Nếu dùng Thiên Nhân đặng treo vậy thì trong chỗ ngó xem hành động không y theo lời dạy thì người đó có chỗ thiên là không đúng thật nơi lòng.

Phật gọi là ngã (tomber) tương đó. Hễ người đạo mà phạm vào nhờn ngã thì hóa ra người nương đạo mà lập danh quyền lợi, dầu có treo cũng vô ích.

Vậy con biểu Ca nó coi rồi giao lại cho ba Đầu Sư, Tứ Bửu, Thiên Sư xét cho kỹ, coi cho rành, đặng in ra rồi gởi cho các Chi Phái khác đặng rõ lời Thầy dạy đó, hoặc may chúng nó có đặng hồi tâm mà tránh cái nạn tu mà lầm mê hoặc đặng biết chơn lý mà theo Thầy thì là nhờ công trong mỗi đứa đó.” (THĂNG)

II. THÁNH NGÔN CỦA ĐỨC LÝ DẠY CƠ BÚT.

Ngày 13-12-Bính Dần (dl 16-1-1927)

Trong bài Thánh Ngôn Đức Lý Giáo Tông dạy cách dâng Tân Luật, có nói thêm về các vị Thời Quân HTĐ làm phò loan:

“Nhưng Lão dạy thêm một điều này là cả thầy mấy em chẳng phải phò loan đặng huyền diệu hết.

Như kể ra thì có 3 cặp mà thôi, còn các cặp khác phải cẩn thận cho lắm vì thần chúng nó không đủ trọn mà cầm tánh mạng như sanh hay là ngăn ngừa tà ma quỷ mị xung nhập. Nghe à.”

III. PHÁN ĐOÁN THIỆT GIẢ TRONG CƠ BÚT:

Đức Chí Tôn giảng cơ dạy về sự phân biệt chơn giả trong Cơ Bút:

THI

Ngọc Hoàng mở rộng Đạo Kỳ Ba,
Thượng Đế Long Hoa biện Chánh Tà.
*Khuyến trẻ gìn lòng tu chí thiện,
Trường thi kíp tới gặp Trời Cha.*

Thầy các con,

Đồng tử có nhiều hạng, song trong nhiều hạng đó, nên phân biệt trước hết là cái Giả và cái Thiệt.

Lấy về phương diện vô hình thì các con không có thể rõ đâu là Ma hay là Phật, nhưng theo phương diện hữu hình thì các con có thể rõ đặng, vì nhờ cái lý tự nhiên ở trong sự giao thiệp Thần Tiên nầy.

Đạo phải hồi rờ rã là vì người học đạo chưa biết dụng đồng tử, cứ tưởng cho huyền diệu là Tiên Phật, còn không huyền diệu là Ma là Quỷ. Điều đó rất mê tín, các con nên tránh xa.

Cái huyền diệu nơi cõi vô hình là trả lời theo số, đáp trúng lời nguyện thắm. Việc ấy chẳng những Tiên Phật có mà thôi, Quỷ Ma còn cơ huyền diệu hơn nữa. Nhiều huyền diệu để mà chi? Để mà hoặc chúng mê như, lợi dụng.

Phần nhiều các con lại tưởng lầm rằng: Cơ huyền

diệu là Tiên là Phật, nên chi, các đứa ấy hễ nghe Cơ Bút nào huyền diệu như đã nói trên thì nó cứ tin mà lầm lũi thiệt hành, đó là điều mê tín. Thầy bảo các con chẳng nên bắt chước.

Các con hãy tìm cái chơn lý ở trong mỗi sự hành động của Thần linh, thì các con mới biết chắc thiệt hay giả.

Trong sự tập cơ, luyện bút, thì Tiên Phật không hơn Ma Quỷ cái huyền diệu, mà chỉ hơn chúng nó cái Chơn Lý tự nhiên mà thôi.

Bởi vậy cho nên Thầy thường nhắc các con nhớ rằng: Sau khi học hỏi nơi đàn Tiên, các con phải cẩn trình diện với lương tâm và trí phán xét cho kỹ. Chẳng phải nghe nói lời của Trời Phật mà sợ, không phán xét, vì càng có danh hiệu chừng nào thì cái giả danh càng cao chừng nấy.

Mọi việc đều có chánh có tà, các con là Thầy mà Thầy là các con, nhưng chỉ có khác với chúng con là ngôi chánh trị của Thầy ở nơi cõi Hư Vô mà thôi.

Vả chẳng, người tu là miếng mỗi ngon mà lũ Quỷ là đám người chực sẵn vậy. Người chực sẵn bao giờ thấy mỗi ngon mà bỏ đâu, nhưng con mỗi nào khỏi đặng cũng nhờ cái hay riêng của nó. Ví dụ con thỏ, cái hay của nó là sức chạy, nếu nó cụt mất cẳng thì sẽ không còn hay nữa.

Các con cũng vậy, cái hay của các con là cái Trí khôn, để phân biệt sự chơn giả cho khỏi lầm lạc, mà nếu các con để mất trí khôn là mất cái hay đó không sai. Hễ mất cái hay thì có ngày sa vào bẫy rập của lũ Quỷ Vương.

(Trích trong quyển Thiên Đạo của Ngài Bảo Pháp)

CƠ BÚT TIÊN TRI

1. Đức Chí Tôn.
2. Đức Lý Thái Bạch.
3. Thân Hoàng Mỹ Lộc.
4. Tôn Sơn Chơn Nhơn.
5. Đức Chí Tôn ban cho vua Bảo Đại bài thi.
6. Đức Lý Giáo Tông.
7. Thi vắn đáp của Bát Nương và Hộ Pháp.
8. Liễu Nhứt Chơn Nhơn.
9. Thanh Sơn Đạo Sĩ.
10. Ông Trương Định.

Nhờ Cơ Bút, Đức Chí Tôn và các Đấng thiêng liêng giảng cơ tiên tri nhiều điều hệ trọng.

I. ĐỨC CHÍ TÔN TIÊN TRI:

Một ngày kia, Trung Hoa sẽ thờ phụng Đạo Cao Đài, Hoa Kỳ sẽ lãnh trách nhiệm truyền giáo.

Đức Hộ Pháp thuyết đạo tại Đền Thánh thời Tý ngày 24-5-Mậu Tý (dl 30-6-1948):

Bản đạo nhớ khi lên mở Hội Thánh Ngoại Giáo trên Kim Biên, năm 1927, đặng truyền giáo, Đức Chí Tôn cho Bà Phối Sư Hương Lự của chúng ta được thông công cùng Ngài, nhờ nghe nhờ thấy đặng truyền Pháp cho Bản đạo.

Khi nọ, Đức Chí Tôn biểu Bản đạo lại kê bàn viết có một dây nhứt trình đặng rút ra hai tờ, Ngài lại dạy Chị chúng ta là Bà Phối Sư Bảy đứng bắt ấn, kể Bản đạo trải hai tờ Nhứt trình sau lưng mà Bà Chị vẫn không biết. Tới lúc bắt ấn rồi, Bản đạo thưa: Đã trải rồi.

Tức thì Bà Chì nhảy ngược lại, đập hai tờ Nhựt trình.

Bản đạo không hiểu nghĩa gì. Đức Chí Tôn biểu coi hai chơn có đập cái gì? Bản đạo coi chân trước, giở lên là hình Tưởng Giới Thạch, đập ngay trên đầu; còn cẳng sau, Bản đạo biểu giở nhón lên coi thì thấy hình Roosevelt, quan Tổng Thống của nước Mỹ, đập ngay ngực và miệng.

Đức Chí Tôn nói với Bản đạo rằng:

“Một ngày kia, Trung Hoa sẽ thờ phụng Đạo đáo đẽ, còn nước Mỹ sẽ lãnh trách nhiệm đi truyền giáo toàn cầu.”

Ngày nay chúng ta đã thấy tưởng chừng như mấy vị phóng viên bên Mỹ đến lấy hình tròn vẹn của Đạo, đủ cả chi tiết, kinh luật đem về xứ để truyền bá, thì mấy vị này chẳng khác chi như Đức Tam Tạng ngày xưa đến Ấn Độ thỉnh Kinh.

Bản đạo dám chắc sự bí mật mà Bản đạo thấy Chí Tôn hành pháp buổi nọ đã kết liễu ngày hôm nay.

Ấy vậy, chúng ta phải chịu nhọc một chút đặng nghinh tiếp họ trong buổi lễ hôm nay.

Bản đạo tưởng khi những người có mặt ngồi tại đây hầu lễ này, biết chừng đâu cũng sẽ được hạnh phúc như đi truyền giáo bên Mỹ sau này mà chớ.

Bản đạo để lời cảm ơn toàn cả nam nữ, và cái Bí Pháp ấy, chúng ta sẽ thấy Chí Tôn làm thành tướng trong thời gian ngắn ngủi sau đây.

2. ĐỨC LÝ THÁI BẠCH TIÊN TRI VỀ CÁC THÀNH PHỐ LỚN CỦA VIỆT NAM:

Tây Ninh, ngày 4-1-Đinh Mão (dl 5-2-1927).

THÁI BẠCH

Hì chư đạo hữu, chư đạo muội, chư chúng sanh, hảo hội hiệp.

Thảm cho nơn loại! Khổ cho nơn loại!

Đời quá dữ, tội tình ấy, hình phạt kia cũng đáng đó chút.

Lão đã vì thương yêu nơn sanh, hội mười ngày nơi Bạch Ngọc Kinh, cãi cho qua nạn nơn loại, nhưng luật Thiên điều chẳng dễ chi sửa đặng.

Nạn tiêu diệt hầu gần, hết chém giết lẫn nhau tới buổi bịnh chướng sát hại. Lão thấy hình phạt phải châu mày, nhưng ôm lòng rán chịu, lạy lục khẩn cầu.

Chư đạo hữu đầu rõ thấu, ngơ ngáo ngáo như kẻ không hồn, thấy càng thảm thiết!

Lão tưởng chẳng cần phải nói chi một nước nhỏ nhoi đã đặng danh Thánh Địa là nước Nam này, mà Lão xin không đặng tội cho thành Sài Gòn, Chợ Lớn, Gia Định, Huế, Hải Phòng, Hà Nội thay!

Thảm! Thảm! Thảm!

3. THÂN HOÀNG MỸ LỘC TIÊN TRI TẬN THẾ:

“Từ thuở Ta vưng chiếu chỉ đến trần nhậm nơi đây, Ta một tấm lòng lo cho lê thứ đặng an cư lạc nghiệp, thanh vượng mùa màng; mỗi mỗi đều hằng lo lắng cho chúng sanh nơi phần trách nhiệm.

Nay có lệnh Ngọc Hoàng chiếu chỉ cho phép ta giáng cơ mẫu nhiệm mà tổ nên Đạo là quý trọng cho lê thứ hiểu. Lê thứ đầu rõ thấu việc Trời đã định hơn mấy chục ngàn

năm nay. Lê thứ nghe:

Kỳ Hạ Nguơn hầu mẫn nhơn vật vì tai nạn mà phải tiêu tan, mười phần còn lại có một mà thôi.

Than ôi! Buồn thôi! Nghĩ vì Thiên cơ đã định vậy, thế nào mà cải cho đặng, duy có mở tấm lòng từ thiện ăn năn sám hối, lo việc tu hành; đồng với nhau cả quốc dân mà quì lỵ khẩn cầu coi Trời đoái tưởng đến chăng?

Bởi thế nên Ngọc Đế và chư Phật, chư Tiên, chư Thánh mới lập hội Tam Kỳ Phổ Độ đặng có cứu vớt chúng sanh, đương linh đình nơi biển khổ.”

(TNHT 1-2 HN, B79)

4. TÔN SƠN CHƠN NHƠN TIÊN TRI NHỰT – HOA HIỆP CHỮNG TẠO TÂN THẾ GIỚI, NƯỚC NHỰT SỤP ĐỔ.

Ngày 17-11-Bính Tý (dl 30-12-1936)

Phò loan: Hộ Pháp - Tiếp Đạo.

TÔN SƠN CHƠN NHƠN

“Một là chánh phủ Pháp với Đông dương nầy chẳng phải thật tâm trọng Đạo, cố ý giúp giùm, mà thật sự thì cho Đạo xuất dương nơi Trung huê đặng mai phục ần binh toan phương hãm hại ...

Hai nữa là vì Thiên Thơ đã định Huê - Nhựt hiệp chủng. Hại nổi lại là tay có trọng trách nơi phần tạo Tân Thế giới cho Đức Chí Tôn, nên Ngọc Hư phải bảo trọng, không cho diệt chủng, duy chịu nạn diệt quốc mà thôi.

Trong thế kỷ 21, sẽ thấy tang điền Nhựt đảo biển nên

thương hải Huê Triều. Ấy vậy, lúc phối hiệp dân sanh sẽ có lắm trường huyết chiến.

Em nói trong thời gian ngắn ngủi chi đây sẽ có Nhựt Huê đại chiến.”

(TNST, Q.2, Bài 46).

5. ĐỨC CHÍ TÔN BAN CHO VUA BẢO ĐẠI BÀI THI TIÊN TRI:

Ngày 12-12-Đinh Hợi, Đức Chí Tôn giáng cơ, Đức Hộ Pháp và Ngài Cao Tiếp Đạo phò loan.

Đức Chí Tôn cho bài thi 8 câu, dặn rằng: Ông Nguyễn Bửu Tài viết bài thi ra chữ Nho, Bác sĩ Lê Văn Hoạch đem trao tận tay cho vua Bảo Đại (Nguyễn Vĩnh Thụy):

*Thượng hạ nhị Thiên xử Địa hườn,
Việt Nam nhứt quốc nhứt giang sơn.
Hoàng đồ toàn bảo Thiên thơ định,
Đánh tộ trường lưu tổ nghiệp tôn.
Quốc Đạo kim triều thành Đại Đạo,
Nam phong thủ nhứt biển nhơn phong.
An dân liệt Thánh tùng Nghiêu Thuấn,
Văn hóa tương lai hiệp đại đồng.*

6. BÀI THI TIÊN TRI CỦA ĐỨC LÝ GIÁO TÔNG.

Ngày 1-3-Mậu Tý (dl 9-4-1948).

Phò loan: Hộ Pháp – Khai Pháp.

*Việt Thường hữu phúc xuất Thiên Quân,
Chuyển thế Chí Tôn dĩ định tuần.
Trị loạn Nam phương trừ mãnh hổ,
Thừa bình Bắc địa kiến kỳ lân.*

*Hoàng triều hậu nhật nghi tòng cổ,
Văn hiến tương lai khả hoán tân.
Thánh chúa hiển thân phò tổ nghiệp,
Khải ca định vận tại Thu phân.*

7. THI VẤN ĐÁP CỦA BÁT NƯƠNG VÀ ĐỨC HỘ PHÁP:

Bát Nương hỏi Đức Hộ Pháp:

*Dám hỏi Đại huynh rõ máy Trời,
Chừng nào ba lửa cháy ba nơi?
Năm sông đưa chảy năm sông cạn?
Bảy núi nổi tan bảy núi dời?
Tận thế Long Hoa sao chẳng thấy?
Tai trời ngạt khí có hay thôi?
Rồng bay Ngựa chạy cho ai cỡi?
Đất dậy đường bao đổi xác trời.*

Đức Hộ Pháp họa vận và trả lời:

*Hành tàng hư thiệt tại Cha Trời,
Đông mậu năm hồ hỏa khắp nơi.
Châu Ngũ khí hòa tan ác nghiệt,
Thất Sơn dấy động Thất Sơn dời.
Thế tiêu Xuân Kỷ Long Hoa trở,
Thường phạt cuối cùng Thánh đức thôi.
Long Mã ban vương tiêu trận kỳ,
Cù phi hải sục lý thay trời.*

8. TIÊN TRI CỦA LIỄU NHỨT CHƠN NHƠN (TÔN TÂN):

Đêm 5-7-Nhâm Thìn (dl 24-8-1952)
Phò loan: Hộ Pháp - Bảo Văn Pháp Quân.

LIỄU NHỨT CHƠN NHƠN

*Địa hoàng chuyển biến đổi dư đồ,
Diệt tận văn minh của Đạo Tô.
Phân danh Á Âu chia Bắc hải,
Lập triều Anh Mỹ đóng Tây đô.
Hoàng quyền nghiêng giữa chia dân quốc,
Đế Pháp chơi vui thống bạch cờ.
Thắng bại một trường lưu huyết trận,
Thừa nguy Việt mới định xa thơ.*

Chào chư Thánh, các em nam nữ.

Để tỏ một vài lời bí ẩn của cơ đời và lẽ Đạo, sau này sẽ đem ra bàn luận chơi.

Hiện giờ này, ván bài Việt Nam tới giai đoạn “Thừa nguy Việt mới định xa thơ” rồi đó, mà nó phải đi đến đường lối nào nói nghe thử?

Bạch: –

– Đã luận biện thì luận, chớ có hỏi ra sao thì khó coi lắm.

Bạch: –

– Đã đành, nhưng phải nói thử coi chớ.

Bạch: –

– Chưa phải vậy đâu. Nói như thế này mới hợp pháp hóa: Phải có một trận thứ ba mà bao nhiêu cũng đem toàn lực ra Thái Bình Dương để kinh địch, rồi 24 giờ mới ngã ngũ ra sao, chớ kết luận.

Nếu đánh Nga thì còn ngăn biển Bắc Hải, còn đánh Mỹ thì có Đại Tây Dương, còn đánh Anh thì có biển Manche, còn chú Lùn thuộc về Đông Á.

Chừng ấy Thái Bình Dương là cơ khí chặn đường tiến thối của các cường quốc mặc sức tranh hùng. Khi binh kiệt thì chỉ cậy nơi vùng Đông Á tiếp cứu. Cười . . . tiếp lương.

Chừng ấy ai đói khát phải quỵ lụy, mình làm nghĩa. Còn bên ấy lại do nguyên tử, khinh khí thì còn đầu chi độ binh hung.

Chỉ còn Đông Á là tránh nạn ấy được do có Thái Bình Dương ngăn hộ nên mới ra tay tế độ, là “*Thừa nguy Việt mới định xa thơ*” là lúc này gần rồi.

Thôi, nói ít vậy. Kiều. THĂNG.

9. ĐỨC THANH SƠN ĐẠO SĨ TIÊN TRI:

*Chừng nào chi Pháp đã ra đi,
Là lúc Đạo Trời gặp vận suy.
Chức sắc chuộng quyền hơn chuộng Đạo,
Nhơn sanh lo cốt chẳng lo bì.
Mão cao dễ rớt nên thành nhất,
Cổ gần khôn kêu phải hóa li.
Khảo thí lọc lừa trường hắc bạch,
Chung lo hiệp sức thoát cơn nguy.*

THANH SƠN ĐẠO SĨ.

10. ÔNG TRƯỞNG ĐỊNH GIÁNG CƠ TIÊN TRI: NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ NGÔ ĐÌNH NHU SẼ BỊ CHẾT THÂM.

Tối 29-4-Quý Mão (dl 22-5-1963), vài cựu sĩ quan Liên Minh lên họp nhau cầu cơ hỏi các Đấng thiêng liêng về vụ Phật tử ở Huế nổi lên chống Ngô Đình Diệm. Họ họp nhau tại nhà một cựu sĩ quan Cao Đài ở Ngã tư Ao Hồ.

Ông Trương Định, một nhà ái quốc chống Pháp thế kỷ 19, giáng cơ, khuyên họ không nên nhúng tay vào máu và cho bài thơ sau đây tiên tri về 2 anh em ông Diệm.

Bài thơ này bằng chữ Hán (xin nhớ rằng hai em nhỏ học sinh ngồi làm đồng tử mù đặc chữ Nho):

*Sơ nhất dương thời thể chuyển luân,
Ngọ hành mao đắc lục binh quân.
Ác nhân hạ mã bình minh nhị,
Tôn giáo an truyền đạo lý thuần.*

Trương Định.

Viết xong một câu, ông Trương Định ngưng cơ chờ ông Phạm Tài Đoan đọc lại có đúng không, rồi ông mới viết tiếp.

CHÚ GIẢI:

Sơ nhất: là ngày mùng 1; *dương*: là dương lịch; *luân*: là bánh xe, biểu hiệu sự luân hồi của Phật giáo; *chuyển luân*: chuyển bánh xe Phật giáo, nghĩa là làm cách mạng vì động cơ Phật giáo. *Ngọ hành*: 12 giờ trưa khởi cuộc cách mạng. *Mão đắc*: 6 giờ sáng thì cách mạng đắc thắng, thành công. *Lục binh quân*: quân trên bộ, bộ binh. *Hạ mã*: xuống ngựa, ý nói kẻ đang nắm quyền bị lật đổ; *bình minh nhị*: sáng ngày mùng 2. *Thuần*: không có gì pha trộn, ý khuyên tôn giáo không nên để chánh trị xen vào.

Giải nghĩa: Ngày mùng 1 dương lịch, cách mạng bùng nổ, vì nguyên nhân Phật giáo.

Binh chủng lục quân đứng lên làm cách mạng, khởi cuộc từ 12 giờ trưa đến 6 giờ sáng thành công.

Kẻ ác bị hạ bệ ngày mùng 2.

Tôn giáo muốn được an truyền thì phải thuần túy

tôn giáo, không để chánh trị xen lẫn vào.

Ý nghĩa bài thơ tiên tri thật rõ ràng, không chút gì bí hiểm, khó hiểu, và cuộc cách mạng lật đổ Tổng Thống Diệm xảy ra đúng như đã tiên tri trước năm tháng: Trưa (*ngọ hành*), ngày mùng 1 Tây (*sơ nhất dương thời*) cuộc cách mạng bùng nổ, mà Phật giáo là cái ngòi (*thế chuyển luân*), 6 giờ sáng hôm sau ngày mùng 2 tuyên bố cách mạng thành công (*mão đắc*) và một lúc sau loan báo, hai anh em Diệm Nhu bị giết (*Ác nhân hạ mã bình minh nhị*). Lục quân binh cũng đúng vì chỉ có một mình binh chủng lục quân đứng lên lật đổ ông Diệm, còn hải quân và không quân đứng ngoài cuộc....

(Viết theo Hồi Ký của Lê Sanh Phạm Tài Đoàn)

CÁC LUẬT ĐỊNH VỀ CƠ BÚT

- I. Cấm Cơ Bút Phổ Độ.
- II. Hội Thánh qui định về Cơ Bút của HTĐ.
- III. Chương trình hành sự
- IV. Văn thơ và Thánh Lịnh của Đức Hộ Pháp.
- V. Thông tri của Ngài Hiến Pháp

I. CẤM CƠ BÚT PHỔ ĐỘ:

Cuối tháng 6 Đinh Mão (1927)

Thầy ra lịnh ngưng hết Cơ Bút truyền Đạo,

Chỉ còn Cơ Bút tại Tòa Thánh Tây Ninh mà thôi.

Trong Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, ngày 2-5-Đinh Mão (dl 1-6-1927), Đức Chí Tôn phán:

“Còn cuối kỳ tháng 6 đây thì Thầy phải ngưng hết Cơ Bút truyền Đạo.

Các con sẽ lấy hết chí thành đã un đúc bấy lâu mà lần hồi lập cho hoàn toàn mới Đạo.

Nầy là mấy lời đình ninh sau rốt, khá lưu tâm.

Ai vậy tà này có phần riêng, cứ giữ theo nẻo thẳng đường ngay, bước đến thang thiêng liêng, chờ ngày hội hiệp cùng Thầy. Ấy là điều quý báu đó....

Thầy ban ơn cho các con.”

Đức Chí Tôn cấm Cơ Bút phổ thông, có lẽ vì các lý do sau đây:

– Đạo đã mở từ đầu năm Bính Dần, đến tháng 6

năm Đinh Mão là được 1 năm rưỡi, Quỷ Vương sắp khởi lên khuấy phá nền Chơn Đạo của Đức Chí Tôn.

Sáu cặp cơ phổ độ của Hiệp Thiên Đài, theo lời của Đức Lý Giáo Tông, thì không phải tất cả đều phò loan huyền diệu hết, mà chỉ có 3 cặp cơ huyền diệu mà thôi.

Quỷ Vương chỉ sợ 3 Ngài: Đức Phạm Hộ Pháp, Đức Cao Thượng Phẩm và Đức Cao Thượng Sanh.

Sáu cặp cơ này do Đức Chí Tôn lập ra để phò loan tại 6 Đàn Cơ Phổ Độ, thân nhận nhưn sanh vào Đạo.

Ngoài 6 Đàn Phổ Độ này, còn có nhiều đàn cơ khác của người ngoại Đạo lập ra để xin thuốc trị bệnh, hoặc để nói tiên tri về việc chánh trị, đôi khi cũng nói về đạo lý.

Đức Chí Tôn e ngại Quỷ Vương nhập vào các đàn cơ này phá khuấy, gây ra sự mê tín dị đoan hay lừa dối, làm mất đức tin của nhưn sanh.

Do đó, Đức Chí Tôn ra lệnh ngưng hết Cơ Bút truyền Đạo, hơn nữa, Tân Luật đã lập thành, các Chức sắc chỉ do theo đó mà truyền Đạo và thân nhận tín đồ.

Cơ Bút chỉ còn tại Tòa Thánh Tây Ninh, để Đức Chí Tôn, Đức Lý Giáo Tông và các Đấng thiêng liêng giảng cơ điều hành việc Đạo, phong thưởng Chức sắc, ban cho Tân Kinh và những Đạo Nghị Định thiết yếu, và dạy những điều quan trọng cho nền Đạo.

Sau đó, Hội Thánh cũng lập thành những điều lệ nghiêm ngặt để kiểm duyệt Cơ Bút, hầu tránh những điều tai hại có thể xảy ra.

II. HỘI THÁNH QUI ĐỊNH VỀ CƠ BÚT CỦA HTĐ. CHƯƠNG TRÌNH HÀNH SỰ:

Ngày 17-12-Tân Mùi (dl 24-1-1932), các Chức sắc cao cấp của hai Đài: Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài, họp lại lập thành các Qui luật về Cơ Bút trong Đạo, để thi hành cho khởi có điều trắc trở.

Chương trình và các qui định về Cơ Bút chép như sau:

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH SỰ CỦA HIỆP THIÊN ĐÀI VỀ CƠ BÚT

CHƯƠNG TRÌNH

Khoản thứ nhất: Về Cơ Bút.

Phận sự hiện thời về Cơ Bút của Chức sắc Hiệp Thiên Đài theo lời giải của Hộ Pháp.

Buổi mới lập đạo, Thánh ý đã định giao trách nhiệm phò loan cho 4 cặp cơ và mỗi cặp đều có phận sự đặc biệt là:

- Cơ lập Đạo (Enseignements religieux)
- Cơ Pháp (Législation – Sacerdoce)
- Cơ Phổ Độ (Propagande de la Foi)
- Cơ Bí Pháp (Enseignements ésotériques)

1. Hộ Pháp và Thượng Phẩm là Cơ lập Đạo.

Tiền khởi Đức Chí Tôn đã dựng đặng rửa lỗi cho chúng sanh, xây nền Đạo, dựng Hội Thánh, lập Tân Luật

và Pháp Chánh Truyền mà thế cho Thiên điều và Hiến pháp Thiên Đạo.

Khi Thượng Phẩm qui vị thì cơ Phong Thánh đã xong phận sự và nền Đạo cũng đã lập hoàn toàn thì Chức sắc phải chịu luật lệ công cử và duy có tuân y Pháp Chánh Truyền mà điều độ chúng sanh, Đạo hữu duy có tuân y Tân Luật đoạt lần phẩm vị. Cho nên về Cơ Bút thì cơ lập Đạo tức là Hộ Pháp và Thượng Phẩm đã trọn vẹn phận sự rồi.

2. Hậu và Đức là Cơ Pháp.

Chuyên về Hiến pháp của Đạo (Législation religieuse). Hiến Pháp của Đạo là Tân Luật và Pháp Chánh Truyền thì không ai đặng phép can thiệp thêm bớt mà Cơ Pháp không biết nhứt là không có Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài công đồng nhìn nhận, cũng như buổi lập luật, Thánh ý đã muốn cho cả Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài phải công đồng nhận chịu.

3. Mỹ Ngọc và Sang là Cơ Phổ độ để dẫn chúng sanh vào cửa Đạo.

4. Nghĩa và Trạng là Cơ Bí pháp của Đạo, nhưng hiện thời Tịnh Thất của Đạo chưa thành lập thì phận sự chưa đến.

Những lời chép trên đây là do theo lời Hộ Pháp giải.

Khoản thứ nhì: Kiểm duyệt Thánh Ngôn cũ và làm Lịch sử của Đạo.

Hiệp Thiên Đài phải có một Ban Kiểm Duyệt để thấu hết về một mối các Thánh Ngôn từ ngày khai đạo đến giờ.

Cả Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài phải hành đạo do theo Thánh Ngôn kiểm duyệt rồi mà

thôi.

Ban Kiểm duyệt Hiệp Thiên Đài phải lãnh phần làm lịch sử của Đạo.

Khoản thứ ba: Thế lệ chấp cơ và ban hành Thánh Ngôn.

Điều thứ nhứt: Mỗi khi Hội Thánh Cửu Trùng Đài muốn cầu Đức Chí Tôn thì phải viết tờ cho Hộ Pháp biết ý nguyện của mình về phận sự của cặp cơ nào.

Điều thứ nhì: Hộ Pháp sẽ tùy theo mà cho cặp cơ ấy hay, nghĩa là như câu hỏi về luật pháp thì Hộ Pháp sẽ cho cặp cơ Hậu và Đức biết trước, v.v... đoạn trả lời cho Hội Thánh Cửu Trùng Đài và định ngày giờ thỉnh cầu.

Điều thứ ba: Không được phép cầu nơi nào khác hơn là tại Bửu điện Hiệp Thiên Đài.

Điều thứ tư: Mỗi lần cầu, duy có Hộ Pháp và Giáo Tông đặng hầu đàn và một Chức sắc Hiệp Thiên Đài làm ký lục mà thôi, trừ ra khi nào giáng cơ dạy kẻ ai thì người ấy mới được đến hầu.

Điều thứ năm: Chấp cơ rồi thì Hộ Pháp, Giáo Tông và 3 Chức sắc Hiệp Thiên Đài có tại đàn sẽ kiểm duyệt Thánh Ngôn liền, rồi giao cho Giáo Tông ban hành.

Điều thứ sáu: Trước khi ban hành, Giáo Tông phải để cho Bàn Kiểm Duyệt Thánh Ngôn của Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài xem trước, như Bàn Kiểm Duyệt nầy xin ngưng ban hành thì Giáo Tông phải trả lại cho Hộ Pháp đặng định ngày cầu Đức Chí Tôn hỏi lại.

Chức sắc Thiên phong Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài ký tên dưới đây đồng nhìn nhận Tờ Chương Trình

hành đạo này và định:

Thư nhứt: Tuyên bố Tờ Chương Trình này.

Thư nhì: Ngày mùng 8 tháng Giêng tới đây là ngày cả Chức sắc Hiệp Thiên Đài sẽ về Tòa Thánh mà tái thủ phận sự.

Làm tại Tòa Thánh Tây Ninh, ngày 24 tháng 1 năm 1932.
(âl 17-12-Tân Mùi).

Ký tên:

Hộ Pháp Thượng Đẩu Sư **Quyển Giáo Tông**
PHẠM CÔNG TẮC THƯỢNG TRUNG NHỰT

- **Hiển Pháp** Trương Hữu Đức **Thượng Chánh Phối Sư**
- **Khai Pháp** Trần Duy Nghĩa **THƯỢNG TƯỚNG THANH**
- **Tiếp Pháp** Trương Văn Tràng
- **Bảo Thế** Lê Thiện Phước **Thái Chánh Phối Sư**
- **Khai Thế** Thái Văn Thâu **THÁI THỜ THANH**
- **Tiếp Thế** Lê Thế Vinh
- **Tả Phan Quân MÙI.** **Ngọc Chánh Phối Sư**
có xin kiếu.

III. VĂN THƯ VÀ THÁNH LỆNH CỦA ĐỨC HỘ PHÁP:

Đức Hộ Pháp gửi văn thư cho chư vị Thời Quân và Chức sắc Hiệp Thiên Đài về vấn đề Cơ Bút.

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Nhị thập lục niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

Ngày 16-2-Tân Mão (dl 23-3-1951).

HỘ PHÁP

Chương Quản Nhị Hữu Hình Đài

Hiệp Thiên và Cửu Trùng

Gởi cho cả Chức sắc Thiên phong HTĐ.

Cơ Bút là một cơ quan thuộc Huyện Linh Pháp nên vẫn là hư hư thiệt thiệt, vì bất kỳ mọi sự chi mà có tánh phạm của con người hùn vốn vào đó đều giả nhiều mà thiệt ít.

Cơ Bút đã đủ quyền lập Đạo đặng thì nó cũng đủ quyền diệt Đạo đặng.

Vì cơ mà Đức Chí Tôn đã cấm Cơ Bút Phổ Độ.

Một điều nguy hiểm nhứt là Cơ Bút có quyền phong cho một tên cùi phung ăn xin nơi giữa chợ ngồi địa vị Giáo Tông hay là Hộ Pháp đặng, thì ta là người giữ gìn chơn pháp lại càng phải oai nghiêm lắm lắm mới đặng.

Bản đạo đã xét nét cùng các Đấng và Thánh Lệnh số 6/PC thì làm cho chúng ta phải lưỡng lự.

Nếu dùng oai nghiêm mà trị giả dối đã đành, còn thoảng như rủi gặp thiệt, ta mới tính sao?

Bản đạo đã có giải rõ những đồng cốt là khí cụ có thể là của Trời dùng mà cũng có thể là của Quỷ hại. Đồng cốt giả, với Bản đạo, Bản đạo dám cho nó giả, vì cái giả của nó, Bản đạo sẽ có đủ phương làm ra có thiệt. Còn các bạn tu và em út ta nó có đặng như Bản đạo đâu mà Bản đạo dám cả gan để cho họ bị hại vì cái giả của đồng cốt.

Đã bàn luận xong cùng các Đấng, nên Bản đạo quyết định như vậy:

Y như Bản đạo đã định khi trước, là ai cũng đặng

tự do dùng Cơ Bút mà học hỏi lấy mình mà thôi, còn cấm nhật không đăng truyền bá.

Nếu bài cơ nào học tư mà truyền bá ra thì Quân Đội và Thánh Vệ sẽ bắt luôn người tuyên truyền và đồng tử mà giam lại đặng đợi Cơ Hiệp Thiên Đài định phân giả hay thật. Nếu giả thì người tuyên truyền và đồng tử sẽ bị giao cho quyền nhà binh dùng thế nào tùy ý, nghĩa là sung vào cơ quân vệ theo lính cho tới ngày nào tiên tri hay là huyền linh nói trong Cơ Bút thiệt hiện ra có thật đủ lẽ.

Một điều hại nhứt mà Cao Thượng Phẩm nói: “*Không nên để cho mấy đứa nhỏ nó ra lệnh hay là dạy lại mình chớ!*”

Bần đạo muốn hỏi rõ, phải nó làm cơ giả không? Thì người cười mà nói rằng: “*Quả có phần giả của nó, dẫu nó cố ý hay là vô tình cũng là đáng tội. Hộ Pháp để ý xét xem mấy bài văn sẽ thấy cái giả của chúng nó.*”

“*Cơ Bút giả đã nhiều rồi, Hộ Pháp liệu lấy.*”

(Lời này của Đức Lý Giáo Tông).

Thi hành Chánh pháp cho nghiêm nhật.

Bất kỳ Cơ Bút nào mà ra lệnh cấm quyền Hội Thánh, không có mặt đủ Thiên phong Nhị Hữu Hình Đài và nơi Cung Đạo Đền Thánh, xuất hiện thì ra lệnh bắt đồng tử và kẻ nghịch tuyên truyền giam lại, rồi đem ra Pháp Chánh kết án trực xuất ra khỏi Đạo.

Bảo Thế xem rồi lập Thánh Lịnh lại đưa cho Bần đạo ký.

Ký tên và đóng ấn: PHẠM CÔNG TẮC

Thông truyền cho cả mấy bạn Chức sắc HTĐ:
Thừa Sứ, Truyền Trạng và Luật Sự tương tri.

KHAI PHÁP (ấn ký)

23-3-1951 (Tân Mão)

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Nhị thập lục niên)

TÒA THÁNH TÂY NINH

Số: 21/ TL.

THÁNH LỊNH

HỘ PHÁP

Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài

Hiệp Thiên và Cửu Trùng,

Chiếu y Tân Luật và Pháp Chánh Truyền,

Chiếu y Đạo Luật ngày 16-1-Mậu Dần (dl 15-2-1938) giao Quyền Thống Nhứt Chánh Trị Đạo cho Hộ Pháp nắm giữ cho tới ngày có Đầu Sư chánh vị,

Nghĩ vì Cơ Bút là một cơ quan thuộc về Huyền Linh Pháp nên vẫn là hư hư thiệt thiệt, vì bất kỳ mọi sự chi mà có tánh phạm của con người phối hợp vào đó đều giả nhiều mà thiệt ít,

Nghĩ vì Cơ Bút đã đủ quyền tạo Đạo đặng thì nó cũng đủ quyền diệt Đạo đặng, vì cơ mà Đức Chí Tôn đã cấm Cơ Phổ Độ,

Nghĩ vì Hộ Pháp đã khoan hồng, cho phép mỗi người được tự do dùng Cơ Bút để học hỏi riêng mà thôi,

còn cấm nhật không được truyền bá.

Nghĩ vì có nhiều người ở nhiều nơi không tuân hành y lệnh dạy, nên lúc sau này có Cơ Bút giả nầy sanh quá nhiều làm cho bốn đạo xao xuyến phân vân, e di hại cho toàn sanh chúng.

Nên:

THÁNH LỆNH

Điều thứ nhất: Mỗi người trong bốn đạo được phép dùng Cơ Bút học hỏi riêng mà thôi, nhưng cấm bắt truyền bá ra ngoài.

Điều thứ nhì: Sự truyền bá ra ngoài có nghĩa là: Chép Thánh Giáo của người học hỏi riêng rồi phân phát ra cho người khác xem, hoặc tuân hành theo.

Điều thứ ba: Những vị nào phạm lệnh trên đây (Điều thứ nhất và Điều thứ nhì) sẽ bị nghiêm trị như sau đây:

1) Nếu bài Cơ Bút nào để học hỏi riêng mà truyền bá ra ngoài thì Quân Đội và Cơ Thánh Vệ truy nã người tuyên truyền và đồng tử, giam cả thầy lại cho tới khi có Cơ Bút của Hiệp Thiên Đài định phân thiệt giả.

2) Nếu giả thì người đồng tử và người tuyên truyền sẽ bị giao cho Quân Đội tùy ý xung vào cơ binh theo lính, hoặc vào Cơ Thánh Vệ cho tới ngày tiên tri hay huyền linh nói trong Cơ Bút ấy thật hiện ra có thật đủ lẽ.

Điều thứ tư: Bất kỳ Cơ Bút nào mà ra lệnh cho cầm quyền Hội Thánh, không có đủ mặt Thiên phong Nhị Hữu Hình Đài và nơi Cung Đạo Đền Thánh xuất hiện thì Hội Thánh liền ra lệnh bắt đồng tử và người tuyên

truyền Cơ Bút ấy giam lại, rồi đưa nội vụ ra Pháp Chánh kết án trục xuất ra khỏi Đạo.

Điều thứ năm: Vị Bảo Thế Tổng Thơ Ký Chánh Trị Đạo, chư vị Chức sắc Hiệp Thiên Đài, vị Khai Pháp Chương quản Bộ Pháp Chánh, chư vị Quyền Thái Chánh Phối Sư, Quyền Thượng Chánh Phối Sư, Quyền Ngọc Chánh Phối Sư, Đạo Nhơn Chương quản Phước Thiện, Quyền Tổng Tư Lệnh Quân đội Cao Đài, Chỉ Huy Cơ Thánh Vệ, Khâm Thành Thánh Địa nam nữ, Nữ Chánh Phối Sư Hành chánh và Nữ Phối Sư Chương quản nữ phái Phước Thiện, các tư kỳ phận, lãnh thi hành Thánh Lệnh nầy.

Tòa Thánh, ngày 22-2-Tân Mão (dl 29-3-1951).

HỘ PHÁP (ấn ký)

IV. THÔNG TRI VỀ CƠ BÚT CỦA NGÀI HIẾN PHÁP QUYỀN CHƯƠNG QUẢN HTĐ:

Ngày 2-6-Nhâm Tý (dl 12-7-1972), Ngài Hiến Pháp Trương Hữu Đức cầm Quyền Chương Quản Hiệp Thiên Đài, ra THÔNG TRI số 196/QCQ/TT: Nhắc lại Thánh Lệnh số 21/TL ngày 22-2-Tân Mão (dl 29-3-1951) cấm truyền bá Cơ Bút học hỏi riêng.

Ngài Hiến Pháp nhấn mạnh: Chỉ có những Thánh giáo nào đã được Hội Thánh kiểm duyệt mới được phổ biến.

Văn phòng
Quyền Chương Quản
Hiệp Thiên Đài
— ooo —
Số: 196/QCQ/TT

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
(Tứ thập thất niên)
TÒA THÁNH TÂY NINH

THÔNG TRI
HIẾN PHÁP

Quyền Chương Quản Hiệp Thiên Đài

Kính – Hội Thánh Cửu Trùng Đài,
gởi: – Hội Thánh Phước Thiện.
– Chúc sắc, Chúc việc và toàn đạo lưỡng
phái.

Kính chư Hiền hữu, chư Hiền muội.

Chiếu Thánh Lệnh số 21/TL ngày 22 tháng 2 Tân Mão (dl 29-3-1951), mỗi người trong bốn đạo được phép dùng Cơ Bút học hỏi riêng mà thôi, cấm nhật truyền bá ra ngoài và định rõ hình phạt về tội vi phạm.

Nghĩ vì có một số người vô trách nhiệm, giả tạo ra một vài bài Thánh Giáo ở bên ngoài, cho là Thánh Giáo của Hiệp Thiên Đài cầu tại Giáo Tông Đường, để phổ biến khắp vùng Thánh địa và ở địa phương, làm tổn thương uy danh của Hội Thánh và có ý định mê hoặc bốn đạo hoặc làm điều bất chánh.

Kể từ đây, nếu bài Thánh Giáo nào ban hành mà không có Hội Thánh ấn ký hoặc Chúc sắc hữu trách ký tên thì kể như vô hiệu lực, toàn đạo chẳng nên nghe và tuân theo.

Xin Hội Thánh Cửu Trùng Đài và Phước Thiện phổ

biển sâu rộng Thông Tri này cho toàn đạo đều hiểu biết.
Nay kính.

Tòa Thánh, ngày 2-6-Nhâm Tý (dl 12-7-1972).

HIẾN PHÁP Trương Hữu Đức

(ấn ký)

KẾT LUẬN

Xin trích Thánh Ngôn của Đức Chí Tôn trong quyển Thiên Đạo của Ngài Bảo Pháp làm kết luận:

“Nền Đạo sáng khai, Thầy tạm dùng Cơ Bút làm khuôn mẫu. Các con phải lãnh ảnh hưởng bên Hiệp Thiên Đài mà hành đạo.

Những sự lợi hại của Cơ Bút có hai đàng là:

Một là chánh đại quang minh giáo đạo, ấy là Thầy các con, là Tiên Cơ đó.

Hai là chỗ mê muội hữu vi hữu tướng để cho ác quỷ hung thần truyền thình giáo đạo cho những đứa con không đủ đạo đức, tức là Tà Cơ và Nhơn Cơ vậy.”

“Thầy khuyên các con rán nhớ hai chữ “Chí Thành”, để dạ không không, đừng tính điều chi khác với hai chữ “Chí Thành”, vì hễ Tâm Chí Thành thì mới có cảm giác đặng. Mà cảm giác đặng thì mới có ứng hóa, hễ ứng hóa thì các con mỗi đứa đều đặng rõ thông mọi việc, ấy là rõ đặng Thiên Cơ phú thác cho một điểm linh quang. Điểm linh quang ấy vốn có tánh lương tri lương năng, chứng rõ đặng Thiên Cơ, ấy mới gọi rằng: Chơn Thật.

Các con đừng thâm tính rằng nên cầu Thầy cùng chư Phật Thánh Tiên mà nghe Thánh giáo dạy bảo cho rõ Thiên Cơ, ấy là ở trong đó có một cái lẽ đại hại ẩn vi, nó diu dắt các con đi sai đường lạc ngã. Có phải vậy không các con?

Vì Cơ Bút là cơ quan rất tối cao tối trọng, vả lại Cơ Bút là cơ vận chuyển theo thời thế mà tấn hóa, diu dắt các con chung hòa như một sợi dây để buộc đàng liên ái, đúng với luật thiên nhiên đó thôi.”

Người biết dùng Cơ Bút là biết phán đoán. Người biết phán đoán tức là người không chịu làm nô lệ cho tư dục, thì Cơ Bút không còn tư tâm, tư phân, tư kiến, bài bác chỉ trích, nuôi nấng ác cảm, chia phe lập phái.

Người ấy sẽ là người sáng suốt, rọi đuốc quang minh mà dìu dẫn nhơn sanh đi từ bến mê qua bến giác.

Chừng đó, Cơ Bút sẽ là cái chìa khóa mở kho báu vô tận cho chúng sanh lạc hưởng.

Cơ Bút là một cái chìa khóa mở cửa Bạch Ngọc Kinh, một cái chìa khóa mở kho bí mật của Trời Đất.

Thí dụ: Chúng ta nay là người đứng trước muôn ngàn cái hình vẽ, có nên nhìn miếng giấy rằn rức mà quên cái tinh thần, nét họa tuyệt sắc, cái màu thuốc sắc sảo của anh thợ khéo sao?

Người hành đạo cũng thế, có nên vì cái hình thức mà quên cái lý thâm uyên của Đại Đạo sao?

HẾT

GIỚI THIỆU của Nhóm Bạn Đạo – Australia

Xuyên qua phần Đạo Sử, như chúng ta ai ai cũng đều biết là Đạo Cao Đài được Đức Chí Tôn, tức Ngọc Hoàng Thượng Đế dùng huyền diệu Cơ Bút sáng lập ra. Nhưng trong số chúng ta có mấy ai biết được xuất xứ - nguồn gốc - phương pháp sử dụng Cơ Bút một cách tường tận bao giờ, trừ những vị Chức sắc Thiên phong tiền khai của Đạo, và sau này họa chăng là những Chức sắc Hiệp Thiên Đài có học hỏi về Cơ Bút mà thôi. Nhưng hầu như cho đến giờ, trong cửa Đạo vẫn chưa có một tài liệu văn tự nào đề cập đến vấn đề này một cách rõ ràng, khúc chiết và đầy đủ cả.

May mắn thay, lúc còn sinh tiền Cố Hiền Tài Nguyễn Văn Hồng đã dành khá nhiều thời giờ dày công nghiên cứu và đúc kết thành tập sách *“Khảo Luận về Xây Bàn và Cơ Bút trong Đạo Cao Đài”* coi như là tập tài liệu chuyên đề viết về Xây Bàn Cơ Bút - sau khi đã lược qua các phong trào Thần Linh Học Kim Cổ Đông Tây - một cách tương đối khá đầy đủ nếu không nói là dồi dào phong phú, hầu lưu lại cho chúng ta có thêm tài liệu để học hỏi và trau dồi vốn kiến thức Đạo học kém cỏi của mình, mà chúng tôi nghĩ là không thể thiếu cho bất cứ người Tín đồ Cao Đài nào.

Có thể nói, đây là một trong những tập tài liệu đầu tiên trình bày khá tỉ mỉ chi tiết về việc Xây Bàn và Cơ Bút mà từ trước đến nay chưa từng được ai đề cập tới.

Vì xét thấy sự hệ trọng và tầm ảnh hưởng của Cơ Bút đối với đức tin của người Tín đồ như thế nào, nên sau khi

lược đọc qua, anh em chúng tôi cho đánh máy lại nguyên văn để trình bày cùng quý đọc giả trên trang mạng Cao Đài E Book này để nhằm chia sẻ kiến thức hiểu biết với nhau trong tình huynh đệ đại đồng. Tiếc là tác giả đã mất, nên không thể nào làm gạch nối xin quý vị đóng góp ý kiến xây dựng và chuyển cho tác giả như trước đây được nữa!

Chúng tôi cũng xin phép được miễn nghị bàn về giá trị tác phẩm mà xin nhường lại cho quý đọc giả thẩm định.

Xin trân trọng giới thiệu đến cùng toàn thể đạo hữu, đạo tâm gần xa khắp nơi trong cũng như ngoài nước.

T.T/NSW ngày 14 tháng 07 năm 2007

(Âm lịch 01-06-Đinh Hợi)

Nhóm Bạn Đạo – Australia.

KHẢO LUẬN
XÂY BÀN & CƠ BÚT
BIÊN SOẠN : HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG